

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

Ngày tháng năm 2023
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2023
UBND HUYỆN SÔNG HINH
(Ký tên, đóng dấu)

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1. Mục đích, yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất huyện Sông Hinh	1
2. Những căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024	2
3. Những tài liệu, bản đồ.....	6
4. Các phương pháp thực hiện	6
5. Tổ chức thực hiện.....	7
6. Các sản phẩm và nội dung chính của báo cáo	8
6.1. Các sản phẩm	8
6.2. Nội dung chính của báo cáo.....	8
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	9
1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên	9
1.1.1. Vị trí địa lý	9
1.1.2. Địa hình.....	9
1.1.3. Khí hậu	10
1.1.4. Thủy văn	11
1.1.5. Các nguồn tài nguyên	11
1.2. Khái quát về điều kiện kinh tế, xã hội	17
1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế.....	17
1.2.3. Dân số, lao động.....	19
1.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn	20
1.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.....	21
1.3. Tình hình quản lý đất đai	26
1.3.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 (chi tiết xem biểu 01/CH)	26
1.3.2. Biến động sử dụng các loại đất năm 2022 - 2023	29
1.3.3. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	31
1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường	32
1.4.1. Những lợi thế	32
1.4.2. Những hạn chế	32
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC	33
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	33
2.1.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất	33
2.1.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất	47
2.1.3. Kết quả thực hiện thu hồi đất	48
2.1.4. Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp.....	49
2.3. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	49

2.4. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	50
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024.....	52
3.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	52
3.1.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức.....	52
3.1.2. Nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân	53
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	53
3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	65
3.4. Diện tích đất cần thu hồi	66
3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	66
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2023	67
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	76
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	77
4.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	78
4.2. . Các giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	79
4.3. Giải pháp về khoa học - công nghệ.....	79
4.4. Các giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	80
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	81
1. Kết luận	81
2. Kiến nghị.....	81

DANH MỤC CÁC BIỂU

Biểu 01: Hiện trạng sử dụng đất huyện Sông Hinh năm 2023	26
Biểu 02: Biến động sử dụng đất năm 2023 so với năm 2022.....	29
Biểu 03: Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2023 đã thực hiện.....	33
Biểu 04: Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2023 đề nghị chuyển tiếp sang năm 2024.....	34
Biểu 04: Danh mục công trình, dự án không chuyển tiếp sang (loại bỏ) Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	34
Biểu 05: Đánh giá danh mục công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên thông qua.....	39
Biểu 06: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023	42
Biểu 07: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023	47
Biểu 08: Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023	48
Biểu 09: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức	52
Biểu 10: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân	53
Biểu 11: Kế hoạch sử dụng các loại đất năm 2024.....	54
Biểu 12: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024	66
Biểu 13: Kế hoạch thu hồi đất năm 2024	66
Biểu 14: Diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024.....	67
Biểu 15: Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2024.....	68

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sông Hinh là huyện miền núi của tỉnh Phú Yên được thành lập từ năm 1985, nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Phú Yên, cách thành phố Tuy Hoà khoảng 60 km. Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện có 89.262,01 ha, chiếm 17,78% diện tích tự nhiên của tỉnh Phú Yên. Huyện được chia làm 10 xã và 01 thị trấn, trung tâm huyện lỵ đặt tại thị trấn Hai Riêng. Dân số năm 2022 khoảng 52.104 người, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 47%. Mật độ dân số trung bình 58,4 người/km².

Luật Đất đai năm 2013 quy định: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là 1 trong 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai (Điều 22); việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai ngày 29/11/2013 (Khoản 3, 4 Điều 40), Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (Khoản 3 Điều 7 và Khoản 4 Điều 9) và hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trên địa bàn thị xã có liên quan đến sử dụng đất.

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì hàng năm huyện phải lập kế hoạch sử dụng đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trong quý III, sau đó thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh và trình UBND tỉnh phê duyệt tháng 12 hàng năm và tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt. Cũng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, những công trình, dự án không có trong kế hoạch sử dụng đất được duyệt thì không được phép thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho chuyển mục đích sử dụng đất.

Thực hiện Luật Đất đai, chỉ đạo của Sở Tài nguyên và Môi trường và nhiệm vụ UBND huyện giao; Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp miền Trung ***lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên*** để đảm bảo tính thống nhất về quản lý Nhà nước về đất đai, góp phần quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội, ổn định và phát triển các khu dân cư đô thị, nông thôn, các khu dịch vụ, du lịch, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp,...

1. Mục đích, yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất huyện Sông Hinh

1.1. Mục đích

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Sông Hinh là biện pháp để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện Sông Hinh năm 2024,... trên cơ sở tuân thủ chính sách pháp luật về đất đai và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của của tỉnh và huyện. Mục tiêu lập Kế hoạch sử dụng đất được thể hiện ở các nội dung:

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.
- Đề xuất với UBND tỉnh danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trong năm 2024 theo QHSD đất của huyện Sông Hình đã được UBND tỉnh phê duyệt và phù hợp với kế hoạch phát triển KT-XH của tỉnh, huyện năm 2024.
- Góp phần quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên đất đai; làm cơ sở pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- Tạo sự phối hợp đồng bộ giữa các Sở, ngành của tỉnh và địa phương trong quá trình quản lý, sử dụng đất phù hợp với quy hoạch đề ra; đáp ứng nhu cầu sử dụng đất năm 2024 của các ngành trên địa bàn huyện có hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.
- Góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuẩn bị cơ sở hạ tầng, thu hút vốn đầu tư, phát triển các khu đô thị mới, các khu du lịch, dịch vụ, thương mại; nâng cao đời sống văn hoá, xã hội; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bảo vệ môi trường sinh thái.
- Làm căn cứ pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất,... theo quy định của pháp luật.
- Coi đất đai là nguồn lực để khai thác tăng nguồn thu cho ngân sách, tạo nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế-xã hội cho địa phương.

1.2. Yêu cầu

- Điều tra, tổng hợp, cập nhật đầy đủ các công trình, dự án của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện.
- Xác định vị trí, ranh giới, diện tích các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất; khu vực dự kiến nhà nước thu hồi đất trên bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện.
- Xác định các công trình, dự án của các tổ chức; nhu cầu sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện và tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất phải phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Sông Hình đã được UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt tại Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/01/2022.

2. Những căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.1. Các văn bản Trung ương ban hành

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 22/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Đất đai; Chỉ thị số 01/CT-TTg, của Thủ tướng ngày 03/01/2018 về việc Chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Chỉ thị số 22/CT-TTg, ngày 11/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;

- Các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Số 148/2020/NĐ-CP, ngày 18/12/2020 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Số 10/2023/NĐ-CP, ngày 03/4/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thu hành Luật đất đai.

- Quyết định số 665/2014/QĐ-CP, ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Các Thông tư của Bộ tài nguyên và Môi trường: Số 30/2014/TT-BTNMT, ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Số 02/2015/TT-BTNMT, ngày 27/01/2015 về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Số 01/2017/TT-BTNMT, ngày 09/02/2017 về quy định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục-đào tạo, cơ sở thể dục thể thao; Số 01/2021/TT-BTNMT, ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Số 09/2021/TT-BTNMT, ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

2.2. Các văn bản của địa phương ban hành

** Văn bản do HĐND tỉnh Phú Yên*

- Nghị quyết số 100/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Phú Yên v/v thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Phú Yên.

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 27/09/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 9 về việc Quy định tỷ lệ phân cấp nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất (sau khi trừ chi phí đầu tư hạ tầng, trong đó bao gồm cả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã cho ngân sách xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 của HĐND tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ X về Thu hồi CMĐ SĐĐ vì mục đích QP, AN; phát triển KTXH, vì lợi ích quốc gia, công cộng; CMĐSD đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ để thực hiện dự án, công trình trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ XII về Thu hồi đất vì mục đích phát triển KTXH, vì lợi ích quốc gia, công cộng; CMĐSD đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 213/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 của HĐND tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 14 về Thu hồi đất vì mục đích phát triển KTXH, vì lợi ích quốc gia, công cộng; CMĐSD đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 255/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 17 về Thu hồi đất vì mục đích phát triển KTXH, vì lợi ích quốc gia, công cộng; CMĐSD đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết 13/NQ-HĐND, ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 05 năm (2021-2025) tỉnh Phú Yên

- Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 20 về Thu hồi đất vì mục đích phát triển KTXH, vì lợi ích quốc gia, công cộng; CMĐSD đất để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 316/NQ-HĐND ngày 20/01/2021 của HĐND tỉnh Phú Yên về Thu hồi đất, CMĐSD đất để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 322/NQ-HĐND ngày 27/4/2021 của HĐND tỉnh Phú Yên về Thu hồi đất, CMĐSD đất để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của HĐND tỉnh Phú Yên về Thu hồi đất, CMĐSD đất để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 của HĐND tỉnh Phú Yên về Thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Yên về Thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị quyết số 75/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Phú Yên về Thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

- Nghị quyết số 09/NQ-HĐND, ngày 21/4/2023 của HĐND tỉnh về Thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

** Văn bản do UBND tỉnh Phú Yên*

- Quyết định 1008/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Phú Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 3249/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh V/v Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Phú Yên.

- Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt bổ sung các mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường vào Danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh

Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Ban hành Danh mục đập, hồ chứa nước, thủy lợi lớn, vừa, nhỏ trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND Tỉnh Về việc phê duyệt cập nhật, bổ sung các điểm mỏ khoáng sản vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên v/v Ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 05 năm (2020-2024).

- Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý công sở trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt cập nhật, bổ sung và loại bỏ các điểm mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường khỏi Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 844/QĐ-UBND, ngày 18/7/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về phê duyệt Danh mục không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

- Quyết định số 960/QĐ-UBND, ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về phê duyệt Phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản (11 mỏ đất) làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

- Quyết định số 879/QĐ-UBND, ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh Phú Yên về Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Sông Hinh.

- Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/01/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Sông Hinh.

- Quyết định số 607/QĐ-UBND, ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Sông Hinh.

- Quyết định số 120/QĐ-UBND, ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh Phú Yên về Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Sông Hinh.

- Quyết định số 809/QĐ-UBND, ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh Phú Yên v/v cho phép thực hiện, cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Sông Hinh và Sơn Hòa để thực hiện 02 công trình xây dựng Cơ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 1385/QĐ-UBND, ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh Phú Yên v/v cho phép thực hiện và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện, thị xã;

- Công văn số 4634/UBND-ĐTĐ, ngày 05/9/2023 của UBND tỉnh Phú Yên về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện.

2.3. Văn bản do huyện Sông Hinh ban hành

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sông Hinh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 2107/QĐ-UBND, ngày 06/10/2021 của UBND huyện Sông Hinh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 huyện Sông Hinh (nguồn vốn do huyện quản lý).

- Thông báo số 138/TB-UBND, ngày 06 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Sông Hinh về việc Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- Quyết định số 1982/QĐ-TNMT ngày 21/7/2023 của UBND huyện Sông Hinh về việc phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí dự án: Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên;

Và các công văn đăng ký nhu cầu sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất của các ban, ngành, các cấp của tỉnh và huyện.

3. Những tài liệu, bản đồ

- Dự thảo Quy hoạch tỉnh Phú Yên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- Báo cáo chính trị Đại hội đảng bộ huyện, nhiệm kỳ 2021-2025.
- Kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm (2021-2025) của huyện.
- Danh mục các công trình kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất của huyện.
- Quy hoạch sử dụng đất huyện Sông Hinh đến năm 2030.
- Kế hoạch sử dụng đất các năm 2021, 2022, 2023 của huyện Sông Hinh.
- Kết quả thống kê đất đai năm 2022.
- Kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Phú Yên năm 2017.
- Kế hoạch phát triển KT-XH tỉnh Phú Yên năm 2024.
- Kế hoạch phát triển KT-XH an ninh, quốc phòng huyện Sông Hinh năm 2024.
- Kế hoạch phát triển các ngành năm 2024.
- Kế hoạch đầu tư công và xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn huyện năm 2024.
- Tài liệu quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng các khu dân cư đô thị và nông thôn.
- Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên năm 2022.
- Văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2024 của các ngành, lĩnh vực, của các cấp trên địa bàn huyện.
- Khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

4. Các phương pháp thực hiện

4.1. Nhóm phương pháp thu thập số liệu

a. Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa: Đây là phương pháp được dùng để điều tra, thu thập số liệu, tài liệu, bản đồ, thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm

2023; thu thập tình hình thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo phương án kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Khảo sát thực địa tại cấp xã, thị trấn để xác định khoanh vẽ lên bản đồ địa chính vị trí, ranh giới, hiện trạng sử dụng đất của các thửa đất sẽ chuyển mục đích sử dụng để thực hiện các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2023.

b. Phương pháp kế thừa, chọn lọc tài liệu đã có: Trên cơ sở các tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập được tiến hành phân loại, chọn lọc, kế thừa các tài liệu đã được phê duyệt và các công trình, dự án đang triển khai năm 2023 chưa xong và thực hiện tiếp của năm 2023; các công trình, dự án mới sẽ triển khai năm 2024.

4.2. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu

Chọn một số dự án lớn nằm trong phương án QH, KHSD đất đã được phê duyệt để điều tra về kết quả đã thực hiện hoặc tại sao chưa được thực hiện để rút ra các nguyên nhân làm tốt hoặc làm chậm tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất và giải pháp khắc phục,...

4.3. Phương pháp xử lý số liệu, bản đồ

Các số liệu thu thập được phân tích, xử lý bằng phần mềm Excel. Các số liệu được tính toán, phân tích theo các bảng, biểu kết hợp với phần thuyết minh. Bản đồ được xây dựng bằng sử dụng phần mềm như Microstation, MapInfor,...

4.4. Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích

Trên cơ sở các số liệu, tài liệu thu thập được, tiến hành phân nhóm, thống kê diện tích các công trình, dự án đã thực hiện theo kế hoạch; chưa thực hiện, hoặc đang thực hiện dở dang; tổng hợp, so sánh và phân tích các yếu tố tác động đến việc thực hiện phương án KHSD đất. So sánh các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện năm trước (năm 2023) với chỉ tiêu phương án KHSD đất đã được phê duyệt.

4.5. Phương pháp minh họa trên bản đồ

Đây là phương pháp đặc thù của công tác lập kế hoạch sử dụng đất. Các loại đất chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch năm 2024 được thể hiện trên bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện, tỷ lệ 1/25.000 thể hiện cụ thể các yếu tố về vị trí phân bố, ranh giới sử dụng đất, diện tích, hiện trạng sử dụng đất,... Phương pháp minh họa bằng bản đồ có sử dụng các phần mềm chuyên dụng làm bản đồ (như Microstation, Mapinfor,...).

5. Tổ chức thực hiện

- Chủ dự án: UBND huyện Sông Hình.
- Đại diện chủ dự án: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sông Hình.
- Đơn vị tư vấn lập dự án (Đơn vị trúng thầu): Phân viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp miền Trung - Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp (*Bộ nông nghiệp và PT Nông thôn*).
- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn trực thuộc huyện Sông Hình.

6. Các sản phẩm và nội dung chính của báo cáo

6.1. Các sản phẩm

1. Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, kèm theo hệ thống bảng biểu, phụ biểu tính toán, bản đồ thu nhỏ, bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thể hiện trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã, thị trấn (*có lồng bản đồ địa chính*).

2. Bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất năm 2023 toàn huyện, tỷ lệ 1/25.000.

3. Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 toàn huyện, tỷ lệ 1/25.000.

4. Các bản đồ chuyên đề;

Lưu trữ sản phẩm: Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, các sản phẩm trên được lưu trữ tại:

- UBND tỉnh: 01 bộ.
- Sở Tài nguyên và Môi trường: 01 bộ.
- Ủy ban nhân dân huyện: 01 bộ.
- Phòng Tài nguyên và Môi trường: 01 bộ.
- Các xã 01 bộ.

6.2. Nội dung chính của báo cáo

- Đặt vấn đề.
- Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.
- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.
- Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024.
- Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất
- Kết luận và kiến nghị

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Sông Hinh là huyện miền núi nằm phía Tây Nam tỉnh Phú Yên, cách thành phố Tuy Hoà khoảng 60 km, có tọa độ địa lý từ 12⁰45' đến 13⁰06' độ vĩ Bắc và 108⁰40' đến 109⁰07' độ kinh Đông, ranh giới huyện tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp huyện Tây Hoà.
- Phía Tây giáp tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Gia Lai.
- Phía Nam giáp tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Khánh hòa.
- Phía Bắc giáp huyện Sơn Hoà.

Trên địa bàn có các tuyến giao thông QL29, QL19C là cầu nối các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ với các tỉnh Tây Nguyên, tạo điều kiện thuận lợi trao đổi mua bán hàng hoá và liên kết, hợp tác phát triển kinh tế-xã hội, từ năm 2014 tuyến đường Trường Sơn Đông đi qua huyện đã hoàn thành thì khả năng trao đổi hàng hoá với các tỉnh Tây nguyên càng thuận lợi hơn.

Sông Hinh là huyện có vị trí quan trọng về quốc phòng, vừa là hậu cứ, vừa là hậu phương, khu vực phòng thủ cửa ngõ phía Tây vững chắc, vừa là cầu giao lưu văn hoá giữa các tỉnh duyên hải miền Trung với địa bàn chiến lược Tây Nguyên. Tiếp giáp với hai vùng sản xuất nông nghiệp quan trọng là huyện Tây Hoà, vùng trồng lúa lớn nhất tỉnh và vùng trồng cây công nghiệp phát triển của hai tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk. Là nơi tiếp giáp giữa khu vực đồng bằng và miền núi cao nguyên, thượng và trung lưu của hệ thống các sông, suối lớn chảy qua phía nam tỉnh, có ý nghĩa quan trọng về phòng hộ, dự trữ nguồn nước, giảm tác động thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái,...

1.1.2. Địa hình

Huyện Sông Hinh nằm trong thung lũng sông Ba, có địa hình đồi lượn sóng và núi cao trung bình, thấp dần theo hướng Nam-Bắc, Tây-Đông và bị chia cắt nhiều. Có 03 dạng địa hình chính:

- **Địa hình thung lũng thấp ven sông Ba**, sông Hinh, độ cao 30-100 m thuộc các xã Sơn Giang, Đức Bình Đông, Đức Bình Tây, độ cao 100-200 m thuộc các xã Ea Bá, Ea Lâm, Sông Hinh. Địa hình tương đối bằng phẳng độ dốc phổ biến 0-8⁰, có diện tích chiếm khoảng 33% tổng diện tích tự nhiên. Đây là vùng thích hợp trồng cây ngắn ngày.

- **Địa hình núi thấp và đồi lượn sóng** phân bố ở khu vực trung tâm và trải dài từ Tây sang Đông, độ cao trung bình từ 100-400 m, độ dốc phổ biến 8-15⁰, có diện tích chiếm khoảng 20% tổng diện tích tự nhiên, các loại đất chính ở đây là đỏ vàng và đất xám. Cây trồng chính hiện nay là cây công nghiệp, lúa nương và hoa màu, còn lại là cỏ tự nhiên và cây bụi.

- **Địa hình núi cao trung bình** tập trung ở phía Nam và Đông Nam huyện, độ cao trung bình 500-800m thuộc xã Ea Bá, Ea Trol, từ 800-1.528 m ở phía Đông Nam thuộc xã Sông Hinh địa hình dốc trên 25⁰ chia cắt mạnh, là nơi bắt nguồn các sông, suối, rừng tự nhiên chủ yếu phân bố trên địa hình này. Dạng địa hình trên có

diện tích chiếm khoảng 47% tổng diện tích tự nhiên.

Mật độ núi khá dày đã tạo cho huyện Sông Hinh có nhiều sông và suối, tiêu biểu là Sông Ba, sông Hinh và sông Con.

Do địa hình dốc nên quá trình sử dụng đất phải quan tâm đến các biện pháp giữ ẩm chống xói mòn đất. Áp dụng các biện pháp thâm canh, luân canh tăng vụ, thiết kế đồng ruộng theo đường đồng mức, thực hiện nông lâm kết hợp, ưu tiên cây có độ che phủ lớn, bộ rễ nhiều,...

1.1.3. Khí hậu

Theo tài liệu “*Đặc điểm khí hậu - thủy văn tỉnh Phú Yên*” do Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện, huyện Sông Hinh thuộc vùng khí hậu thung lũng sông Ba (vùng IV) và vùng khí hậu thủy văn chủ yếu phía Nam (vùng III).

- **Mưa:** Sông Hinh nằm trong vùng có lượng mưa lớn nhất tỉnh. Lượng mưa đo được nhiều năm trong khoảng 2.200-2.400 mm. Số ngày mưa trung bình khoảng 150-160 ngày/năm. Lượng mưa trong 4 tháng mùa mưa khoảng 1.780 mm chiếm 69-72% lượng mưa cả năm.

- Nhiệt độ không khí:

- + Nhiệt độ trung bình năm 26⁰C, thấp nhất 22,1⁰C, cao nhất 28,7⁰C.
- + Biên độ nhiệt ngày và đêm trung bình năm khoảng 9,2⁰C.
- + Nhiệt độ tối cao trung bình: 31,7⁰C.
- + Nhiệt độ tối cao tuyệt đối: 41,7⁰C.
- + Nhiệt độ tối thấp trung bình: 22,5⁰C.
- + Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối: 11,5⁰C.
- + Phân bố nhiệt độ theo mùa: Nếu tính theo quy ước, nhiệt độ trung bình ngày trên 25⁰C là mùa nóng, dưới 20⁰C là mùa lạnh và mùa mát 20-25⁰C thì huyện Sông Hinh bắt đầu mùa nóng từ tháng 4 và kết thúc tháng 10, mùa mát bắt đầu từ tháng 10 và kết thúc và cuối tháng 3:

- Gió:

+ Về mùa đông: Gió Đông Bắc thổi đều hầu hết trong các tháng mùa đông với tần suất 50-70%. Thậm chí cho đến tháng 4 hướng gió Đông Bắc còn tần suất 41%, sau đó là các hướng Đông, hướng Bắc chiếm tỷ lệ 15-30%.

+ Về mùa hạ: Gió mùa hạ thiên về hướng Tây, tập trung vào góc từ 225-270⁰ (từ Tây Nam đến Tây). Từ tháng 5-9, gió mùa hạ phát triển mạnh, gió Tây với tần suất 30-65%, tháng 8 tần suất gió Tây lớn nhất trong năm, tiếp theo là hướng Tây Nam cũng khá thịnh hành với tần suất 20-35%.

Tốc độ gió trung bình hàng năm dao động trong khoảng 2-2,5 m/s, độ chênh lệch qua từng tháng không quá 0,5m/s. Các tháng mùa hè tốc độ gió trung bình lớn hơn mùa Đông. Trong đó tốc độ gió trung bình lớn nhất vào tháng 5, 6 và nhỏ nhất vào tháng 12 hoặc tháng 1.

Tốc độ gió mạnh nhất đạt 41,9 m/s.

Nằm ở sườn đông dãy Trường Sơn huyện Sông Hinh chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió Tây khô nóng, tác động rất nhiều đến đời sống và sản xuất: làm giảm năng suất, chất lượng cây lúa, năng suất thịt, sữa trứng của gia súc, gia cầm thậm chí phát sinh nhiều dịch bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

- **Nắng:** Tổng số giờ nắng trung bình khoảng 2.337 giờ/năm. Trong suốt sáu

tháng từ tháng III đến tháng VIII, số giờ nắng trung bình mỗi tháng dao động từ 220 đến 250 giờ. Các tháng ít nắng nhất là những tháng mùa mưa, số giờ nắng trung bình hàng tháng cũng 100-150 giờ.

- **Độ ẩm:** Độ ẩm tương đối trung bình năm: 80%-85%. Tháng có độ ẩm trung bình lớn nhất vào tháng 10 và 11: 89%, tháng nhỏ nhất là tháng 7: 76%.

- **Bốc hơi:**

+ Bốc hơi khả năng: Tổng lượng bốc hơi năm từ 1.300-1.500mm, tháng bốc hơi nhiều nhất 160mm và tháng thấp nhất 31mm.

+ Bốc hơi tiềm năng: Bốc thoát hơi tiềm năng trung bình ngày 3,7 mm/ngày.

- **Bão và áp thấp nhiệt đới, dông, sương mù:**

Mưa dông thường không kéo dài nhưng cường độ rất mạnh, do đó làm xói lở và bào mòn lớp đất trên mặt, mưa dông kèm theo bão, gió lốc làm đổ nhà cửa, cây cối, các công trình xây dựng.

1.1.4. Thủy văn

- Sông Ba: là sông lớn nhất miền Trung, còn gọi là Eapa ở thượng lưu và sông Đà Rằng ở hạ lưu. Phần đi qua huyện Sông Hinh dài 48 km. Diện tích lưu vực: 13.900 km², tập trung ở Gia Lai, Kom Tum, Đắk Lắk, phần diện tích ở Phú Yên có 2.480 km² chiếm 18,3%. Từ thượng nguồn, sông chảy qua vùng núi non hiểm trở, lòng sông hẹp lắm thác ghềnh, độ dốc lớn 20%. Chảy về hạ lưu, lòng sông mở rộng dần. Sông Ba có tiềm năng thủy lợi lớn, tổng lượng nước đổ ra biển hàng năm 9,7 tỷ m³. Trên sông có công trình thủy điện An Khê, (Gia Lai), thủy điện sông Ba Hạ (huyện Sông Hinh) và đập Đồng Cam (huyện Tây Hòa),...

- **Sông Krông H'Năng:** Bắt nguồn từ huyện Krông Năng (*Đắk Lắk*) chảy qua một phần ranh giới phía Tây của huyện, sông dài 130 km, phần tiếp giáp với huyện là 12 km. Là một phụ lưu quan trọng của sông Ba và nhập dòng sông Ba tại xã Ea Lâm. Diện tích lưu vực: 1.840 km², hàng năm nhận một lượng mưa khoảng 1.700 mm, môđun dòng chảy năm 21,71 l/s/km², hàng năm đổ vào sông Ba lượng nước khoảng 1,25 tỷ m³. Trên sông đã được xây dựng Thủy điện Krông H'Năng.

- **Sông Hinh:** Bắt nguồn từ huyện M'Đrăk (*tỉnh Đắk Lắk*) chạy qua trung tâm huyện đổ ra sông Ba tại Đức Bình Tây, là một phụ lưu tương đối lớn và là nguồn cung cấp nước quan trọng của sông Ba. Sông có chiều dài 88 km, đoạn chảy qua huyện dài 47 km có độ dốc tương đối lớn. Diện tích lưu vực: 932 km², hàng năm đổ vào sông Ba lượng nước khoảng 1,46 tỷ m³. Năm 2000 thủy điện Sông Hinh đã tích nước phát điện với công suất 70MW.

- **Sông Con:** bắt nguồn từ vùng cao xã Sông Hinh đổ ra sông Ba tại Hà Giang với chiều dài 21km, chiều rộng bình quân 15-20m, hiện nay sông có nhiệm vụ dẫn nước xả của thủy điện Sông Hinh.

- Ngoài ra còn có các suối lớn như Ea Ly, Ea Bar, Ea Din, Ea Trol, Ea Hbol, Suối Bèo,... quanh năm có nước và có thể xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

1.1.5. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Theo tài liệu điều tra, phân loại đất toàn tỉnh trước đây và điều tra, bổ sung

phân loại đất năm 2004 và năm 2008 của Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp miền Trung trên bản đồ tỷ lệ 1/100.000, toàn huyện có 08 nhóm đất với 17 loại đất như sau (*không tính diện tích không điều tra: sông, suối, hồ,..*):

***. Nhóm đất cát** (đất cát điển hình)

- *Diện tích*: Diện tích 208 ha, chiếm 0,23% DTTN.

- *Phân bố*: Phân bố ở các xã Đức Bình Đông (19 ha) và Sơn Giang (189 ha). Cây trồng chủ yếu là cây hàng năm.

- *Tính chất đất*: Thành phần cơ giới là cát, cát thô rời rạc, tỷ lệ cát trên 97%, khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng kém; hàm lượng dinh dưỡng trong đất thấp, phản ứng đất chua ($pH_{KCl} < 5$).

- *Hướng sử dụng*: có thể đưa vào sử dụng trồng cây hoa màu nhưng cần chú ý đến chế độ tưới tiêu, bón phân nhiều lần. Trong điều kiện cho phép có thể khai thác để trồng điều, xây dựng cụm nghiệp và quy hoạch nuôi trồng thủy sản.

***. Nhóm đất phù sa**

- *Diện tích*: Diện tích 2.702 ha, chiếm 3,03% DTTN; bao gồm 02 loại: Đất phù sa trung tính ít chua (P): 1.621 ha; đất phù sa chua (Pc): 1.081 ha.

- *Phân bố*: Phân bố ở 09 xã. Trong đó, xã có diện tích lớn nhất là Đức Bình Đông (786 ha), tiếp theo là Sơn Giang (583 ha), Đức Bình Tây (577 ha), Ea Trol (236 ha), Ea Bar (211 ha), Ea Bia (112 ha), Ea Bá (102 ha), Sông Hinh (91 ha) và Ea Lâm có diện tích ít nhất (22 ha). Nhóm đất phù sa phân bố chủ yếu ở ven sông suối, tập trung lớn nhất ở ven sông Ba.

- *Tính chất*: Đất được hình thành do sự bồi đắp phù sa của sông Ba chảy qua cao nguyên Bazan, nên chất lượng phù sa tốt, giàu chất dinh dưỡng. Thành phần cơ giới đất tương đối mịn, tỉ lệ sét (Clay), limon (Silt) cao (*riêng đất phù sa được bồi và đất phù sa không bồi thành phần cơ giới nhẹ hơn, thường cát pha, thịt nhẹ*). Phản ứng đất ít chua (pH_{KCl} thường trên 4,5); hàm lượng cation kiềm đạt mức trung bình, độ no Bazơ nhỏ hơn 50% (V%); Chất hữu cơ và đạm khá; Lân ở mức trung bình và nghèo (P_2O_5 : 0,02-0,07%); Kali tổng số khá, song Kali trao đổi thấp. Nhìn chung đất thích hợp với sinh trưởng và phát triển của cây lúa.

- *Hướng sử dụng*: Đây là nhóm đất tốt nhất cho sản xuất nông nghiệp, thích hợp với nhiều loại cây trồng khác nhau như các loại rau, đậu đỗ, lúa nước, ngô,.. và các loại cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày và cây ăn quả. Điều kiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng rất thuận lợi trên nhóm đất này vì phần lớn diện tích được tưới nước chủ động. Hiện nay nhóm đất này đã được khai thác triệt để vào sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là trồng lúa nước, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây ăn quả.

***. Nhóm đất xám và bạc màu**

- *Diện tích*: 12.087 ha, chiếm 13,53% DTTN toàn huyện, là huyện có diện tích đất xám và bạc màu lớn thứ hai của tỉnh (sau huyện Sơn Hoà) và chiếm 27,81% tổng diện tích đất xám và bạc màu trên địa bàn tỉnh. Nhóm đất xám của huyện được chia thành 03 đơn vị đất: đất xám trên phù sa cổ (X): 414 ha, đất xám trên macma acid và đất cát (Xa): 10.671 ha, đất xám glây: 1.002 ha.

- *Phân bố*: Đất xám được phân bố ở tất cả các xã trên nhiều dạng địa hình khác nhau. Tập trung chủ yếu ở các xã: Ea Trol (3.093 ha), Ea Bá (1.963

ha), Ea Lâm (1.358 ha), Ea Bar (1.357 ha), Ea Bia (1.317 ha), Sông Hình (1.095 ha),... và xã Đức Bình Tây có diện tích ít nhất (8,0 ha).

- *Tính chất*: tầng đất thường mỏng, nhiều đá lẫn, kết von; phản ứng đất chua; nghèo chất hữu cơ, đạm và các chất dinh dưỡng khác.

- *Hướng sử dụng*: Trong nhóm đất này, diện tích đất có độ dốc <math> < 15^{\circ}</math> là chủ yếu (chiếm trên 98%) có khả năng phát triển nông nghiệp nên cần thiết khai thác đưa vào sản xuất nông nghiệp, trồng cao su, mở rộng vùng chuyên canh cây mía.

Đánh giá chung về nhóm đất xám:

- Đất xám trên phù sa cổ có tầng đất thường rất dày, cơ giới nhẹ, dễ thoát nước. Đất xám trên đá macma acid và đá cát có rất nhiều hạn chế: nhiều sỏi sạn, thành phần cơ giới thô, rất nghèo dinh dưỡng, dễ bị rửa trôi và xói mòn.

- Loại đất này thuận lợi cho cơ giới hoá và thích với với các loại cây trồng cạn. Tuy vậy, đất nghèo các chất dinh dưỡng, cho nên khi sản xuất cần đầu tư phân bón; nhất là các loại phân hữu cơ.

- Loại đất này khi canh tác phải chú ý trồng các đai rừng bảo vệ để hạn chế xói mòn rửa trôi đất canh tác.

***. Nhóm đất đen**

- *Diện tích*: 11.298 ha, chiếm 12,65% DTTN toàn huyện, là huyện có diện tích đất đen lớn nhất tỉnh và chiếm 39,44% tổng diện tích đất đen trên địa bàn tỉnh. Nhóm đất đen của huyện được chia thành 02 đơn vị đất: Đất nâu thẫm trên sản phẩm phong hóa đá bọt và đá Bazan (*Ru*): 806 ha; Đất đen trên sản phẩm bồi tụ Bazan (*Rk*): 10.492 ha.

- *Phân bố*: phân bố chủ yếu ở xã Ea Ly 2.737 ha; TT Hai Riêng 1.995 ha; Đức Bình Tây 1.932 ha; Ea Bar 1.713 ha; Đức Bình Đông 1.554 ha, Ea Bá 685 ha, Ea Bia 670 ha và Sơn Giang 12 ha.

- *Tính chất*: Nhìn chung nhóm đất đen có nhiều ưu điểm, địa hình khá bằng phẳng, giữ ẩm tốt, chất dinh dưỡng khá, song nhược điểm là tầng đất mỏng, nhiều đá lẫn, kết von, nhiều nơi xuất hiện đá lộ đầu, rất khó khăn cho việc cơ giới hóa.

- *Hướng sử dụng*: nhóm đất này thích hợp trồng cây lương thực, thực phẩm như lúa nước, rau màu và nhiều loại cây ngắn ngày khác.

***. Nhóm đất đỏ vàng**

- *Diện tích*: Nhóm đất đỏ vàng có diện tích lớn nhất huyện Sông Hình, là huyện có diện tích nhóm đất đỏ vàng lớn thứ ba của tỉnh (sau huyện Đồng Xuân và Sơn Hoà) chiếm 14,31% tổng diện tích đất đỏ vàng toàn tỉnh. Tổng diện tích nhóm đất đỏ vàng là 45.156 ha, chiếm 50,55% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

Nhóm đất đỏ vàng của huyện bao gồm 6 loại đất: Đất vàng đỏ trên đá macma acid (*Fa*): 30.689 ha, đất nâu vàng (*Fu*) trên đá Bazan: 5.651 ha, đất nâu đỏ (*Fk*) trên đá Bazan: 1.621 ha, đất nâu vàng trên phù sa cổ (*Fp*): 82 ha, đất vàng nhạt trên đá cát (*Fq*): 2.395 ha và đất đỏ vàng trên đá sét (*Fs*): 4.718 ha.

- *Phân bố*: ở hầu hết các địa phương trong huyện; trong đó: xã Sông Hình có diện tích lớn nhất 13.669 ha; tiếp đến là Ea Trol 9.574 ha; Ea Bar 6.859 ha; Ea Ly 4.941 ha; Sơn Giang 3.959 ha; Đức Bình Đông 2.394 ha; Ea Bá 1.905 ha; Ea Lâm 1.093 ha, Ea Bia 280 ha, TT Hai Riêng 253 ha, Đức Bình Tây 229 ha.

- *Tính chất*: trong nhóm đất này thì đất nâu vàng trên phù sa cổ, đất đỏ và nâu

vàng trên đá Bazan có chất lượng tốt hơn; các loại đất còn lại có chất lượng kém hơn như tầng đất mỏng, nhiều đá lẫn, kết von, nhiều nơi xuất hiện đá lộ đầu.

Đánh giá chung về nhóm đất đỏ vàng:

+ Các loại đất nâu đỏ trên đá macma bazơ và trung tính, đất nâu vàng trên đá macma bazơ và trung tính và đất nâu vàng trên phù sa cổ có tầng dày, đất có địa hình cao, độ dốc không lớn thích hợp với nhiều loại cây ngắn và dài ngày, đặc biệt là cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su,...

+ Các loại đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất, đất vàng đỏ trên đá macma acid và đất vàng nhạt trên đá cát, có chất lượng kém, có nhiều hạn chế đối với sản xuất như: độ dốc lớn, tầng đất mỏng, hàm lượng các chất dinh dưỡng thấp, đất có phản ứng chua, cần được cải tạo và bảo vệ chống xói mòn rửa trôi tầng đất mặt.

+ Nhóm đất này có diện tích lớn nhất huyện, nhưng diện tích có độ dốc dưới 15° có khả năng sản xuất nông nghiệp chỉ có 14.793 ha (chiếm 32,76% diện tích nhóm đất này).

***. Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi**

- *Diện tích:* 4.501 ha, chiếm 5,04% tổng diện tích đất toàn huyện.

- *Phân bố:* trên các đỉnh núi có độ cao từ 900 m trở lên, thuộc xã Sông Hình.

- *Hướng sử dụng:* hiện nay vùng đất này chủ yếu còn rừng tự nhiên che phủ. Do ở vùng địa hình chia cắt, dốc nhiều, tỷ lệ che phủ cao, thực vật đa dạng chủ yếu là rừng tự nhiên. Đất mùn vàng trên núi cao không có ý nghĩa cho sản xuất nông nghiệp, chủ yếu sử dụng vào mục đích lâm nghiệp.

***. Nhóm đất thung lũng dốc tụ**

- *Diện tích:* 1.056 ha, chiếm 1,18% DTTN.

- *Phân bố:* Đất thung lũng do sản phẩm bồi tụ phân bố ở các thung lũng thuộc các xã Ea Trol 1.000 ha; TT Hai Riêng 43 ha; Ea Bar 10 ha và Ea Bia 3 ha.

- *Tính chất:* Nhìn chung đất có độ phì tương đối khá, đất chua, nằm ở địa hình thấp trũng khó thoát nước.

- *Hướng sử dụng:* Chủ yếu được sử dụng trồng cây hàng năm như lúa màu, cây lương thực.

***. Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá**

Diện tích 418 ha, chiếm 0,47% DTTN, phân bố ở các xã Đức Bình Đông, Sông Hình, Ea Bia, Ea Trol. Đất hình thành là kết quả của quá trình xói mòn rửa trôi trong nhiều năm trên các loại đất dốc có độ che phủ thấp, tầng đất mịn hầu như không còn. Đây là một trong các loại đất “có vấn đề”, không có ý nghĩa đối với sản xuất nông nghiệp. Chủ yếu sử dụng để khai thác làm vật liệu xây dựng.

***. Các loại đất khác** (không điều tra: sông suối, hồ và MNCD,...): 11.913 ha, chiếm 13,34% tổng DTTN.

Nhìn chung tài nguyên đất huyện khá đa dạng về nhóm, các loại đất phân bố trên nhiều dạng địa hình khác nhau tạo ra những tiểu vùng sinh thái nông - lâm nghiệp thích hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt là cây công nghiệp lâu năm. Tuy nhiên quá trình khai thác, sử dụng và tập quán canh tác trong nhiều năm chưa thật hợp lý do chạy theo thị trường giá cả (phá rừng trồng sắn,...) nên nhiều nơi tình trạng xói mòn, rửa trôi và suy thoái chất lượng đất vẫn đang xảy ra.

b. Tài nguyên nước

- *Nước mặt*: nước mặt huyện Sông Hinh tương đối phong phú với hệ thống sông suối khá đồng đều có nước quanh năm bao gồm sông Ba, sông Krông H'Năng, sông Hinh, sông Con, ngoài ra còn được hình thành bởi các suối nhỏ, ao, hồ,... Lượng mưa đo được nhiều năm trong khoảng 2.200-2.600 mm nên nguồn nước mặt rất lớn. Nhưng 71% lượng mưa tập trung vào các tháng mùa mưa.

Sông Hinh có nguồn nước mặt dồi dào, có chất lượng tốt, không bị ô nhiễm và có thể khai thác sử dụng cho nhiều mục đích trong sinh hoạt và sản xuất. Tính đến năm 2020, trên địa bàn huyện có: 13 hồ thủy lợi (*trong đó hồ Ea lâm 2 không còn khả năng tưới*); 05 đập dâng; 02 kênh thủy lợi sử dụng nước từ các công trình thủy điện, 05 trạm bơm.

Việc xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi trên địa bàn huyện sẽ góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên nói chung và huyện nói riêng. Khả năng khai thác nước mặt phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt còn lớn. Tuy nhiên, do lượng nước phân bố không đều theo thời gian nên cần xây dựng các công trình thủy lợi để điều tiết nước.

- *Nước ngầm*: Qua điều tra thực tế giếng đào trong nhân dân, nhìn chung trữ lượng nước ngầm ở huyện Sông Hinh thấp:

- Vùng thấp ven sông Ba mực nước ngầm thấp, giếng đào 3 - 5 m.
- Vùng đồi núi có mực nước ngầm từ 15-20 m.
- Giếng khoan tại thị trấn Hai Riêng sâu 42 m.

Nguồn nước ngầm tại huyện Sông Hinh có chất lượng đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, tuy nhiên nguồn nước ngầm ở một số nơi bị nhiễm phèn, nhiễm vôi. Hiện nay, hầu hết người dân khai thác nước ngầm bằng giếng đào, giếng khoan, công trình cấp nước tập trung dùng cho việc ăn uống, sinh hoạt và phục vụ chăn nuôi gia súc, gia cầm, tưới cây. Khả năng khai thác hiệu quả các nguồn nước là vấn đề còn đang gặp rất nhiều khó khăn do địa hình phức tạp, nhiều đồi núi có độ dốc lớn, khả năng giữ nước mặt đất thấp và dân cư phân bố rải rác.

c. Tài nguyên rừng

Sông Hinh là huyện miền núi với tài nguyên rừng phong phú và đa dạng. Năm 2022, diện tích đất lâm nghiệp là 34.725,90 ha chiếm 38,90% diện tích đất tự nhiên. Với trữ lượng gỗ khoảng 4.028.087 m³. Rừng Sông Hinh thuộc loại rừng trung bình với nhiều loại thực vật, động vật rừng (*rừng giàu: 6.237 ha; rừng trung bình: 8.755 ha; diện tích còn lại chủ yếu là rừng nghèo, rừng non và đất khoanh nuôi phục hồi rừng, rừng trồng*).

* *Thực vật rừng*: Rừng Sông Hinh có 2 loại rừng chính, đó là rừng kín lá rộng thường xanh và rừng trồng:

- *Rừng kín lá rộng thường xanh*: Chiếm hầu hết diện tích rừng tự nhiên, loại rừng này có khả năng phòng hộ cao. Bình quân có 40-50 loài/ha, bước đầu đã thống kê được gần 300 loại cây gỗ thuộc 39 họ thực vật khác nhau. Điển hình là họ Dầu (*Dipterocarpaceae*), họ Đậu (*Fabaceae*), họ Giẻ (*Fagaceae*), họ Bứa (*Chesiaceae*), họ Thị (*Ebenaceae*), họ Sim (*Myrtaceae*), họ Long não (*Lauraceae*), họ Đào lộn hột (*Anacardraceae*), họ Sỗ (*Dilleniaceae*), họ Dâu tằm (*Moraceceae*),...

Các giống loài thường gặp chủ yếu như: Chò Trai, Sơn Trai, Tràm trắng, Huỳnh, Giẻ, Cồng, Trám hồng, Dầu rái, Sao đen, Kiền kiền, Gụ mật, Thị rừng,... Trong đó, Chò Trai, Kiền kiền và Cồng chiếm ưu thế.

- *Rừng trồng*: các loại cây chủ yếu gồm: Keo, Bạch đàn và các loại khác như: Dầu rái, sao, muồng, xà cừ,... Phương thức trồng chủ yếu là thuần loại theo đám, ngoài ra cũng có một số ít trồng hỗn giao giữa các loài hay trồng làm giàu dưới tán rừng.

Những năm qua, thực hiện tốt chủ trương của Chính phủ về mục tiêu phủ xanh đất trống đồi núi trọc kết hợp với chính sách giao đất, khoán rừng cho nhân dân, các chương trình phát triển lâm nghiệp nên diện tích và tỷ lệ che phủ của rừng đã tăng đáng kể, đạt 44,3% năm 2022.

Huyện Sông Hinh có thế mạnh về lâm nghiệp, cộng với sự phát triển kinh tế rừng trong những năm gần đây sẽ đáp ứng nhu cầu nguồn nguyên liệu phục vụ phát triển ngành công nghiệp sản xuất giấy và bột giấy, ngành công nghiệp chế biến gỗ, ngoài ra với sự phong phú và đa dạng của hệ động thực vật rừng và các yếu tố khác có thể khai thác phát triển ngành du lịch ở địa phương.

d. Tài nguyên khoáng sản, vật liệu xây dựng

- *Vàng Suối Mây*: Khoáng hoá vàng phân bố trong các đá granitoid thuộc phức hệ Bến Giằng- Quế Sơn. Thân quặng là các mạch thạch anh chứa sunfua khoảng 5% gồm pyrit, chancopyrit, galenit và vàng tự sinh. Điểm quặng vàng Suối Mây được khảo sát sơ bộ, tài nguyên dự báo cấp P₂ là 34,45 kg (Au) và 30,9 kg (Ag).

- *Vàng Mò O*: xã Đức Bình Tây. Quặng hoá nằm trong đới biến đổi của granit thuộc phức hệ Đèo Cả (γK đc). Đới biến đổi rộng 500m, dài 2 km.

Trữ lượng vàng, bạc (*tuong đuong cấp B+C₁*): 1,2 tấn (Au); 14 tấn (Ag).

- *Vàng Buôn Ken*: xã Ea Bá. Mạch quặng nằm ở ranh giới giữa đai cơ Lamprophia và granitoid của phức hệ Bến Giằng - Quế Sơn. Đá vây quanh bị epidot hoá, thạch anh hoá. Thành phần khoáng vật: thạch anh (95%); khoáng vật quặng (5%) gồm pyrit, chancopyrit, galenit, acsenopyrit, hematit, malachit.

Tài nguyên dự báo cấp P₁ là: Au 493,3kg, Ag 08,8kg.

- *Vàng Buôn Diêm*: thị trấn Hai Riêng. Đá vây quanh quặng là granit biotit hạt nhỏ thuộc phức hệ Đèo Cả. Biến đổi gần mạch có các hiện tượng epidot hoá, clorit hoá và berezit hoá. Tài nguyên dự báo cấp P₁: Au 0,75 tấn, Ag 6,4 tấn.

- *Vàng Buôn Bàu*: xã Ea Trol. Vây quanh quặng là đá granodiorit, diorit thuộc pha 2 phức hệ Bến Giằng - Quế Sơn. Khoáng hoá vàng trong mạch thạch anh – sunfua dày 0,3m, dài 300m. Tài nguyên dự báo cấp P₁ là: Au 243kg, Ag 1,5 tấn.

- *Cát xây dựng ven sông*: phân bố trong bồi tích tại cửa Sông Hinh đổ ra sông Ba thuộc xã Đức Bình Đông và Sơn Giang. Cát phân bố ven dòng sông với chiều dài hơn 5km, rộng 100-250m. Chiều dày tầng sản phẩm từ 6-7m.

- *Pegmatit Buôn Ken*: xã Ea Bá. Pegmatit là pha đá mạch của phức hệ Bến Giằng - Quế Sơn, phân bố rải rác trên diện tích khoảng 7 -10km². Pegmatit Buôn Ken có chất lượng khá tốt, có thể sử dụng trong sản xuất sứ cách điện và thủy tinh,...

Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có các mỏ đá granit, phụ gia xi măng có thể khai thác phục vụ trong lĩnh vực xây dựng và chế biến đá xuất khẩu.

Tài nguyên khoáng sản huyện Sông Hinh ít phong phú, đa dạng. Ngoài vàng và Pegmatit, đá xây dựng các loại có thể khai thác phục vụ các ngành công nghiệp trong nước và xuất khẩu, các loại khác có trữ lượng thấp.

Trong những năm đến cần điều tra thăm dò, đánh giá lại quy mô, trữ lượng, hàm lượng các mỏ để có biện pháp tổ chức khai thác hợp lý vừa phục vụ phát triển các ngành kinh tế địa phương vừa bảo vệ nguồn tài nguyên bền vững.

1.2. Khái quát về điều kiện kinh tế, xã hội

1.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

a. Tăng trưởng kinh tế

Theo Báo cáo tình hình nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh 9 tháng đầu năm 2023. Tổng giá trị sản xuất các ngành (giá so sánh năm 2010) đạt 6.133,0 tỷ đồng, bằng 68,08 % kế hoạch. Trong đó:

- + Giá trị sản xuất Nông-Lâm nghiệp 1.180 tỷ đồng, đạt 66,82 % kế hoạch.
- + Giá trị sản xuất Công nghiệp-TTCN-XD 3.273 tỷ đồng, đạt 65,62 % kế hoạch.
- + Giá trị sản xuất Thương mại-DV 1.680 tỷ đồng, đạt 74,50 % kế hoạch.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 76 tỷ đồng, bằng 56,3% kế hoạch.
- Tổng sản lượng lương thực đạt 24.805 tấn, đạt 91,33% kế hoạch.

b. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Về cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế: cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển biến tích cực, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng, thương mại -dịch vụ và giảm tỷ trọng nông nghiệp, lâm thủy.

1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

2.2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

a. Sản xuất nông nghiệp

a.1. Trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng 21.422,8 ha, tăng 0,22% so cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Cây lương thực có hạt 4.401,8 ha, tăng 0,18%. Trong đó lúa Đông Xuân 1.864,6 ha, năng suất đạt 60,5 tạ/ha, tăng 5,5 tạ/ha so với vụ trước; lúa vụ Hè thu 1.742,2 ha, năng suất ước đạt 60,0 tạ/ha; diện tích cây ngô 740 ha, năng suất bình quân đạt 41,5 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực đạt 23.324 tấn, đạt 86,5% Kế hoạch.

Niên vụ 2022-2023: Diện tích mía thu hoạch khoảng 5.311 ha, năng suất bình quân khoảng 70 tấn/ha, sản lượng thu hoạch khoảng 371.776 tấn; Diện tích sắn thu hoạch khoảng 10.571 ha, năng suất bình quân 16 tấn/ha, sản lượng đạt khoảng 196.896 tấn.

Thực hiện chủ trương phát triển vùng cây ăn quả trên địa bàn, hiện tại phong trào trồng cây ăn quả trên địa bàn phát triển mạnh, một số cây ăn quả giống mới, giá trị kinh tế cao được khuyến khích phát triển (*mô hình trồng cây ăn quả: cây Sầu riêng, bưởi, cam, dứa, nhãn, vải, ...hiện phát triển tốt*), nhóm cây ăn quả có giá

trị kinh tế cao đạt trên 650 ha.

Áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất chưa đồng đều, khâu làm đất, thu hoạch đạt khoảng 95-98%; bơm tưới, vận chuyển đạt 80-90%, các khâu còn lại như: gieo sạ, phun thuốc, bón phân, phơi sấy... phần lớn vẫn thực hiện thủ công, tỷ lệ cơ giới hóa đạt thấp.

Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất được chú trọng, đã tổ chức 07 lớp tập huấn chuyên giao kỹ thuật cho người dân, phối hợp tổ chức 01 buổi Hội thảo chuyên đề, 02 lớp hiện trường về kỹ thuật chiết ghép cây ăn quả tại xã EaLy, 01 lớp thực hành ngâm ủ, sạ lúa tại xã EaBá, 01 lớp nghề trồng nấm rơm tại thị trấn Hai Riêng và 01 lớp nghề trồng mía tại xã EaBar.

Sản xuất nông nghiệp đã từng bước phát triển sản xuất theo hướng hàng hoá, những năm qua đã tạo được một số sản phẩm có thương hiệu trên thị trường như mía đường, cao su,...

a.2. Chăn nuôi

Tổng đàn bò 17.067 con, ổn định so cùng kỳ năm trước; đàn lợn ước đạt 18.000 con; đàn gia cầm các loại ước đạt 100 ngàn con.

Công tác phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm được quan tâm chú trọng, tỷ lệ tiêm phòng LMLM trên đàn gia súc đợt I/2023 đạt 84,59% tổng đàn, viêm da nổi cục đã tiêm được 7.305 con trâu, bò; tỷ lệ tiêm phòng vắc xin Đại chó, mèo đạt 26,57%. Công tác quản lý thuốc thú y, thức ăn, trang trại chăn nuôi, kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ được thực hiện tốt.

b. Ngành lâm nghiệp

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được triển khai quyết liệt; Xây dựng và triển khai Đề án hỗ trợ trồng rừng năm 2023 cho bà con nhân dân tại 11 xã thị trấn, với tổng diện tích 310 ha/ 288 hộ. Triển khai thực hiện Tiêu dự án 1 – Dự án 3, CT MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 cho 03 xã Ea Lâm, Ea Bá và Ea Trol. Nghiệm thu cây trồng Dự án hỗ trợ cây giống cho bà con nhân dân từ năm 2020-2022. Rà soát, lập hồ sơ giao rừng tự nhiên của các xã có giáp ranh với Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Hinh về cho BQLRPH Sông Hinh quản lý, diện tích 448,03 ha. Tỷ lệ độ che phủ rừng năm 2022 đạt 44,3%.

c. Ngành thủy sản

Công tác nuôi trồng, khai thác thủy sản tiếp tục được quan tâm và chỉ đạo các địa phương vận động, hướng dẫn nhân dân nuôi cá nước ngọt trên các mặt ao hồ và lòng hồ thủy điện. Phối hợp với các địa phương triển khai các dự án nuôi cá nước ngọt như cá Thác lác, cá Lăng,.... Trên địa bàn huyện có 112,74 ha diện tích đất nuôi trồng thủy sản; khoảng 6.000 ha diện tích mặt nước từ 02 hồ chứa 02 công trình thủy điện (hồ chứa sông Hinh và sông Ba) có diện tích mặt nước có thể nuôi trồng thủy sản.

Sản lượng khai thác thủy sản tự nhiên 9 tháng ước đạt 405 tấn tăng 1,8% so cùng kỳ năm trước.

2.2.2.2. Khu vực kinh tế Công nghiệp (tiểu thủ công nghiệp-xây dựng)

Trong 9 tháng đầu năm 2023, giá trị sản xuất CN-TTCN trên địa bàn huyện

ước đạt 2.643 tỷ đồng, tăng 8,7% so cùng kỳ năm trước (theo giá so sánh 2010), trong đó: Công nghiệp khai thác 55,343 tỷ đồng tăng 39,7% so cùng kỳ năm trước; Công nghiệp chế biến 1.636,31 tỷ đồng, tăng 8,4% so cùng kỳ năm trước; Sản xuất và phân phối điện 944,438 tỷ đồng, tăng 7,8% so cùng kỳ năm trước; Cung cấp nước và xử lý rác thải 7,309 tỷ đồng, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước.

2.2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ

Trong 9 tháng đầu năm hoạt động thương mại dịch vụ nói chung vẫn duy trì và phát triển. Thực hiện "Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam", "tháng hành động vì an toàn thực phẩm" năm 2023 bằng treo băng rôn tuyên truyền, tổ chức các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát giá cả thị trường, hàng hóa khan hiếm, hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại đặc biệt trong các dịp lễ, Tết; kiểm tra công tác ATTP tháng hành động năm 2023. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ trên địa bàn huyện 9 tháng đầu năm đạt 445 tỉ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Hoạt động vận tải: Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách ước thực hiện 59.872 triệu đồng tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước, khối lượng vận chuyển hành khách đạt: 634 ngàn lượt khách, khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt: 702 ngàn tấn.

- Hoạt động bưu chính, Dịch vụ viễn thông: Doanh thu hoạt động ước thực hiện: 33.585 triệu đồng, tăng 2% so cùng kỳ năm trước.

- Hoạt động ngân hàng: Hoạt động các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn huyện thực hiện tốt huy động, cho vay vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân vay vốn đầu tư phát triển sản xuất.

- Hạ tầng thương mại: tính đến năm 2023 huyện Sông Hinh có 01 chợ trung tâm thương mại tại thị trấn Hai Riêng và các chợ xã để lưu thông và trao đổi hàng hóa. Hình thành mạng lưới buôn bán nhỏ lẻ, trao đổi hàng hoá đến địa bàn thôn đáp ứng một phần nhu cầu về trao đổi hàng hoá.

1.2.3. Dân số, lao động

- Dân số năm 2023 của huyện có 52.104 người, với 13.813 hộ. Mật độ dân số 58 người/km², trong đó dân số thành thị có 11.327 người, chiếm 21,74% tổng dân số.

- Về phân bố dân cư: Có sự phân bố không đồng đều giữa thành thị và nông thôn. Năm 2023, quy mô dân số thị trấn là 11.327 người, chiếm 21,74% so dân số toàn huyện; mật độ bình quân 358 người/km². Dân số khu vực nông thôn chiếm 78,26%, mật độ dân số bình quân 211 người/km²; dân cư sống phân tán theo từng cụm, gần nơi sản xuất; phân bố không đều giữa các địa phương như: Đức Bình Tây 132 người/km²; Ea Bia 106 người/km², Sơn Giang 85 người/km², xã có mật độ dân số thấp nhất là Sông Hinh 10 người/km².

- Theo phòng lao động và thương binh và xã hội, tổng số người trong độ tuổi lao động có 39.303 người. Tổng số người có việc làm trong các ngành kinh tế có 29.657 người, chiếm 74,69% tổng nguồn lao động; trong đó, lao động nông nghiệp chiếm 80%, còn lại là các ngành khác.

- Tính đến tháng 10/2023, lồng ghép các dự án, chương trình phát triển kinh

tế - xã hội, đã giải quyết việc làm mới cho 1.721 lao động, đạt 101,2% so với chỉ tiêu tình giao (1.700). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt của huyện đạt 47%.

- Công tác giảm nghèo và bảo trợ xã hội được quan tâm triển khai thực hiện tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 giảm còn 1,93%

1.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

1.2.4.1. Thực trạng phát triển đô thị

- Huyện có thị trấn Hai Riêng, hiện là đô thị loại V, với tổng dân số năm 2022 có 11.313 người; mật độ dân số bình quân 358 người/km². Hiện nay đang được đầu tư kết cấu hạ tầng, phân đấu trong thời gian tới được công nhận là thị xã miền núi của tỉnh Phú Yên.

- Không gian đô thị phát triển theo trục chính Đông-Tây (QL29) và đã được lập quy hoạch chung mở rộng về phía Tây của trung tâm thị trấn (114,8ha). Năm 2017, đã lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng cho phù hợp với điều kiện phát triển của huyện, làm căn cứ triển khai xây dựng hạ tầng đô thị, khu dân cư,...

- Các công trình công cộng khu trung tâm thị trấn phù hợp với quy mô phát triển kinh tế của đô thị.

- Hồ trung tâm đang được đầu tư xây dựng để phát triển du lịch sinh thái.

- Hệ thống cấp, thoát nước: Nhà máy nước thị trấn Hai Riêng, công suất 3.000 m³/ngày đêm, cấp nước cho thị trấn Hai Riêng, xã Ea Bia và 04 buôn (xã Ea Trol). Nhà máy hoạt động tốt, tỷ lệ hộ sử dụng nước máy tại thị trấn Hai Riêng đạt 100% hộ gia đình. Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng thoát nước tại thị trấn Hai Riêng đầu tư cải tạo, sửa chữa, xây dựng hệ thống thoát nước chưa đồng bộ, chưa phù hợp với tốc độ xây dựng, mở rộng quy mô đô thị và thiếu công trình xử lý nước thải.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng khác: Khu trung tâm thương mại, hạ tầng cụm công nghiệp đã được đầu tư xây dựng và đang tích cực kêu gọi thu hút đầu tư.

- Tỷ lệ đất giao thông trong đô thị thấp, chỉ đạt 3,35%.

1.2.4.2. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn

* **Hiện trạng các khu trung tâm cụm xã:** có 10/10 khu trung tâm hành chính xã đã được đầu tư cơ bản: đầu tư trụ sở làm việc của xã, trường học, trạm xá,... cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ công tác của hệ thống chính trị cấp xã,...

* **Hiện trạng các điểm dân cư nông thôn:**

- Trong 10 xã, có 05 xã đặc biệt khó khăn thuộc khu vực III và 05 xã khu vực II; 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Đến nay kết quả thực hiện tiêu chí xã NTM bình quân một xã đạt 14,6 tiêu chí NTM (cụ thể: xã Đức Bình Tây đạt 17 tiêu chí; xã Sơn Giang, Đức Bình Đông cùng đạt 16 tiêu chí, xã Ea Ly, Ea Bia cùng đạt 15 tiêu chí; xã Ea Bar đạt 14 tiêu chí; xã Sông Hinh, xã Ea Trol, xã Ea Bá cùng đạt 13 tiêu chí; xã Ea Lâm đạt 12 tiêu chí).

- Về kết quả thực hiện xã NTM nâng cao: Xã Đức Bình Tây đạt 17/19 tiêu chí; xã Sơn Giang đạt 10/19 tiêu chí; kết quả thực hiện khu dân cư kiểu mẫu: Thôn An Hòa xã Đức Bình Tây đạt 7/9 tiêu chí; thôn Tân Giang xã Sơn Giang đạt 7/9 tiêu chí; kết quả thực hiện vườn mẫu: 5/5 vườn đăng ký giai đoạn

2019 – 2022 đều đạt 5/5 tiêu chí.

- Các khu dân cư nông thôn hiện nay phần lớn phát triển theo hướng tập trung tạo thành các điểm dân cư lớn tại khu trung tâm các xã hoặc dọc theo các trục đường giao thông liên xã, liên thôn nên việc đáp ứng các nhu cầu về điện, nước, giáo dục, y tế,... có nhiều thuận lợi.

- Trong những năm qua, các chương trình, dự án và chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc như chương trình 135, 134, chương trình nước sạch nông thôn, chương trình xóa đói giảm nghèo, chính sách định canh, định cư,... được quan tâm thực hiện. Huyện đã triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số như Chương trình 135, định canh định cư, xây dựng nông thôn mới, chương trình giảm nghèo nhanh, bền vững đã góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

1.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

1.2.5.1. Giao thông

Giao thông của huyện được chú trọng đầu tư, gắn kết mạng giao thông địa phương với các trục giao thông động lực của tỉnh, phục vụ phát triển sản xuất, đi lại giữa các vùng, từ năm 2003 có 100% xã có đường ô tô đi đến trung tâm các xã. Chiều dài đường bộ 340 km, mật độ đường bộ trung bình 0,38 km/km². Trong đó:

- Quốc lộ: có 03 tuyến đường quốc lộ đi qua địa bàn huyện, với tổng chiều dài là 97,07 km, (QL29, QL19C và đường Trường Sơn Đông).

+ Quốc lộ QL29: chất lượng đường tốt, đi qua địa bàn huyện dài 44,27 km, nền đường rộng 7,5m, mặt đường chủ yếu bê tông nhựa rộng 5,5 m, điểm đầu từ xã Sơn Giang điểm cuối xã Ea ly. Đây là trục đường bộ Đông Tây có ý nghĩa quan trọng về phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của tỉnh và các tỉnh Tây Nguyên. Năm 2017, đoạn qua khu trung tâm huyện đã được nâng cấp mở rộng, tạo điều kiện cho cho việc vận chuyển hàng hóa thuận lợi hơn.

+ Quốc lộ 19C: thuộc trục dọc miền Tây, phần tuyến trên địa bàn huyện dài từ xã Đức Bình Tây đến xã Sông Hình, dài 34,8 km, nền đường rộng 7,5m, mặt đường bê tông nhựa rộng 5,5m, chất lượng đường tốt. Trong tương lai tuyến này đầu tư hoàn chỉnh và kéo dài về hướng Nam, nối với tỉnh Đắk Lắk tại huyện M'Đrăk trên quốc lộ 26 tạo điều kiện thuận lợi phát triển KT-XH và giao lưu mua bán của huyện với tỉnh Đắk Lắk.

+ Đường Trường Sơn Đông: tổng chiều dài đi qua huyện 19,734 km, đi qua các xã Ea Ly, Ea Bar và Ea Lâm, mặt đường bê tông nhựa, chất lượng đường tốt.

- Đường huyện: Có 13 tuyến, tổng chiều dài 106,64 km, phần lớn có nền đường hẹp, mặt đường đất, cấp phối chiếm tỷ lệ lớn, đã ảnh hưởng đến vận chuyển hàng hoá, đi lại nhất là vào mùa mưa (có 27,98 km đường BTXM; 8,5 km đường BTN; 33,59km đá nhựa và 36,57 km loại khác).

- Đường đô thị: Có 32 tuyến nằm trong thị trấn Hai Riêng, tổng chiều dài 23,62 km, phần lớn được nhựa hoá thuận tiện đi lại, tạo mỹ quan đô thị (có 15,64 km đường bê tông nhựa chiếm 66% tổng số).

- Đường xã: có 60 tuyến đường, với tổng chiều dài 123,32km. Mạng lưới

chưa hoàn chỉnh, một số thôn, buôn, vùng sản xuất chưa có đường ô tô đi lại. Chất lượng đường chưa cao, thiếu công trình cầu, cống, thường ách tắc giao thông vào mùa mưa, lũ ảnh hưởng đến việc vận chuyển hàng hoá và đi lại của người dân (có 69,78 km đường BTXM; 2,39 km đường BTN; 13,20km đá nhựa; 4,66 km đường cấp phối và 33,29 km loại khác).

- Bến xe: huyện có 01 bến xe trung tâm đang hoạt động nằm trong thị trấn Hai Riêng. Diện tích 7.783 m², trong đó có 3.000m² bê tông xi măng. 01 bến xe tại xã Ea Ly mới được xây dựng dự kiến đưa vào hoạt động trong năm 2022.

Nhìn chung, hệ thống giao thông của huyện không đa dạng chủ yếu là đường bộ, đường sông tạm bợ, chưa có đường sắt.

1.2.5.2. Thủy lợi

Tính đến năm 2022, trên địa bàn huyện có: 13 hồ thủy lợi (*trong đó có hồ Ea Lâm 2 không còn khả năng tưới*); 05 đập dâng; 02 kênh thủy lợi sử dụng nước từ các công trình thủy điện, 05 trạm bơm.

Tổng chiều dài kênh mương của các hồ, trạm bơm trên địa bàn huyện có 116,58 km, đã kiên cố 98,6 km, đạt 84,6%.

a. Cấp nước

* *Cấp nước đô thị*: Nhà máy nước thị trấn Hai Riêng, công suất 3.000 m³/ngày đêm, cấp nước cho thị trấn Hai Riêng, xã Ea Bia và 04 buôn (*xã Ea Trol*). Nhà máy hoạt động tốt, mạng lưới đường ống được phủ khắp thị trấn Hai Riêng và xã Ea Bia, tỷ lệ hộ sử dụng nước máy tại thị trấn Hai Riêng và xã Ea Bia là 100% hộ gia đình. Ngoài ra còn cấp nước cho khoảng 400 hộ thuộc buôn Bàu, buôn Thịnh, buôn Thu và buôn Ly của xã Ea Trol. Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch 99,0%

* *Cấp nước nông thôn*: Ngoài Nhà máy nước thị trấn Hai Riêng, huyện còn có 11 công trình cấp nước tập trung tại các xã, tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch trên địa bàn đạt 85%.

Thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, năm 2017 đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại xã Đức Bình Tây, hiện nay đã đưa vào sử dụng đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho 1.000 hộ dân trên địa bàn xã, đang triển khai xây dựng hệ thống nước sạch xã Ea Bar. Ngoài các công trình cấp nước trên còn có các giếng đào, giếng khoan và bể hứng nước mưa phục vụ nước sinh hoạt cho nhân dân,...

b. Thoát nước

* *Thoát nước đô thị*: Cơ sở hạ tầng thoát nước tại thị trấn Hai Riêng đầu tư cải tạo, sửa chữa, xây dựng hệ thống thoát nước chưa đồng bộ, chưa phù hợp với tốc độ xây dựng, mở rộng quy mô đô thị. Hệ thống thoát nước hiện tại có phạm vi phục vụ hẹp, chỉ có đường cống, rãnh, mương nắp đan thoát nước dọc theo tuyến đường chính, đoạn dọc qua trung tâm thị trấn, chủ yếu thu gom nước mưa, nước thải ở thị trấn thoát theo rãnh, cống hoặc chảy tràn trên các tuyến đường rồi chảy xuống sông, suối,... thiếu công trình xử lý nước thải.

* *Thoát nước tại các điểm dân cư nông thôn*: Ở các điểm dân cư nông thôn, việc thoát nước diễn ra tự nhiên, thoát theo địa hình. Nước mưa, nước thải thoát ra vườn, tự thấm xuống và tự chảy ra tập trung một góc vườn, xuống ao hay thoát

theo rãnh dọc các tuyến đường, chảy ra suối, sông, hồ,...

1.2.5.3. Công trình năng lượng

Hệ thống điện trên địa bàn vận hành ổn định đảm bảo cung cấp điện năng. Điện lưới quốc gia đã được đưa về 100% xã trên địa bàn huyện, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đến năm 2022 đạt 98,5%.

Hệ thống cấp điện sinh hoạt tập trung được xây dựng và đưa vào hoạt động. Đã nâng cấp lưới điện sửa chữa, thay thế lại các tuyến đường dây trung áp, thiết bị không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Điện lưới phủ đến thôn, buôn tạo điều kiện phát triển các hoạt động thương mại dịch vụ, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề,... tạo ra nhiều việc làm mới, tăng thu nhập, góp phần nâng cao mức sống người dân, từ đó thay đổi bộ mặt thị trấn, nông thôn.

Trên địa bàn huyện có 02 nhà máy thủy điện, bao gồm: thủy điện Sông Hinh công suất 70MW, hàng năm sản xuất khoảng 390 triệu Kwh và thủy điện Krông H'Năng công suất 64MW hàng năm sản xuất khoảng 274 triệu Kwh đã hoà vào lưới điện quốc gia. Ngoài ra, còn có công trình thủy điện Sông Ba Hạ thuộc địa phận 3 huyện: Sơn Hòa và Sông Hinh tỉnh Phú Yên và huyện Krông Pa tỉnh Gia Lai, với công suất 220 MW.

1.2.5.4. Bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình

a. Bưu chính: Mạng lưới bưu chính trên địa bàn có bước phát triển khá. Các điểm phục vụ bưu điện mở rộng đến 100% xã trên địa bàn, tăng số lượng dịch vụ đến các điểm dân cư, giảm số dân phục vụ bình quân trên một điểm bưu điện. Các dịch vụ chuyển phát nhanh dần thay thế bưu chính truyền thống để đáp ứng tốt hơn nhu cầu người sử dụng.

Hiện nay có 1 bưu điện trung tâm huyện, 11 điểm bưu điện văn hoá xã, với bán kính phục vụ bình quân 4,85 km/1 điểm, số dân phục vụ bình quân 4.208 người/1 điểm. Nhìn chung, các dịch vụ mới chưa được cung cấp rộng rãi ở các bưu điện văn hoá xã, chỉ có ở bưu điện trung tâm huyện.

b. Viễn thông: Mạng viễn thông phát triển khá, phục vụ đầy đủ các loại hình viễn thông, có thể nâng cấp đáp ứng các dịch vụ mới. Hệ thống truyền dẫn quang đã đến trung tâm huyện và cáp quang có thể mở rộng cho các tuyến xã. Hệ thống thông tin di động với 5 trạm thu phát sóng BTS đã phủ sóng đến 100% xã. Mạng cung cấp dịch vụ Internet đã đến 11/11 xã, thị trấn.

Nhìn chung, các điểm bưu điện văn hoá xã còn thiếu trang thiết bị, mạng thông tin di động một số nơi sóng còn yếu và dịch vụ Internet hiệu quả chưa cao. Các dịch vụ liên quan đến thương mại điện tử, trợ giúp sản xuất,... đã được người dân tiếp cận, nhưng chưa nhiều.

c. Phát thanh truyền hình

Hệ thống phát thanh truyền hình không ngừng được mở rộng đáp ứng nhu cầu hưởng thụ về mặt tinh thần của người dân địa phương.

Công tác thông tin, tuyên truyền tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều tin, bài nội dung phong phú, hình thức đa dạng (Đài truyền thanh huyện, đài truyền thanh xã; trên cổng/trang thông tin điện tử; xe lưu động, trên mạng xã hội: Zalo, facebook, YouTube, với 3.255 tin, 635 bài, 145 ảnh, 27 video và trên 1500m² tuyên truyền bằng panô; trong đó Trung tâm VH-TT huyện 2.600 tin, 550

bài, 26 chương trình phát thanh tiếng Ê đê và 6 đợt tuyên truyền phòng chống dịch COVID-19 bằng xe lưu động). Đã phản ánh đầy đủ, kịp thời tình hình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng

Bên cạnh đó, đã xây dựng và duy trì tốt chương trình phát thanh tiếng Ê đê trên Đài phát thanh huyện đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin của nhân dân, kịp thời tuyên truyền các ngày lễ lớn, các sự kiện trọng đại của đất nước và địa phương, vận động thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị từ huyện đến cơ sở.

1.2.5.5. Cơ sở văn hoá

Theo phòng Văn hóa -Thông tin, hàng năm Đảng bộ huyện Sông Hinh đã tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng xuân, chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn (Tổ chức Hội thi đua thuyền truyền thống huyện Sông Hinh lần thứ 23, tổ chức Đêm thơ nhạc, Các đoàn nghệ thuật: Đoàn ca múa nhạc dân gian Sao biển và đoàn nghệ thuật Giao Linh về biểu diễn phục vụ nhân dân tại các xã: Đức Bình Tây, Ea Trol, Sơn Giang, Ea Lâm), các Lễ hội đậm đà bản sắc dân tộc, mang tính cộng đồng, phục dựng Lễ cúng bến nước của người Ê đê, thành lập mới 08 Câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian (buôn Lê Diêm, buôn Hai Riêng (TT. Hai Riêng); buôn Ly (xã Ea Trol); buôn Chung (xã Ea Bar); buôn Đức Mùi, buôn Ly (xã Ea Trol); buôn Dành, buôn Ma Sung (xã Ea Bia)).

Hiện nay, tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa đạt 90%; có 93,0% thôn, buôn, khu phố đạt văn hóa và 93,0% gia đình văn hóa. Công tác bảo tồn, bảo tàng và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống được quan tâm thực hiện và đạt được những kết quả bước đầu. Xây dựng buôn văn hóa du lịch tại buôn Lê Diêm giai đoạn 1.

Đã công nhận 72/75 thôn, buôn, khu phố đạt chuẩn văn hóa năm 2022 và tặng giấy khen 08 khu dân cư văn hóa 5 năm liên tục 2018 -2022.

Công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hoá và các điểm cung cấp dịch vụ văn hoá được tăng cường. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư đi vào chiều sâu, xoá bỏ dần các thủ tục mê tín dị đoan, tập quán lạc hậu.

1.2.5.6. Cơ sở y tế và chăm sóc sức khoẻ nhân dân

Theo Trung tâm y tế huyện Sông Hinh, hệ thống cơ sở y tế phát triển trên cả 3 mặt: Xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị y tế và đào tạo cán bộ chuyên môn. Trên địa bàn huyện có 12 cơ sở y tế, gồm: 01 bệnh viện đa khoa cấp huyện và 11 trạm y tế tuyến xã.

Hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng đã đạt được kết quả tốt, đã đầu tư nâng cấp bệnh viện đa khoa lên 80 giường bệnh, năng lực khám chữa bệnh của các cơ sở y tế ngày càng tốt hơn, tỷ lệ bác sỹ đạt 6 bác sỹ/vạn dân. Các chương trình y tế quốc gia và công tác phòng chống dịch bệnh thực hiện có hiệu quả.

Trong 9 tháng đầu năm 2023, ghi nhận 158 ca sốt xuất huyết (15 ổ dịch, không có trường hợp tử vong), 37 ca thủy đậu, 130 ca Covid-19. Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân (năm 2022 đã khám cho 126.070 lượt người, điều trị nội trú 4.712 lượt bệnh nhân). Công tác tiêm chủng mở rộng được tập trung thực hiện tốt, số trẻ dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ đạt 95% tăng 4,2% cùng kỳ. Giữ vững 11/11 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Về công tác tiêm phòng vắc xin Covid-19: Tổng số người trên 18 tuổi đã tiêm vắc xin, đạt 98,3%; Tổng số trẻ em tiêm vắc xin từ 12 tuổi đến 17 tuổi, đạt 100%. Số trẻ em tiêm vắc xin từ 05 tuổi đến 11 tuổi, đạt 100% mũi 1, đạt 62,1% mũi 2.

- Diện tích sử dụng đất của ngành y tế 4,65 ha đạt 0,89 m²/người (*định mức 0,65-0,76m²/người*), cơ bản đã đáp ứng nhu cầu sử dụng đất.

1.2.5.7. Cơ sở giáo dục - đào tạo

Các cấp học triển khai thực hiện hoàn thành, nội dung, chương trình niên học 2022-2023 theo đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng. Công nhận hoàn thành tốt nghiệp Tiểu học 1153/1176 HS, đạt tỷ lệ 98,04%; công nhận tốt nghiệp THCS 683/696 HS, đạt tỷ lệ 98,7%. Công tác tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2023 diễn ra an toàn, nghiêm túc, kết quả thi tốt nghiệp THPT đạt 96,71% (tăng 1,01% so với năm 2022).

Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm chỉ đạo thực hiện, đã kiểm tra công nhận trường Tiểu học và trung học cơ sở Ea Bia đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Đến nay, đã có 100% trường học hoàn thành công tác tự kiểm định, cụ thể: Trường đạt chuẩn quốc gia có 12/27 trường đạt tỷ lệ 44,44% (theo Thông tư mới), còn lại 10/15 trường đã công nhận đạt chuẩn quốc gia nhưng quá 05 năm.

Công tác phổ cập giáo dục tiếp tục được chú trọng, giữ vững kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS và xóa mù chữ tại 11 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Diện tích sử dụng đất của ngành giáo dục- đào tạo 65,04 ha, đạt 12,50m²/người (*định mức 4,54-6,09m²/người*). Tuy nhiên, vẫn còn một số trường học có diện tích hẹp, cần được mở rộng để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất.

1.2.5.8. Cơ sở thể dục - thể thao

- Theo phòng Văn hóa-thông tin: hoạt động thể dục thể thao thông qua các lễ hội vẫn được duy trì hàng năm và ngày càng phát triển về quy mô và chất lượng, đã trở thành ngày hội giao lưu văn hoá giữa các dân tộc, góp phần nâng cao thể lực, ý chí, tinh thần đoàn kết giữa các thôn buôn.

- Thường xuyên tổ chức các giải thi đấu bóng đá, bóng chuyền,... liên huyện, liên thôn tạo sân chơi lành mạnh cho thanh thiếu niên.

- Tham gia chương trình tuần lễ Văn hóa-Du lịch tỉnh Phú Yên. Tham gia các giải thể dục thể thao do tỉnh tổ chức,...

Nhìn chung, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động văn hoá còn thiếu và yếu. Trên địa bàn huyện hiện nay chỉ có 30% số xã có trung tâm văn hoá. Các xã còn lại, sân chơi cho thanh thiếu niên, các hoạt động văn hoá văn nghệ phải sử dụng hội trường UBND xã tổ chức và chưa thu hút quần chúng.

- Diện tích sử dụng đất cơ sở thể dục thể thao 14,30 ha, đạt 2,75m²/người (*định mức 2,89-3,61m²/người*), thấp hơn định mức và hiện nay còn một số xã chưa có đất cơ sở thể dục thể thao như Ea Lâm, Ea Bá, Sông Hinh.

1.2.5.9. Cơ sở nghiên cứu khoa học và đất cơ sở về dịch vụ xã hội

- Các công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn huyện chưa phát triển và hiện tại vẫn chưa có quỹ đất dành riêng cho mục đích dịch vụ về nghiên cứu khoa học.

- Các công trình dịch vụ xã hội như khu nuôi dưỡng người già, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn,... trên địa bàn huyện chưa phát triển. Chỉ có các dịch vụ tổ chức lễ cưới phục vụ nhu cầu của người dân gắn với các nhà hàng, khách sạn,... Hiện tại huyện vẫn chưa có quỹ đất dành riêng cho mục đích dịch vụ về xã hội.

1.2.5.10. Chợ

Đến năm 2023 trên địa bàn huyện có 07 chợ, bình quân 7.583 m²/chợ, diện tích đất các chợ hiện có đều đảm bảo nhu cầu sử dụng đất. Trong đó có 01 chợ hạng 2 (chợ trung tâm huyện); 06 chợ hạng 3. Lưu lượng người mua bán bình quân khoảng 450-500 lượt người/ngày, bình quân một chợ phục vụ 8.416 dân, số hộ buôn bán cố định thường xuyên bình quân 60 hộ/chợ.

Tổng diện tích đất chợ toàn huyện đang sử dụng có 4,77 ha, bình quân 0,92 m²/người; so với định mức quy định 1,13-1,66 m²/người, chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng đất và nhiều xã chưa xây dựng chợ như Sông Hình, Ea Trol, Ea Bá, Ea Bar.

1.3. Tình hình quản lý đất đai

1.3.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 (chi tiết xem biểu 01/CH)

Theo kết quả thống kê năm 2023 và kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất trong năm 2024, diện tích đất đang được sử dụng cho các mục đích có 88.660,97 ha, chiếm 99,33 % tổng diện tích tự nhiên, còn lại 601,04 ha đất chưa sử dụng, chiếm 0,67% tổng diện tích tự nhiên. Chi tiết tại biểu 01 sau:

Biểu 01: Hiện trạng sử dụng đất huyện Sông Hình năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		89.262,01	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	76.320,06	85,50
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.055,48	2,30
<i>T. đó</i>	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.447,23</i>	<i>1,62</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	26.198,51	29,35
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	13.087,04	14,66
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	20.948,29	23,47
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	13.777,61	15,44
<i>T. đó</i>	<i>Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>4.840,49</i>	<i>5,42</i>
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	112,74	0,13
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	140,39	0,16
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	12.340,91	13,83
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.029,13	1,15
2.2	Đất an ninh	CAN	2,40	0,00
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	3,52	0,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,34	0,01
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	58,85	0,07
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	22,03	0,02
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	6,44	0,01
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp	DHT	8.375,40	9,38

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	tỉnh, cấp huyện, cấp xã			
	Đất giao thông	DGT	975,05	1,09
	Đất thủy lợi	DTL	540,56	0,61
	Đất cơ sở văn hóa	DVH	2,57	0,00
	Đất cơ sở y tế	DYT	4,65	0,01
	Đất cơ sở giáo dục-đào tạo	DGD	64,90	0,07
	Đất cơ sở thể dục-thể thao	DTT	15,16	0,02
	Đất công trình năng lượng	DNL	6.678,32	7,48
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,93	0,00
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,13	0,00
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,62	0,00
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa...	NTD	80,74	0,09
	Đất chợ	DCH	4,77	0,01
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	17,62	0,02
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,14	0,01
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	358,37	0,40
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	67,48	0,08
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,56	0,02
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,57	0,00
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,63	0,001
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.310,17	2,59
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,15	0,06
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,11	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	601,04	0,67

Nguồn: Kết quả TKĐĐ năm 2022 - Phòng TN&MT.

a. Đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp có 76.320,06 ha, chiếm 85,50 % tổng diện tích tự nhiên.

Trong đó:

- Đất trồng lúa: Có diện tích 2.055,48 ha, chiếm 2,69 % đất nông nghiệp, phân bố ở tất cả các xã.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Có diện tích 26.198,51 ha, chiếm 34,33 % đất nông nghiệp. Đất trồng cây hàng năm phân bố ở hầu hết các xã.

- Đất trồng cây lâu năm: Có diện tích 13.087,04 ha, chiếm 17,15 % đất nông nghiệp, phân bố ở hầu hết các xã.

- Đất rừng phòng hộ: Có diện tích 20.948,29 ha, chiếm 27,45 % đất nông nghiệp, phân bố ở xã Sông Hình, Ea Trol và Ea Bar. Đất rừng phòng hộ trên địa bàn huyện chủ yếu là do Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý, sử dụng.

- Đất rừng sản xuất: Có diện tích 13.777,61 ha, chiếm 18,05 % đất nông nghiệp, phân bố ở 09/11 xã, thị trấn (trừ thị trấn Hai Riêng và xã Đức Bình Tây

không có rừng sản xuất), tập trung chủ yếu ở xã Sông Hinh, Ea Trol, Ea Ly,...

Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên: Có 4.840,49 ha. Phân bố ở xã Ea Trol 1.515,02 ha, Sông Hinh 3.323,10 ha và Ea Ly 2,37 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Có diện tích 112,74 ha, chiếm 0,15 % đất nông nghiệp, phân bố ở hầu hết các xã, thị trấn. Đất nuôi trồng thủy sản chủ yếu là các ao của hộ gia đình.

- Đất nông nghiệp khác: Có diện tích 140,39 ha, chiếm 0,18 % đất nông nghiệp, phân bố ở các xã Ea Lâm, Ea Trol, Ea Bar, Đức Bình Đông, thị trấn và Sơn Giang chủ yếu là đất để xây dựng trại giống cây trồng và trang trại chăn nuôi.

b. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp có 12.340,91 ha, chiếm 13,83 % diện tích tự nhiên.

Trong đó:

- Đất quốc phòng: Có diện tích 1.029,13 ha, chiếm 8,34 % diện tích đất phi nông nghiệp, tập trung ở các xã Ea Trol, Sông Hinh, Đức Bình Đông, Đức Bình Tây, Ea Bar và thị trấn Hai Riêng.

- Đất an ninh: Có diện tích 2,40 ha, chiếm 0,02 % diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở thị trấn Hai Riêng.

- Đất cụm công nghiệp: Có diện tích 3,52 ha, chiếm 0,03 % diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở xã Ea Bia.

- Đất thương mại, dịch vụ: Có diện tích 6,34 ha, chiếm 0,05 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Có diện tích 58,85 ha, chiếm 0,48 % diện tích đất phi nông nghiệp. Chủ yếu là diện tích đất các nhà máy như: nhà máy chế biến phân vi sinh Phúc Trường Thịnh (Ea Ly), xưởng chế biến Cà phê và phân hữu cơ vi sinh (Ea Bar), nhà máy tinh bột sắn Fococev Sông Hinh (Ea Bia), nhà máy chế biến gỗ keo, ván ép (Đức Bình Tây) và các cơ sở chế biến cao su, đá Granit,...

- Đất cho hoạt động khoáng sản: Có diện tích 22,03 ha, chiếm 0,18 % diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở thị trấn Hai Riêng, xã Ea Bar, Đức Bình Đông và Sơn Giang.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng: Có diện tích 6,44 ha, chiếm 0,05 % diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở xã Ea Ly, Đức Bình Đông và Sơn Giang.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Trong cơ cấu đất phi nông nghiệp, loại đất này chiếm tỷ trọng cao (trên 67,87 %) với diện tích 8.375,40 ha. Trong đó đất sử dụng cho các mục đích năng lượng (diện tích 6.678,32 ha, chiếm 79,74 % đất phát triển hạ tầng), giao thông (chiếm 11,64 % đất phát triển hạ tầng) và thủy lợi (chiếm 6,45 % đất phát triển hạ tầng) chiếm tỷ lệ lớn; các mục đích còn lại như đất cơ sở văn hóa, đất cơ sở y tế, đất bưu chính viễn thông, đất chợ,... chiếm tỷ lệ nhỏ.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Có diện tích 17,62 ha, chiếm 0,14 % diện tích đất phi nông nghiệp, Chủ yếu là diện tích đất xây dựng nhà văn hóa xã, nhà văn hóa

(nhà sinh hoạt cộng đồng) các khu phố, thôn, buôn.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Có diện tích 9,14 ha, chiếm 0,07 % diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở thị trấn, Đức Bình Đông và xã Ea Bia.

- Đất ở tại nông thôn: Có diện tích 358,37 ha, chiếm 2,90 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất ở tại đô thị: Có diện tích 67,48 ha chiếm 0,55 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Có diện tích 18,56 ha, chiếm 0,15 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Có diện tích 1,57 ha, chiếm 0,01 % diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Có diện tích 0,63 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Có diện tích 2.310,17 ha, chiếm 18,72% diện tích đất phi nông nghiệp

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Có diện tích 49,15 ha, chiếm 0,40 % diện tích đất phi nông nghiệp, chủ yếu là diện tích hồ trung tâm thị trấn Hai Riêng và hồ Ea Lâm 2.

- Đất phi nông nghiệp khác: Có diện tích 4,11 ha, chiếm 0,03 % diện tích đất phi nông nghiệp.

c. Đất chưa sử dụng

- Toàn huyện còn 601,04 ha đất chưa sử dụng, chiếm 0,67 % diện tích đất tự nhiên, trong đó:

- Đất bằng chưa sử dụng: có 376,30 ha, chiếm 62,61% diện tích đất CSD.

- Đất đồi núi chưa sử dụng: có 224,74 ha, chiếm 37,39% đất chưa sử dụng.

1.3.2. Biến động sử dụng các loại đất năm 2022 - 2023

Năm 2023 tổng diện tích tự nhiên trong địa giới hành chính của huyện có 89.262,01 ha, không biến động so với năm 2022, tình hình biến động đất đai của huyện năm 2023 so với năm 2022 qua biểu sau:

Biểu 02: Biến động sử dụng đất năm 2023 so với năm 2022

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2022	Diện tích năm 2023 (ha)	Tăng/giảm so với HT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		89.262,01	89.262,01	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	76.327,06	76.320,06	-7,00
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.055,48	2.055,48	0,00
<i>T. đó</i>	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.447,23</i>	<i>1.447,23</i>	<i>0,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	26.249,23	26.198,51	-50,72
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	13.129,26	13.087,04	-42,22
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	20.948,29	20.948,29	0,00
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	13.777,61	13.777,61	0,00
<i>T. đó</i>	<i>Đất có rừng sản xuất là rừng tự</i>	<i>RSN</i>	<i>4.840,49</i>	<i>4.840,49</i>	<i>0,00</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2022	Diện tích năm 2023 (ha)	Tăng/giảm so với HT
	<i>nhiên</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	112,74	112,74	0,00
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	54,45	140,39	85,94
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	12.333,91	12.340,91	7,00
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.029,13	1.029,13	0,00
2.2	Đất an ninh	CAN	2,40	2,40	0,00
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	3,52	3,52	0,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,16	6,34	0,18
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	58,85	58,85	0,00
2.6	Đất SD cho hoạt động khoáng sản	SKS	22,03	22,03	0,00
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	6,44	6,44	0,00
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	8.371,28	8.375,40	4,11
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>971,66</i>	<i>975,05</i>	<i>3,39</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>540,56</i>	<i>540,56</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,57</i>	<i>2,57</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>4,65</i>	<i>4,65</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>65,05</i>	<i>64,90</i>	<i>-0,15</i>
	<i>Đất cơ sở thể dục-thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>14,29</i>	<i>15,16</i>	<i>0,87</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>6.678,32</i>	<i>6.678,32</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,93</i>	<i>0,93</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>4,13</i>	<i>4,13</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>3,62</i>	<i>3,62</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa...</i>	<i>NTD</i>	<i>80,74</i>	<i>80,74</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>4,77</i>	<i>4,77</i>	<i>0,00</i>
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	17,54	17,62	0,08
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,14	9,14	0,00
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	355,98	358,37	2,39
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	67,24	67,48	0,24
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,56	18,56	0,00
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,57	1,57	0,00
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,63	0,63	0,00
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.310,17	2.310,17	0,00
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,15	49,15	0,00
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,11	4,11	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	601,04	601,04	0,00

Nguồn: - Kết quả TKĐĐ năm 2022 - Phòng TN&MT.

- Kết quả điều tra, tổng hợp thực hiện các công trình, dự án, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích trong năm 2023.

a. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2023 có 76.320,06 ha, giảm 7,00 ha so với năm 2022, do chuyển sang đất phi nông nghiệp, cụ thể các loại đất tăng, giảm như sau:

- Đất trồng lúa: Năm 2023 không biến động so với năm 2022.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Năm 2023 giảm 50,72 ha so với năm 2022, giảm do chuyển sang đất phi nông nghiệp (trong đó chuyển sang đất giao thông 2,97 ha, đất thể dục thể thao 0,87 ha và chuyển sang đất ở 2,18 ha) và nội bộ đất nông nghiệp (đất nông nghiệp khác 44,70 ha)

- Đất trồng cây lâu năm: Năm 2023 giảm 42,22 ha so với năm 2022, giảm do chuyển sang đất thương mại dịch vụ (0,18 ha), đất giao thông (0,35 ha) và chuyển sang đất ở 0,45 ha và đất nông nghiệp khác 41,24 ha.

- Các loại đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác: Năm 2023 không biến động so với năm 2022.

b. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp trong năm 2023 tăng 7,00 ha so với năm 2022, tăng do chuyển từ đất nông nghiệp sang, cụ thể diện tích tăng, giảm các loại đất như sau:

- Đất thương mại dịch vụ tăng 0,18 ha.

- Đất giao thông tăng 3,39 ha.

- Đất cơ sở giáo dục – đào tạo giảm 0,15 ha.

- Đất cơ sở thể dục-thể thao tăng 0,87 ha.

- Đất sinh hoạt cộng đồng tăng 0,08ha.

- Đất ở nông thôn tăng 2,39 ha so với năm 2022, từ đất trồng cây hàng năm 1,94 ha, 0,38 ha từ đất trồng cây lâu năm và đất giao dục 0,07 ha.

- Đất ở đô thị tăng 0,24 ha so với năm 2022, tăng từ đất trồng cây hàng năm 0,24 ha và 0,07 ha từ đất trồng cây lâu năm.

- Các loại đất phi nông nghiệp còn lại năm 2023 không biến động so với năm 2022.

c. Đất chưa sử dụng: Tổng diện tích đất chưa sử dụng năm 2023 có 601,04 ha, không biến động so với năm 2022.

1.3.3. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Sau khi Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt; UBND huyện đã tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn UBND các xã, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quy trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất hàng năm (năm 2021, 2022, 2023 và 2024) theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

- Các địa phương đã thực hiện nghiêm túc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt; việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất tuân thủ đúng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Việc thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất góp phần tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của huyện phát triển, đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, tăng nguồn thu từ đất, từng bước đưa công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện vào nề nếp.

1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường

1.4.1. Những lợi thế

Qua phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội, huyện Sông Hinh có một số lợi thế so với các huyện miền núi lân cận:

- Lợi thế về nguồn nước: Có nhiều sông lớn, nguồn nước dồi dào nhiều vị trí xây dựng hồ, đập đảm bảo yêu cầu nước cho sinh hoạt và các ngành sản xuất trong huyện.

- Lợi thế về đất đai và khí hậu: Quỹ đất phát triển nông nghiệp lớn chiếm trên 85% diện tích tự nhiên, đất đai phì nhiêu, phù hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt là các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như: mía, cao su, cà phê và cây ăn quả,...

- Nằm trong vùng có mưa nhiều, nền nhiệt độ cao, chế độ gió, độ ẩm, ánh sáng dao động trong phạm vi thích hợp với nhiều loại cây trồng, vật nuôi.

- Quỹ đất phát triển các trang trại, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp còn nhiều tiềm năng phát triển để thu hút đầu tư.

- Lợi thế về tài nguyên rừng: Diện tích đất lâm nghiệp lớn, với nhiều chủng loại động thực vật phong phú, thuận lợi để hình thành các vùng trồng cây nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, cây dược liệu...

- Lợi thế về địa lý: Sông Hinh là một trong những địa bàn chiến lược về quốc phòng của tỉnh và khu vực, là hậu phương vững chắc của các tỉnh Tây Nguyên. Tiếp giáp với hai tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, thuận lợi mở rộng quan hệ giao lưu trao đổi hàng hoá và hợp tác phát triển.

- Lợi thế về những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua: Được sự quan tâm của Trung ương và tỉnh, những năm qua tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đến nay các công trình thủy điện lớn, thủy lợi, giao thông, hệ thống lưới điện, thông tin liên lạc, các công trình phúc lợi xã hội,... cơ bản đã phủ kín các xã tạo thuận lợi để phát triển kinh tế và thu hút đầu tư từ bên ngoài,...

1.4.2. Những hạn chế

- Địa hình đồi núi dốc, lũ quét, hạn hán,... Dân cư phân bố phân tán, do đó phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng gặp nhiều khó khăn.

- Ngoài nông lâm nghiệp và công nghiệp điện năng, các ngành công nghiệp khác và dịch vụ, du lịch...chậm phát triển, chưa có tác động mạnh đến quá trình phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư nhưng còn thiếu và yếu so với nhu cầu của xã hội, đặc biệt là giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt...vì vậy chưa tạo môi trường hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư.

- Tích lũy nội bộ cho đầu tư còn hạn chế, thu ngân sách không đủ chi thường xuyên, khả năng thu hút đầu tư từ bên ngoài chưa cao. Khả năng ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất chưa sâu rộng, quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn nhiều lúng túng. Sản lượng sản phẩm sản xuất ra ít, chất lượng chưa cao và thiếu định hướng thị trường tiêu thụ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, huyện đã lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, được UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt tại Quyết định số 120/QĐ-UBND, ngày 10/02/2023. Đây là một trong những căn cứ pháp lý và cơ sở quan trọng để tỉnh và huyện thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, phục vụ tăng trưởng kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh của huyện. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện như sau:

2.1.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất

a. Đánh giá kết quả thực hiện theo công trình, dự án (công trình, dự án năm 2023 đã thực hiện, chuyển tiếp sang năm 2024 và loại bỏ ra ngoài kế hoạch năm 2024).

a.1. Đánh giá kết quả thực hiện theo tổng số công trình, dự án trong kế hoạch năm 2023 đã được phê duyệt.

Năm 2023, đăng ký thực hiện 83 hạng mục công trình, dự án. Kết quả số công trình đã, đang triển khai thực hiện được 58/83 công trình, đạt 69,88 % tổng số hạng mục công trình, dự án; Diện tích đã thực hiện 311,65 ha/2.781,93 ha, đạt 11,20% tổng diện tích (Tỷ lệ diện tích thực hiện đạt thấp là do năm 2023 có nhiều hạng mục công trình, dự án có diện tích đăng ký lớn nhưng thực hiện thấp hoặc chưa thực hiện được, như: đất nông nghiệp khác để phát triển các trang trại chăn nuôi; các tuyến đường giao thông-Dự án Criem; Giao, cho thuê đất nông nghiệp, lâm nghiệp theo DCQH 3 loại rừng; Giao đất, cho thuê đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá). Trong đó có 10 công trình đã hoàn thành giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đạt 12,05 % tổng số hạng mục công trình, dự án, cụ thể các công trình đã hoàn thành như sau:

Biểu 03: Danh mục công trình, dự án năm 2023 đã thực hiện

TT	Hạng mục	Địa điểm	D. tích (ha)
1	Đường Nguyễn Công Trứ nối dài	Hai Riêng	0,073
2	Mở rộng đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đi trạm bơm Ea Lâm 2	Ea Lâm	0,40
3	Đường giao thông buôn Thô đi Suối Mây	Hai Riêng	1,97
4	Sân thể thao trung tâm xã Ea Bá	Ea Bá	0,87
5	Dự án mở rộng điểm giãn dân Buôn Bai (tổng diện tích dự án 2,21 ha, trong đó: Diện tích trong dự án 1,8 ha, ngoài dự án 0,41 ha thu thêm do không đủ điều kiện sản xuất)	Ea Lâm	2,21
6	Khu du lịch khu sinh thái Thác Draï Tang	Ea Trol	2,36
7	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (trường mẫu giáo Ea Trol điểm trường thôn kinh tế 2)	Ea Trol	0,07

TT	Hạng mục	Địa điểm	D. tích (ha)
8	Trạm trại chăn nuôi heo Buôn Bai	Buôn Bai, Ea Lâm	24,33
9	Trạm trại chăn nuôi heo công nghệ cao Sông hình	Buôn Thung, xã Đức Bình Đông	25,04
10	Trạm trại chăn nuôi heo Ea Lâm	Buôn Bai, Ea Lâm	26,47

a2. *Hạng mục công trình, dự án đề nghị chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024: có 68 hạng mục công trình, dự án. Trong đó:*

- Số công trình, dự án đang triển khai (đã thực hiện kiểm đếm bồi thường giải phóng mặt bằng, thẩm định giá đất, thu hồi được một phần, chủ đầu tư đã có mặt bằng thi công....) có 47 hạng mục, chiếm 69,12 % số công trình chuyển tiếp.

- Công trình, dự án chưa triển khai đề nghị chuyển tiếp để thực hiện: 21 hạng mục công trình, dự án, chiếm 30,88% số công trình chuyển tiếp.

Biểu 04: Danh mục công trình, dự án năm kế hoạch 2023 đề nghị chuyển tiếp sang năm 2024

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
A. Công trình, dự án đang triển khai (Kiểm đếm bồi thường giải phóng mặt bằng, thẩm định giá đất, thu hồi được một phần, chủ đầu tư đã có mặt bằng thi công....)			
I.	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh		
a1.	Đất quốc phòng		
1	Căn cứ hậu phương 3 (Khu vực giáp lòng hồ thủy điện, xã Ea Trol)	Ea Trol	25,00
2	Thảo trường bắn cùm xã tại Buôn Trinh	Ea Bar	4,21
3	Trận địa 12,7mm tại khu phố 3 (Công trình chiến đấu 1 tại khu phố 3)	Hai Riêng	2,68
a2.	Đất an ninh		
1	Trụ sở công an xã Ea Lâm	Ea Lâm	0,08
2	Trụ sở công an xã Ea Trol	Ea Trol	0,09
II.	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		
a.	Công trình, dự án cấp tỉnh trên địa bàn huyện		
a.1.	Công trình, dự án do: BQL điện nông thôn miền Trung làm chủ đầu tư		
1	Trạm điện 110 kV Sông Hình và đầu nối	Hai riêng, Ea Bia, Đức Bình Tây	0,78
2	Tiểu dự án Cải tạo và Phát triển lưới điện phân phối tỉnh Phú Yên (vốn vay JICA)	Ea Bar, Ea Bia, TT Hai Riêng	0,16
a.3.	Công trình, dự án do Ban Tôn giáo quản lý, theo dõi		
1	Mở rộng nhà nguyện Sơn Giang (Giáo xứ Sơn Giang)	Sơn Giang	0,10
b	Công trình, dự án của huyện:		
b1.	Công trình, dự án do: Ban QLĐXD huyện làm chủ đầu tư		
1	Tuyến đường từ QL29 đi buôn Diêm	Hai Riêng	1,60

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
3	Đường Nguyễn Du	Hai Riêng	1,65
4	Đường vành đai khép kín quanh hồ Trung tâm thị trấn Hai Riêng	Hai Riêng	4,54
5	Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn Nguyễn Du đến Nguyễn Văn Cừ)	Hai Riêng	0,25
6	Kênh tưới Hồ chứa nước La Bách	Hai Riêng	0,68
7	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Ea Bar	Ea Bar	0,16
8	Trạm bơm Ea Lâm 2	Ea Lâm	1,40
9	Công viên cây xanh xã Ea Ly	Ea Ly	2,22
10	Nâng cấp, cải tạo khép kín khu Đồi thông	Ea Bia	1,00
11	Khu dân cư 05 tuyến đường nội thị, thị trấn Hai Riêng (giai đoạn 1)	Hai Riêng	2,30
b2.	Công trình, dự án do: UBND thị trấn Hai Riêng làm chủ đầu tư		
1	DA cơ sở hạ tầng QH khu dân cư và công trình công cộng khu phố 7	Hai Riêng	0,83
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố Ngô Quyền	Hai Riêng	0,03
b3.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Bia làm chủ đầu tư		
1	Mở rộng nghĩa địa buôn Nhum	Ea Bia	0,60
b4.	Công trình, dự án do: UBND xã Đức Bình Tây làm chủ đầu tư		
1	Mở rộng khu dân cư buôn Quang Dù	Đức Bình Tây	1,83
b5.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Lâm làm chủ đầu tư		
1	Đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đến giáp đường nội đồng 75	Ea Lâm	1,28
III.	Chuyển mục đích, giao đất, định giá đất, đấu giá đất, cho thuê đất		
a.	Công trình, dự án do cấp trên quản lý, theo dõi hoặc quyết định chủ trương đầu tư,...		
a1.	Công trình, dự án do Doanh nghiệp làm chủ đầu tư		
1	Trang trại chăn nuôi Tổ Hợp Xanh	Ea Ly	26,27
2	Trang trại chăn nuôi heo Ea Bar 1	Buôn Ken, Ea Bá, Buôn Trinh xã Ea Bar	23,18
3	Trang trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp hữu cơ Ea Bar 2	Buôn Trinh, Ea Bar	21,49
4	Trang trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp hữu cơ Ea Ly 1	Tân Yên - Ea Ly	20,24
5	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Dương Nam	thôn 2/4, xã Ea Ly	0,23
6	Khu chế biến đá VLXD thông thường - mỏ đá Suối Biểu (Cty cổ phần 3-2)	Sơn giang	0,50
7	Dự án khai thác VLXD thông thường mỏ đá Dốc Ma Xanh 1 (tổng diện tích dự án 7,4 ha được cấp phép)	Hai Riêng	6,00
8	Mỏ đất đồi Hòn 1 thôn Tân Yên (Mỏ đất sản lập thôn Tân Yên, xã Ea Ly)	Ea Ly	3,59
9	Bán đấu giá quyền khai thác cát làm VLXD thông thường tại Sông Ba (mỏ cát thôn Chí Thán, xã Đức Bình Đông)	Đức Bình Đông	5,48
10	Bán đấu giá quyền khai thác cát làm VLXD thông thường tại Sông Ba (mỏ cát VLXD thông thường sông Ba, thôn Hà Giang, xã Sơn Giang)	Sơn Giang	4,00
11	Đất san lấp tại đồi Chư Búk, buôn Bàu (mỏ đất đồi Chư Búk, buôn Bàu, xã Ea Bá)	Ea Bá	2,39
b	Công trình, dự án của huyện:		
b1.	Công trình, dự án do: phòng Tài chính KH huyện làm chủ đầu tư		
1	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn phân trường tiểu học Nam Giang, xã Sơn Giang	Sơn giang	0,20
b2.	Công trình, dự án do: phòng Tài nguyên và Môi trường quản lý,		

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
	theo dõi, thực hiện		
1	Giao, cho thuê đất nông nghiệp khu vực đã đưa ra khỏi ĐCQH 3 loại rừng	Các xã	200,0
2	Giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp theo ĐCQH 3 loại rừng	Các xã	150,0
3	Giao đất, cho thuê đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá giao cho TT PTQĐ huyện Sông Hinh quản lý	Ea Bar	475,44
4	Giao đất, cho thuê đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá giao lại UBND xã Ea Bar quản lý	Ea Bar	100,00
5	Giao đất, cho thuê đất diện tích của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá đã bán giá trị vườn cây	Ea Bar	91,80
b3.	Công trình, dự án do: Trung tâm PTQĐ huyện quản lý, theo dõi, thực hiện		
1	Giao đất, Bán đấu giá QSD đất, đất ở đô thị tại KP 8 (dự án Hạ Tầng khu dân cư khu phố 8, TT Hai Riêng)	Hai Riêng	0,73
2	Giao đất, bán đấu giá các lô còn lại trong khu dân cư buôn Trinh	Ea Bar	1,50
b4.	Công trình, dự án do: UBND thị trấn Hai Riêng làm chủ đầu tư		
1	Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị trường Mầm non, khu vui chơi thể thao (Sân bóng chuyền) buôn Suối Mây.	Hai Riêng	0,33
b5.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Bar làm chủ đầu tư		
1	Trường mẫu giáo thôn Chư Blôi	Ea Bar	0,04
2	Nhà văn hóa khu thể thao thôn Chư Blôi	Ea Bar	0,20
b6.	Công trình, dự án do: UBND xã Đức Bình Đông làm chủ đầu tư		
1	Giao đất cho hộ gia đình, cá nhân thôn Bình Giang	Đức Bình Đông	1,20
B. Công trình, dự án chưa triển khai đề nghị chuyển tiếp để thực hiện			
I.	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh		
a1.	Đất an ninh		
1	Trụ sở công an xã Đức Bình Tây	Đức Bình Tây	0,15
2	Trụ sở công an xã Ea Bar	Ea Bar	0,13
3	Trụ sở công an xã Ea Ly	Ea Ly	0,09
4	Trụ sở công an xã Ea Bia	Ea Bia	0,10
5	Trụ sở công an xã Ea Bá	Ea Bá	0,12
6	Trụ sở công an xã Sơn Giang	Sơn Giang	0,20
II.	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất.		
a.	Công trình, dự án cấp tỉnh trên địa bàn huyện		
a.1.	Công trình, dự án do: BQL các dự án ĐTXD tỉnh phú Yên làm chủ đầu tư		
1	Nâng cấp tuyến đường từ buôn Chung (Ea Bar) đến buôn Chao (Ea Bá)	Ea Bá, Ea Bar	17,00
2	Nâng cấp tuyến đường từ buôn Thứ xã Ea Bar đi buôn Bách (Tân Bình) xã Ea Ly	Ea Bar, Ea Ly	11,00
3	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông	Sơn Giang, Đức Bình Đông	19,00
4	Nâng cấp tuyến đường xã Ea Bia đi xã Đức Bình Tây	Ea Bia, Đức Bình Tây	13,00
a.2.	Công trình, dự án do: Kêu gọi, thu hút đầu tư		
1	Dự án Khu đô thị Hồ trung tâm	Hai Riêng	23,90
b	Công trình, dự án của huyện:		
b1.	Công trình, dự án do: UBND thị trấn Hai Riêng làm chủ đầu tư		

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
b2.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Trol làm chủ đầu tư		
1	Đường nội đồng từ QL 19C đi đồng ruộng buôn Đức Mùi	Ea Trol	0,80
2	Mở rộng tuyến đường buôn Thu đi buôn Ly	Ea Trol	0,40
b3.	Công trình, dự án do: UBND xã Đức Bình Đông làm chủ đầu tư		
1	Bán đấu giá QSD đất dự án quy hoạch khu dân cư thôn Bình Giang, trước cây xăng Bình Giang (Thuộc dự án QH dân cư Bình Giang, bao gồm: xây dựng CSHT, bán đấu giá, giao đất).	Đức Bình Đông	1,60
III.	Chuyển mục đích, giao đất, định giá đất, đấu giá đất, cho thuê đất		
a1.	Công trình, dự án do Sở Tài chính làm chủ đầu tư		
1	Bán đấu giá thuê đất TMDV thửa số 42 tờ bản đồ số 102	Hai Riêng	0,18
a2.	Công trình, dự án do Doanh nghiệp làm chủ đầu tư		
1	Trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao khép kín DLH Farm - Ea Bar	Ea Đin- Ea Bar	31,01
2	Trang trại chăn nuôi heo Ea Trol	Buôn Bàu, Ea Trol	21,14
b	Công trình, dự án của huyện:		
b1.	Công trình, dự án do: Trung tâm PTQĐ huyện quản lý, theo dõi, thực hiện		
1	Đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất đất trồng cây lâu năm (diện tích thu hồi của Công ty TNHH MTV Ea Bá)	Ea Bar	1,60
2	Bán Đấu giá QSD đất ở nông thôn tại thửa đất 230, tờ bản đồ số 36	Buôn Chung, Ea Bar	0,03
b4.	Công trình, dự án do: UBND thị trấn Hai Riêng làm chủ đầu tư		
2	Giao đất ở cho ông Phùng Kim Lang (bồi thường bằng đất)	Hai Riêng	0,04
b2.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Ly làm chủ đầu tư		
1	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn thửa 42, 68 tờ 104 (khu QH dân cư gần chợ Ea Ly)	Ea Ly	0,49

a3. Hạng mục công trình, dự án không chuyển tiếp sang (loại bỏ) Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có 05 hạng mục: 01 công trình không đồng bộ, phù hợp quy hoạch chung thị trấn: Mở rộng cửa hàng xăng dầu Sông Hinh tại khu phố 10 thị trấn); 01 dự án chưa hoàn toàn phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030: Trạm bơm Đồng Phú, xã Đức Bình Tây; 01 dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhưng chưa có chủ trương đầu tư: Trang trại chăn nuôi công nghệ cao Phú Yên 3, tại buôn Zô, xã Ea Lý; Ngoài ra có 02 hạng mục: Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và mần non buôn Quang Dù) (thửa 26, tờ bản đồ số 17) và Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và mần non thôn Tuy Bình) (thửa 266, tờ bản đồ số 16) được xác định và điều chỉnh lại theo Quyết định số 928/QĐ-UBND, ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh v/v Cho phép thu hồi, bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền SDD đối với 04 cơ sở nhà, đất trên địa bàn huyện Sông Hinh. Chi tiết các hạng mục công trình, dự án không chuyển tiếp sang (loại bỏ) Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 như sau:

Biểu 04: Danh mục công trình, dự án không chuyển tiếp sang (loại bỏ) Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

TT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Địa điểm	Nguyên nhân
1.	Mở rộng cửa hàng xăng dầu Sông Hinh tại khu phố 10 thị trấn	TMD	0,07	Hai Riêng	Không phù hợp QH XD (đất Y tế)

TT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Địa điểm	Nguyên nhân
2.	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và mần non buôn Quang Dù) (thửa 26, tờ bản đồ số 17)	ONT	0,193	Đức Bình Tây	Điều chỉnh lại hạng mục theo Quyết định số 928/QĐ-UBND, ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh v/v Cho phép thu hồi, bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền SDD đối với 04 cơ sở nhà, đất trên địa bàn huyện Sông Hinh
3.	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và điểm trường mần non Thôn Tuy Bình) (thửa 266, tờ bản đồ số 16)	ONT	0,686	Đức Bình Tây	Điều chỉnh lại hạng mục theo Quyết định số 928/QĐ-UBND, ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh v/v Cho phép thu hồi, bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền SDD đối với 04 cơ sở nhà, đất trên địa bàn huyện Sông Hinh
4.	Trang trại chăn nuôi công nghệ cao Phú Yên 3	NKH	64,59	Buôn Zô, Ea Ly	Chưa có chủ trương đầu tư
5.	Trạm bơm Đồng Phú	DTL	2,70	Đức Bình Tây	Chưa phù hợp hoàn toàn QH SDD đến năm 2030: Phù hợp về danh mục, một phần diện tích (QH SDD 2030-2,5ha, không trùng vị trí xác định theo QH SDD năm 2030).

a.4. Đánh giá kết quả thực hiện các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Sông Hinh đã được thông qua tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên địa bàn huyện Sông Hinh, Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 có tổng số 42 công trình, dự án với tổng diện tích 148,01 ha được HĐND tỉnh thông qua để thực hiện công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại các Nghị quyết 225/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 (01 công trình, dự án); Nghị quyết số 316/NQ-HĐND ngày 20/01/2021 (03 công trình, dự án); Nghị quyết số 322/NQ-HĐND, ngày 27/4/2021 (02 công trình, dự án); Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 31/3/2022 (26 công trình, dự án); Nghị quyết số 32/NQ-HĐND, ngày 20/7/2022 (02 công trình, dự án); Nghị quyết số 75/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 (07 công trình, dự án) và Nghị quyết số 09/NQ-HĐND, ngày 21/04/2023 (01 công trình, dự án). Kết quả thực hiện các công trình như sau:

- Công trình, dự án đã và đang triển khai thực hiện: 28/42 hạng mục công trình, dự án, đạt 66,67 % hạng mục; diện tích đã thu hồi 15,28 ha/148,01 ha, đạt 10,32% tổng diện tích thu hồi. Trong đó công trình, dự án hoàn thành (thu hồi, chuyển mục đích, giao đất) có 05 công trình, dự án.

- Công trình, dự án đề nghị loại bỏ: 03 công trình, trong đó: 01 dự án chưa hoàn toàn phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030: Trạm bơm Đồng Phú, xã Đức Bình Tây: 02 công trình (Lý do: Điều chỉnh lại hạng mục theo Quyết định số

928/QĐ-UBND, ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh v/v Cho phép thu hồi, bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền SDD đối với 04 cơ sở nhà, đất trên địa bàn huyện Sông Hinh)

- Công trình, dự án còn lại đề nghị chuyên tiếp: 34 công trình, dự án. Trong đó: công trình dự án đang thực hiện (thu hồi một phần, chưa chuyển mục đích, giao đất): 23 hạng mục và công trình chưa thực hiện: 11 hạng mục.

Biểu 05: Đánh giá danh mục công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên thông qua

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích dự án (ha)	Đánh giá			
				Hoàn thành thu hồi, CMD, giao đất	Thu hồi một phần hoặc hoàn thành thu hồi nhưng chưa CMD, giao đất	Loại bỏ	Chuyển tiếp
I	Các công trình theo Nghị quyết 225/NQ-HĐND ngày 10/7/2020						
1	Dự án mở rộng điểm giải dân Buôn Bai	Ea Lâm	2,21	X			
II	Các công trình theo Nghị quyết số 316/NQ-HĐND ngày 20/01/2021 của HĐND tỉnh v/v thu hồi đất, CMD sử dụng đất để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Phú Yên						
1	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Ea Bar	Ea Bar	0,16		X		X
2	Quy hoạch khu dân cư và công trình công cộng khu phố 7	Hai Riêng	0,83		X		X
3	Trường mẫu giáo thôn Chư Blôi	Ea Bar	0,45		X		X
III	Các công trình theo Nghị quyết số 322/NQ-HĐND, ngày 27/4/2021 của HĐND tỉnh v/v thu hồi đất, CMD sử dụng đất để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Phú Yên						
1	Nhà văn hóa và khu thể thao thôn Chư Blôi	Ea Bar	0,20		X		X
2	Công viên cây xanh xã Ea Ly	Ea Ly	2,31		X		X
IV	Các công trình theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 31/3/2022 của HĐND tỉnh về Thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013						
1	Quy hoạch KDC lô 2 Bình Giang (Bán đấu giá QSD đất khu quy hoạch dân cư Bình Giang, trước cây xăng Bình Giang)	Đức Bình Đông	1,30				X
2	Mở rộng khu dân cư buôn Quang Dù	Đức Bình Tây	1,83		X		X
3	Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị trường Mầm non, khu vui chơi thể thao (Sân bóng chuyền) buôn Suối Mây (thửa 65 tờ bản đồ số 4 và thửa số 5, tờ bản đồ số 12)	Hai Riêng	0,33				X
4	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn thửa 42, 68 tờ 104 (khu QH dân cư gần chợ Ea Ly)	Ea Ly	0,50				X
5	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và điểm trường mầm non Thôn Tuy Bình) (thửa 266, tờ bản đồ số 16)	Đức Bình Tây	0,69			X	
6	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và mầm non buôn Quang Dù) (thửa 26, tờ bản đồ số 17)	Đức Bình Tây	0,19			X	
7	Trạm điện 110 kV Sông Hinh và đấu nối	Hai riêng, Ea Bia, Đức Bình Tây	0,78		X		X
8	Nâng cấp tuyến đường từ buôn Chung (Ea Bar) đến buôn Chao (Ea Bá)	Ea Bá, Ea Bar	17,00				X

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích dự án (ha)	Đánh giá			
				Hoàn thành thu hồi, CMD, giao đất	Thu hồi một phần hoặc hoàn thành thu hồi nhưng chưa CMD, giao đất	Loại bỏ	Chuyển tiếp
9	Nâng cấp tuyến đường từ buôn Thứ xã Ea Bar đi buôn Bách (Tân Bình) xã Ea Ly	Ea Bar, Ea Ly	11,00				X
10	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông	Sơn Giang, Đức Bình Đông	19,00				X
11	Nâng cấp tuyến đường xã Ea Bia đi xã Đức Bình Tây	Ea Bia, Đức Bình Tây	13,00				X
12	Mở rộng nghĩa địa buôn Nhum	Ea Bia	0,60		X		X
13	Dự án Khu đô thị Hồ trung tâm	Hai Riêng	34,23				X
14	Đường Nguyễn Công Trứ nối dài	Hai Riêng	0,07		X		X
15	Đường Nguyễn Du	Hai Riêng	1,66		X		X
16	Đường giao thông buôn Thô đi Suối Mây	Hai Riêng	1,97	X			
17	Đường vành đai khép kín quanh hồ Trung tâm thị trấn Hai Riêng	Hai Riêng	4,74		X		X
18	Nâng cấp, cải tạo khép kín khu Đồi thông	Ea Bia	1,00		X		X
19	Nâng cấp cải tạo phía Tây Nam hồ Trung Tâm	Ea Bia	2,54		x		X
20	Trạm y tế xã Đức Bình Đông	Đức Bình Đông	0,35		x		X
21	Trạm bơm Ea Lâm 2	Ea Lâm	1,40		X		X
22	Kênh tưới Hồ chứa nước La Bách	Hai Riêng	1,80		X		X
23	Khu dân cư 05 tuyến đường nội thị, thị trấn Hai Riêng (giai đoạn 1)	Hai Riêng	2,30		X		X
24	Trường THCS xã Ea Bia	Ea Bia	1,08		x		X
25	Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn Nguyễn Du đến Nguyễn Văn Cừ)	Hai Riêng	0,25		X		X
26	Tuyến đường từ QL29 đi buôn Diêm	Hai Riêng	1,60		X		X
V	Các công trình theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND, ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh về Thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013						
1	Sân vận động xã Ea Bá	Xã Ea Bá	0,87	X			
2	Giáo xứ Sơn Giang	Xã Sơn Giang	0,10		X		X
VI	Các công trình theo Nghị quyết số 75/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về Thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013						
1	Mở rộng đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đi trạm bơm Ea Lâm 2	Ea Lâm	0,40	X			
2	Đường nội đồng từ QL 19C đi đồng ruộng buôn Đức Mùi	Ea Trol	0,80				X
3	Mở rộng tuyến đường buôn Thu đi buôn Ly	Ea Trol	0,40				X
4	Trạm bơm Đồng Phú	Đức Bình Tây	2,70			X	
5	Đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đến giáp đường nội đồng 75	Ea Lâm	1,28		X		X
6	Nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố Ngô Quyền	Hai Riêng	0,03		X		X
7	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng KP 9 (KP9+ buôn Suối Mây)	Hai Riêng	0,10	X			
VI	Các công trình theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND, ngày 21/4/2023 của HĐND tỉnh về Thông qua danh						

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích dự án (ha)	Đánh giá			
				Hoàn thành thu hồi, CMD, giao đất	Thu hồi một phần hoặc hoàn thành thu hồi nhưng chưa CMD, giao đất	Loại bỏ	Chuyển tiếp
mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013							
1	Tiểu dự án Cải tạo và Phát triển lưới điện phân phối tỉnh Phú Yên (vốn vay JICA)	Ea Bar, Ea Bia, TT Hai Riêng	0,16		X		X
TỔNG SỐ			42	148,01	5	24	3
							34

Nguồn: Điều tra từ các chủ đầu tư và phòng Tài nguyên và môi trường

a5. Đánh giá công trình, dự án đã được thông qua Hội đồng nhân dân phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 03 (ba) năm chưa có quyết định thu hồi đất và chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Trên địa bàn huyện Sông Hinh, năm 2023 có 03 công trình chưa có quyết định thu hồi đất, đề nghị tiếp tục như sau:

+ 01 công trình: Phân lô chi tiết khu dân cư khu phố 5, diện tích 6,2 ha thông qua tại Nghị quyết 157/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 về thu hồi vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế-xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng; thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Và đã được chuyển tiếp, điều chỉnh tên hạng mục thành: Quy hoạch chi tiết xây dựng KDC khu phố 5 thị trấn Hai Riêng (gồm đất ở đô thị và đất phát triển hạ tầng), thông qua tại Nghị quyết số 322/NQ-HĐND, ngày 27/4/2021). Công trình này đề nghị chuyển tiếp sang năm 2024 để tiếp tục triển khai thực hiện (giai đoạn 1), đồng thời điều chỉnh tên và diện tích là 2,3 ha (thông qua tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 31/3/2022 của HĐND tỉnh; Nghị Quyết số 54/NQ-HĐND, ngày 16/12/2021 của HĐND huyện về việc chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư 05 tuyến đường nội thị, thị trấn Hai Riêng).

+ 01 công trình, dự án thông qua tại Nghị quyết 213/NQ-HĐND, ngày 6/12/2019 của HĐND tỉnh: Dự án khu dân cư đô thị Hồ Xuân Hương, Hai Riêng, diện tích 18,0 ha (được điều chỉnh tên là Dự án Khu đô thị Hồ trung tâm, diện tích 34,23 ha, thông qua tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 31/3/2022). Công trình này đề nghị tiếp tục thực hiện và điều chỉnh diện tích là 23,90 ha.

+ 01 công trình, dự án thông qua tại Nghị quyết số 316/NQ-HĐND ngày 20/01/2021 của HĐND tỉnh: Trường mẫu giáo thôn Chư Blôi, diện tích 0,45 ha. Hiện đang làm thủ tục thu hồi đền bù GPMB theo quy định (chờ bổ sung vào kế hoạch định giá đất cụ thể), do vậy đề nghị tiếp tục đăng ký năm 2024 để thực hiện.

b. Đánh giá kết quả thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất

Theo số liệu Thống kê đất đai năm 2022 và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng năm 2023, kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm

2023 trên địa bàn huyện Sông Hình như sau:

Biểu 06: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	KH được duyệt năm 2023 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2023		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) 100
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		89.262,01	89.262,01	0,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	76.178,92	76.320,06	141,14	100,19
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.059,58	2.055,48	-4,09	99,80
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.453,15</i>	<i>1.447,23</i>	<i>-5,92</i>	<i>99,59</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	26.040,03	26.198,51	158,47	100,61
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	12.737,25	13.087,04	349,79	102,75
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	20.948,28	20.948,29	0,00	100,00
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	13.776,91	13.777,61	0,70	100,01
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>4.840,49</i>			
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	112,70	112,74	0,04	100,04
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	504,17	140,39	-363,78	27,85
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	12.492,49	12.340,91	-151,58	98,79
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.036,01	1.029,13	-6,88	99,34
2.2	Đất an ninh	CAN	3,20	2,40	-0,80	74,99
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	3,52	3,52	0,00	100,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	19,22	6,34	-12,87	33,01
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	67,51	58,85	-8,67	87,16
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	21,53	22,03	0,50	102,32
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	26,32	6,44	-19,88	24,48
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	8.440,56	8.375,40	-65,16	99,23
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.036,32</i>	<i>975,05</i>	<i>-61,26</i>	<i>94,09</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>546,08</i>	<i>540,56</i>	<i>-5,51</i>	<i>98,99</i>
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,40</i>	<i>2,57</i>	<i>0,18</i>	<i>107,34</i>
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>4,60</i>	<i>4,65</i>	<i>0,05</i>	<i>101,05</i>
	<i>Đất cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>62,90</i>	<i>64,90</i>	<i>2,00</i>	<i>103,17</i>
	<i>Đất cơ sở thể dục-thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>14,94</i>	<i>15,16</i>	<i>0,23</i>	<i>101,53</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>6.679,25</i>	<i>6.678,32</i>	<i>-0,94</i>	<i>99,99</i>
	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,93</i>	<i>0,93</i>	<i>0,00</i>	<i>99,58</i>
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>4,13</i>	<i>4,13</i>	<i>0,00</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>3,72</i>	<i>3,62</i>	<i>-0,10</i>	<i>97,31</i>
	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa...</i>	<i>NTD</i>	<i>81,21</i>	<i>80,74</i>	<i>-0,48</i>	<i>99,41</i>
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>4,09</i>	<i>4,77</i>	<i>0,68</i>	<i>116,62</i>
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	17,86	17,62	-0,25	98,62
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	17,14	9,14	-8,00	53,33
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	374,16	358,37	-15,79	95,78

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	KH được duyệt năm 2023 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2023		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) 100
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	85,94	67,48	-18,46	78,52
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,85	18,56	0,71	103,98
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,57	1,57	0,00	100,00
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,63	0,63	0,00	100,32
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.306,51	2.310,17	3,66	100,16
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	48,85	49,15	0,30	100,61
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,11	4,11	0,00	100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	590,60	601,04	10,44	98,26

Nguồn: - Quyết định số 120/QĐ-UBND, ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh Phú Yên.

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 của huyện Sông Hinh; Phân viện QH & TKNN miền Trung điều tra, tổng hợp hiện trạng sử dụng đất năm 2023.

Nhận xét:

b.1. Đất nông nghiệp: Thực hiện 76.320,06 ha/76.178,92 ha.

Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 141,14 ha. Diện tích đất nông nghiệp thực hiện chưa đạt là do chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện xây dựng các công trình, dự án về phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện. Cụ thể các chỉ tiêu thực hiện như sau:

- Đất trồng lúa: thực hiện 2.055,48 ha/2.059,58 ha, đạt 99,80%. Do chưa thực hiện chuyển mục đích để xây dựng các hạng mục đất giao thông (Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông), đất năng lượng (Trạm điện 110 kV Sông Hinh và đầu nối), đất ở.

Trong đó đất chuyên trồng lúa nước: kết quả thực hiện 1.447,23 ha/1.453,15 ha, đạt 99,59 %. Do chưa thực hiện hạng mục đất giao thông (Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông), đất năng lượng (Trạm điện 110 kV Sông Hinh và đầu nối) và đất ở nông thôn.

- Đất trồng cây hàng năm khác: thực hiện 26.198,51 ha/26.040,03 ha. Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 158,47 ha. Do chưa chuyển sang đất nông nghiệp khác, đất phi nông nghiệp để thực hiện xây dựng các công trình, dự án về phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội và chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2023 đất trồng cây hàng năm khác giảm 115,64 ha chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình, dự án và chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân. Kết quả thực hiện 6,02 ha, đạt 5,21 %.

- Đất trồng cây lâu năm: thực hiện 13.087,04 ha/12.737,25 ha. Thực hiện chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt 349,79 ha. Do chưa chuyển sang đất lúa, đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2023 đất trồng cây lâu năm giảm 29,80 ha chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình, dự án và

chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân. Kết quả thực hiện 0,98 ha, đạt 3,29 %.

- Đất rừng phòng hộ: thực hiện 20.948,29 ha/20.948,28 ha. đạt 100%.

- Đất rừng sản xuất: thực hiện 13.777,61 ha/13.776,91 ha. Diện tích cao hơn so với kế hoạch 0,70 ha là do chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp (đất giao thông).

- Đất nuôi trồng thủy sản: thực hiện 112,74ha/112,70 ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,04 ha. Do chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất sang đất giao thông và đất ở nông thôn.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2023 đất nuôi trồng thủy sản giảm 0,04 ha chuyển sang đất phi nông nghiệp. Kết quả thực hiện không đạt.

- Đất nông nghiệp khác: thực hiện 140,39 ha/504,17 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 363,78 ha. Diện tích thấp là do chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân và các doanh nghiệp phát triển trang trại.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2023 đất nông nghiệp khác tăng 444,81 ha với hiện trạng. Kết quả thực hiện 85,94 ha, đạt 13,37%.

b.2. Đất phi nông nghiệp: thực hiện 12.340,91 ha/12.492,49 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 151,58 ha. Diện tích thực hiện thấp chủ yếu là do chưa thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện. Cụ thể như sau:

- Đất quốc phòng: thực hiện 1.029,13 ha/1.036,01 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 6,89 ha. Do chưa thực hiện các công trình, dự án: Thao trường bắn cùm xã tại Buôn Trinh, diện tích 4,21 ha tại xã Ea Bar; Trại địa 12,7mm tại khu phố 3, diện tích 2,68 ha tại thị trấn Hai Riêng.

- Đất an ninh: thực hiện 2,40ha/3,20 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,80 ha. Do chưa thực hiện công trình, dự án: xây dựng Trụ sở công an tại 08 xã (Trụ sở công an xã Ea Lâm 0,08 ha đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thiện thủ tục đất đai theo quy định).

- Đất cụm công nghiệp: Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2023 đất cụm công nghiệp không thay đổi về diện tích so với năm 2022.

- Đất thương mại, dịch vụ: thực hiện 6,34ha/19,22ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 12,87 ha. Do chưa thực hiện các công trình, dự án: Bán đấu giá thuê đất TMDV thửa số 42 tờ bản đồ số 102 (0,18ha) tại thị trấn Hai Riêng; Mở rộng cửa hàng xăng dầu Sông Hinh tại khu phố 10 thị trấn (0,07 ha); đất thương mại dịch vụ trong dự án Khu đô thị Hồ trung tâm tại TT Hai Riêng.

Trong năm 2023 đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất một phần để thực hiện Dự án: Khu du lịch khu sinh thái Thác Draï Tang (1,8ha/5,0 ha) tại xã Ea Trol

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: thực hiện 58,85 ha/67,51ha, đạt 87,16 %. Do chưa thực hiện Khu chế biến đá VLXD thông thường - mỏ đá Suối Biều (Cty cổ phần 3-2) tại xã Sơn Giang và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của hộ

gia đình, cá nhân.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: thực hiện 22,03 ha/21,53 ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,50 ha.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2023 đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản giảm 0,5 ha so với năm 2022 (do chuyển sang đất xây dựng Khu chế biến đá VLXD thông thường thuộc mỏ đá thôn Suối Biều (công ty cổ phần 3-2) tại xã Sơn Giang), kết quả chưa thực hiện (đạt 0%).

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng: thực hiện 6,44 ha/26,32 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 19,88 ha. Do chưa thực hiện các công trình, dự án: Bán đấu giá quyền khai thác cát làm VLXD thông thường tại Sông Ba, xã Sơn Giang (4,0 ha); Dự án khai thác VLXD thông thường mỏ đá Dốc Ma Xanh 1, thị trấn Hai Riêng (5,0 ha); Bán đấu giá quyền khai thác cát làm VLXD thông thường tại Sông Ba, xã Đức Bình Đông (5,48 ha); Mỏ đất đồi Hòn 1 thôn Tân Yên (Mỏ đất sản lấp thôn Tân Yên, xã Ea Ly), diện tích 3,59 ha; Đất san lấp tại đồi Chư Búk, buôn Bàu (mỏ đất đồi Chư Búk, buôn Bàu), diện tích 2,39 ha.

- Đất phát triển hạ tầng: thực hiện 8.375,40 ha/8.440,56 ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 65,16 ha. Diện tích thực hiện thấp do chưa thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện (chưa bố trí được vốn đầu tư hoặc đang trong quá trình thực hiện các bước khảo sát, đo đạc, xây dựng PABTGPMB, xác định hệ số giá,...), trong đó diện tích nhiều là các tuyến đường giao thông cấp tỉnh (Nâng cấp tuyến đường từ buôn Chung (Ea Bar) đến buôn Chao (Ea Bá), diện tích 17,0 ha; Nâng cấp tuyến đường từ buôn Thứ xã Ea Bar đi buôn Bách (Tân Bình) xã Ea Ly, diện tích 11,0 ha; Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông, diện tích 19,0 ha; Nâng cấp tuyến đường xã Ea Bia đi Đức Bình Tây, diện tích 13,0 ha. Giao thông cấp huyện, xã có 06 tuyến đường giao thông chưa thực hiện, tổng diện tích 10,15 ha. Các công trình đất thủy lợi (Kênh tưới Hồ chứa nước La Bách, Trạm bơm Đồng Phú), diện tích 3,38 ha,...

- Đất sinh hoạt cộng đồng: thực hiện 17,62 ha/17,86ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,25 ha.

Theo kế hoạch được duyệt, đất sinh hoạt cộng đồng tăng 0,25 ha. Kết quả không thực hiện được 01 công trình: Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng KP 9 (KP9+ buôn Suối Mây); 02 công trình chưa thực hiện gồm có : Nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố Ngô Quyền; Nhà SHCD và thể thao thôn Chư Blôi.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: thực hiện 9,14ha/17,14ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 8,00 ha. Diện tích thực hiện thấp do chưa thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2023 loại đất này tăng 8,00 ha. Kết quả chưa thực hiện (đạt 0%). Các công trình chưa thực hiện gồm có: Công viên cây xanh xã Ea Ly; Nâng cấp, cải tạo khép kín khu đồi thông; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng dự án Khu đô thị Hồ trung tâm.

- Đất ở tại nông thôn: thực hiện 358,37ha/374,16ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 15,79 ha. Thực hiện thấp là do chưa thực hiện các dự án quy hoạch khu dân cư, dự án bán đấu giá đất ở nông thôn và chuyển

mục đích sử dụng đất ở của các hộ gia đình, cá nhân.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2023 đất ở tại nông thôn tăng 17,02 ha. Kết quả thực hiện 2,39 ha, đạt 14,04 %. Trong đó đã thực hiện hạng mục Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (trường mẫu giáo Ea Trol điểm trường thôn kinh tế 2) tại xã Ea Trol, diện tích 0,07 ha; Thực hiện Khu giãn dân buôn Bai, xã Ea Lâm; diện tích thực hiện còn lại là chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn các xã.

- Đất ở tại đô thị: thực hiện 67,48ha/85,94ha. Diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được duyệt là 18,46 ha. Thực hiện thấp là do chưa thực hiện các dự án quy hoạch khu dân cư, dự án bán đấu giá đất ở và chuyển mục đích sử dụng đất ở của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thị trấn Hai Riêng.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2023 đất ở tại đô thị tăng 18,49 ha. Kết quả thực hiện 0,24 ha, đạt 1,3%. Diện tích thực hiện là chuyển mục đích sử dụng đất ở của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn thị trấn.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: thực hiện 18,56ha/17,85ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 0,71 ha. Do chưa thực hiện chuyển mục đích, giao đất an ninh để xây dựng trụ sở công an tại các xã.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2023 đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 0,71 ha để xây dựng công trình Trụ sở công an tại các xã nhưng chưa thực hiện (đạt 0%).

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Thực hiện 1,57 ha/1,57 ha. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2023 đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp ổn định so với năm 2022.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: thực hiện 0,63 ha/0,63 ha. trong năm 2023 đất cơ sở tín ngưỡng không thay đổi về quy mô diện tích tích so với năm 2022.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: thực hiện 2.310,17ha/2.306,51ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 3,66 ha.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2023 đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 3,66 ha để thực hiện công trình, dự án. Kết quả không thực hiện (đạt 0%). Hạng mục chưa thực hiện: Bán đấu giá quyền khai thác cát làm VLXD thông thường tại Sông Ba (3,66 ha).

- Đất có mặt nước chuyên dùng: thực hiện 49,15ha/48,85ha. Diện tích chưa thực hiện 0,30 ha, do chưa thực hiện hạng mục đất giao thông.

- Đất phi nông nghiệp khác: thực hiện 4,11 ha/4,11 ha. Diện tích ổn định không biến động so với năm 2022.

b.3. Đất chưa sử dụng: diện tích 601,04 ha/594,60 ha. Diện tích chưa thực hiện so với kế hoạch được duyệt là 10,44 ha.

Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2023 đưa 10,44 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng để thực hiện các hạng mục đất nông nghiệp khác, đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm và đất phát triển hạ tầng. Kết quả chưa thực hiện được (đạt 0 %).

2.1.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 của huyện Sông Hinh qua biểu sau:

Biểu 07: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	148,64	7,00	-141,64	4,71
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	2,46	-	-2,46	-
	<i>T. đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>0,68</i>	<i>-</i>	<i>-0,68</i>	<i>-</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	115,64	6,02	-109,62	5,21
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	29,80	0,98	-28,82	3,29
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	0,70	-	-0,70	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,04	-	-0,04	
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	2,23	0,07	-2,16	3,13

Nguồn: - Quyết định số 120/QĐ-UBND, ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh Phú Yên.

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 của huyện Sông Hinh; Phân viện QH & TKNN miền Trung điều tra, tổng hợp hiện trạng sử dụng đất năm 2023.

a. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp

Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp 7,00 ha/148,64 ha, đạt 4,71 % (thấp hơn 141,64 ha) để xây dựng các công trình công cộng, mở rộng khu dân cư theo kế hoạch được phê duyệt. Diện tích chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp chủ yếu tập trung ở đất quốc phòng, đất phát triển hạ tầng, xây dựng các khu giãn dân, các khu dân cư phân lô, đất chuyển mục đích đất ở của hộ gia đình, cá nhân,... Cụ thể như sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác thực hiện 6,02 ha/115,64 ha, đạt 5,21 % (thấp hơn 109,62 ha). Do chưa chuyển sang đất quốc phòng, đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sản xuất vật liệu xây dựng, đất phát triển hạ tầng (42,97 ha), đất ở nông thôn, đất ở đô thị, các loại đất phi nông nghiệp khác và trong nội bộ đất nông nghiệp (đất nông nghiệp khác),...

- Đất trồng cây lâu năm thực hiện 0,98 ha/29,80 ha, đạt 3,29 % (thấp hơn 28,82 ha), do chưa chuyển sang đất quốc phòng, đất thương mại dịch vụ, đất phát triển hạ tầng (chủ yếu đất giao thông 17,77 ha), đất ở đô thị và nông thôn và trong nội bộ đất nông nghiệp (chuyển sang đất nông nghiệp khác, tổng diện tích 357,22 ha).

* Đến tháng 9 năm 2023, kết quả chuyển mục đích và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 80 hộ, tổng diện tích là 19,70 ha (chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở 1,37 ha, đất thương mại dịch vụ 0,18 ha, đất trồng cây lâu năm 18,15 ha) trên địa bàn các xã, thị trấn của huyện: thị trấn (23 hộ), xã Ea Lâm (02 hộ), Đức Bình Tây (01 hộ), Ea Bá (01 hộ), Sơn Giang (03 hộ), Đức Bình Đông (04 hộ), Ea Bar (09 hộ), Ea Trol (09 hộ), Sông Hinh (09 hộ), Ea Ly (13 hộ) và Ea Bia (06 hộ).

Kết quả Giao đất, cho thuê đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá: đã thực hiện 400,29ha/1.234,4 ha đất nông nghiệp, đạt 32,43% diện tích. Trong đó năm 2023 đã thực hiện 51,86 ha.

Kết quả Giao, cho thuê đất nông nghiệp, lâm nghiệp khu vực đã đưa ra khỏi ĐCQH 3 loại rừng: đã thực hiện 140,43 ha/1.000 ha kế hoạch, đạt 14,04 %.

b. Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở: Thực hiện 0,07 ha/ 2,23 ha, đạt 3,13 %. Hạng mục đã thực hiện: Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (trường mẫu giáo Ea Trol điểm trường thôn kinh tế 2), diện tích 0,07 ha.

Diện tích chưa thực hiện 2,16 ha, do chưa thực hiện chuyển mục đích các hạng mục: Giao đất, Bán đấu giá QSD đất, đất ở đô thị tại KP 8 (dự án Hạ Tầng khu dân cư khu phố 8, TT Hai Riêng); Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn phân trường tiểu học Nam Giang, xã Sơn Giang; Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị trường Mầm non, khu vui chơi thể thao (Sân bóng chuyền) buôn Suối Mây (thửa 65 tờ bản đồ số 4 và thửa số 5, tờ bản đồ số 12); Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và mầm non buôn Quang Dù) (thửa 26, tờ bản đồ số 17); Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (Phân trường tiểu học và điểm trường mầm non Thôn Tuy Bình) (thửa 266, tờ bản đồ số 16); Bán Đấu giá QSD đất ở nông thôn tại thửa đất 230, tờ bản đồ số 36 (điểm trường mẫu giáo buôn Chung) sang đất ở nông thôn.

2.1.3. Kết quả thực hiện thu hồi đất

Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023 của huyện Sông Hinh qua biểu sau:

Biểu 08: Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
	Tổng cộng		109,27	15,28	-93,99	13,98
1	Đất nông nghiệp	NNP	102,48	14,29	-88,19	13,94
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1,08	0,45	-0,63	41,63
<i>T. đố</i>	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	0,53	-	-0,53	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	77,93	9,91	-68,02	12,72
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	58,43	3,91	-54,52	6,69
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	0,70	-	-0,70	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6,79	0,99	-5,80	14,60
2.1	Đất phát triển hạ tầng	DHT	3,29	0,38	-2,91	11,50
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	0,10	0,12	0,02	120,00
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	0,73	0,05	-0,68	6,85
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	0,05	-	-0,05	-
	<i>Đất cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	<i>DGD</i>	2,05	0,08	-1,97	3,83
	<i>Đất cơ sở thể dục-thể thao</i>	<i>DTT</i>	0,23	-	-0,23	-
	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa...</i>	<i>NTD</i>	0,13	0,13	0,00	100,00
2.2.	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,05	0,03	-1,02	2,86

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
2.3	Đất ở tại đô thị	ODT	0,55	0,28	-0,27	51,45

Nguồn: - Quyết định số 120/QĐ-UBND, ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh Phú Yên.

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 của huyện Sông Hinh; Phân viện QH & TKNN miền Trung điều tra, tổng hợp hiện trạng sử dụng đất năm 2023.

Tổng diện tích đất nông nghiệp và phi nông nghiệp đã thực hiện đề thu hồi thực hiện các công trình, dự án là 15,28 ha/109,27ha, đạt 13,98 % (thấp hơn 93,99 ha). Trong đó toàn bộ là thu hồi đất nông nghiệp, cụ thể:

- Đất nông nghiệp thu hồi 14,29 ha/102,48ha, đạt 13,94 % (thấp hơn 88,19 ha). Công trình đã thực hiện công tác thu hồi (hoặc đã có Quyết định thu hồi): Dự án đường Nguyễn Công Trứ nối dài; Đường giao thông buôn Thô đi Suối Mây; Đường Nguyễn Du; Mở rộng đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đi trạm bơm Ea Lâm 2; Kênh tưới hồ chứa nước La Bách; Trạm bơm Ea Lâm 2; Hệ thống cấp nước sạch xã Ea Bar và Sân thể thao trung tâm xã Ea Bá; Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng KP 9 (KP9+ buôn Suối Mây).

Diện tích đất thu hồi đạt thấp do nhiều công trình, dự án chưa được triển khai; như Thao trường bắn cùm xã tại Buôn Trinh, các khu giãn dân, khu đô thị, các tuyến đường giao thông liên xã thuộc dự án Criem, công trình phát triển hạ tầng và các công trình thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới,...

2.1.4. Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp

Trong năm chưa khai thác được diện tích đất chưa sử dụng. Kết quả thực hiện 0ha/ 10,44 ha, đạt 0%.

2.3. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện đã đạt được những thành quả nhất định, thể hiện ở các mặt như: Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai; làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện và tỉnh. Bên cạnh những mặt đạt được còn một số tồn tại như sau:

- Các công trình, dự án thực hiện năm 2023 đạt thấp so với Kế hoạch sử dụng đất được duyệt do thiếu vốn đầu tư, thời gian thực hiện thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng, bán đấu giá QSD đất các công sở diễn ra khá chậm.

- Một số hạng mục bán đấu giá quyền sử dụng đất nhưng chưa thống nhất phương án sắp xếp, xử lý tài sản gắn liền với đất của cấp có thẩm quyền nên chưa triển khai thực hiện (Phân trường tiểu học và mần non buôn Quang Dù; Phân trường tiểu học và điểm trường mần non Thôn Tuy Bình; Giao đất, Bán đấu giá QSD đất, đất

ở đô thị tại KP 8).

- Một số dự án có quy mô lớn của cấp tỉnh trên địa bàn huyện như: mở rộng đất quốc phòng, mở rộng các tuyến giao thông liên xã (dự án Criem) chậm triển khai nên chỉ tiêu sử dụng đất của huyện đạt thấp.

- Một số công trình triển khai đã phát sinh cần điều chỉnh về diện tích, vị trí cho phù hợp với thực tế nên cần phải điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và các quy hoạch xây dựng có liên quan trên địa bàn huyện (Đất trụ sở công an xã Ea Bá, đất trụ sở công an xã Sơn Giang, Trạm bơm Đòng Phú, Mở rộng cửa hàng xăng dầu Sông Hinh tại khu phố 10 thị trấn Hai Riêng, Dự án khai thác VLXD thông thường mỏ đá Dốc Ma Xanh 1).

- Theo quy định (hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT, ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) đối với các công trình, dự án theo Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch. Để có thể triển khai kịp thời nếu trong năm có vốn bố trí hoặc kêu gọi, thu hút nhà đầu tư, do vậy còn một số dự án chưa xác định được nguồn vốn hoặc chưa có chủ đầu tư nhưng vẫn đề nghị được đưa vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm để thực hiện. Tuy nhiên, rất nhiều hạng mục công trình, dự án đều không thể triển khai do không có vốn đầu tư, hoặc không kêu gọi, thu hút được nhà đầu tư.

- Một số nhà đầu tư đã cam kết thực hiện các dự án kêu gọi đầu tư của địa phương nhưng chậm triển khai thực hiện theo đăng ký ban đầu, hoặc vướng mắc trong công tác thỏa thuận đất đai hoặc chưa thống nhất phương án hỗ trợ bồi thường thiệt hại về hoa màu với người dân nên chưa triển khai thực hiện được (các dự án phát triển trang trại).

- Công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất các xã, thị trấn chưa có kế hoạch thực hiện cụ thể, dứt điểm: nhiều xã, thị trấn đăng ký công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm kéo dài do chưa tiến hành hoàn thiện thủ tục đất đai theo quy định, trong khi công trình đã được xây dựng hoàn thành, đưa vào sử dụng.

2.4. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

- Công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất đưa vào KHSD đất còn nhiều bất cập, một số doanh nghiệp chưa tiếp cận được thông tin để đăng ký, hoặc chưa nắm rõ quy định về trình tự thủ tục đất đai trong việc đầu tư xây dựng công trình, dự án có nhu cầu sử dụng đất.

- Thiếu vốn đầu tư, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn nhiều bất cập, các chính sách hỗ trợ chưa đồng bộ, chưa sát với thực tế của các địa phương, nên khi áp dụng trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng khó thực thi, phát sinh nhiều khiếu kiện liên quan đến quyền lợi của người dân có đất bị thu hồi, làm cho nhiều dự án triển khai chậm và kéo dài.

- Công tác phổ biến pháp luật đất đai về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm còn nhiều hạn chế, chưa phổ biến rộng rãi vai trò, tầm quan trọng của việc lập KHSD đất hàng năm đến các chủ sử dụng đất, hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp,...

- Một số công trình, dự án triển khai thực tế còn chưa phù hợp, đồng bộ với

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, quy hoạch chung xây dựng thị trấn và các quy hoạch có liên quan.

- Hệ thống bản đồ đo đạc địa chính chưa được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung kịp thời gây khó khăn trong việc xác định thửa đất ngoài thực địa hoặc xác định tính phù hợp vị trí thửa đất với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch có liên quan.

- Các xã, thị trấn đã triển khai tuyên truyền, phổ biến về thôn, buôn nhưng tỷ lệ hộ gia đình thực hiện chuyển mục đích rất thấp so với nhu cầu đăng ký.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

3.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

3.1.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức

Tổng số công trình năm 2024: 98 công trình, trong đó: chuyển tiếp năm 2023 sang 68 hạng mục công trình, dự án và đăng ký mới 30 công trình. Ngoài ra, năm 2024 tiếp tục thực hiện 69 công trình đã hoàn thành xây dựng nhưng chưa hoàn thiện thủ tục đất đai để làm căn cứ hoàn thiện thủ tục đất đai. Chi tiết biểu sau:

Biểu 09: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức

Số TT	Chủ đầu tư	Số lượng, diện tích công trình, dự án năm 2024		Chia ra			
				Năm 2023 chuyển sang		Đăng ký mới năm 2024	
		Tổng số DA	Diện tích (ha)	Tổng số DA	Diện tích (ha)	Tổng số DA	Diện tích (ha)
I.	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh	15	49,32	11	32,85	4	16,47
1	Bộ CHQS tỉnh	1	25,00	1	25,00		
2	Ban CHQS huyện	3	21,89	2	6,89	1	15,00
3	Công an tỉnh	11	2,43	8	0,96	3	1,47
II.	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	43	116,62	27	108,18	16	8,44
1	Ban Tôn giáo quản lý, theo dõi	1	0,10	1	0,10		
2	BQL các dự án ĐTXD tỉnh Phú Yên	4	60,00	4	60,00		
3	BQL điện nông thôn miền Trung	2	0,94	2	0,94		
4	Các Doanh nghiệp (thu hút, kêu gọi đầu tư)	1	23,90	1	23,90		
5	Ban QL dự án ĐTXD huyện	13	16,87	11	15,87	2	1,00
6	Phòng Tài chính Kế hoạch					4	0,76
7	UBND thị trấn Hai Riêng	2	0,86	2	0,86		
8	UBND Xã Ea Lâm	2	1,68	1	1,28	1	0,40
9	UBND Xã Đức Bình Tây	1	1,83	1	1,83		
10	UBND Xã Ea Bá	1	1,18			1	1,18
11	UBND Xã Đức Bình Đông	1	1,60	1	1,60		
12	UBND Xã Ea Trol	5	2,80	2	1,20	3	1,60
13	UBND Xã Ea Ly	1	1,80			1	1,80
14	UBND Xã Sông Hình	3	1,20			3	1,20
15	UBND Xã Ea Bia	2	1,10	1	0,60	1	0,50
III.	Chuyển mục đích, giao đất, định giá đất, đấu giá đất, cho thuê đất	40	1.694,86	30	1.190,70	10	504,16
1	Sở Tài chính	1	0,18	1	0,18		
2	Ban QL rừng phòng hộ Sông Hình	1	476,94			1	476,94
3	Phòng Tài chính KH	1	0,20	1	0,20		

Số TT	Chủ đầu tư	Số lượng, diện tích công trình, dự án năm 2024		Chia ra			
				Năm 2023 chuyển sang		Đăng ký mới năm 2024	
		Tổng số DA	Diện tích (ha)	Tổng số DA	Diện tích (ha)	Tổng số DA	Diện tích (ha)
4	Phòng Tài nguyên và Môi trường	5	1.017,24	5	1.017,24		
5	Trung tâm PT quỹ đất huyện	6	4,19	4	3,86	2	0,33
6	Ban QL dự án ĐTXD huyện	1	0,36			1	0,36
7	Các Doanh nghiệp	18	192,58	13	166,92	5	25,66
8	UBND thị trấn Hai Riêng	2	0,37	2	0,37		
9	UBND Xã Đức Bình Đông	1	1,20	1	1,20		
10	UBND Xã Ea Bar	2	0,24	2	0,24		
11	UBND Xã Ea Ly	1	0,49	1	0,49		
12	UBND Xã Ea Lâm	1	0,87			1	0,87
	CỘNG	98	1.860,80	68	1.331,73	30	529,07
(*)	<i>Công trình đã hoàn thành xây dựng nhưng chưa hoàn thiện thủ tục đất đai (Đưa vào phương án KHSD đất năm 2024 để tiếp tục hoàn thiện thủ tục đất đai, thuộc nhiều chủ đầu tư)</i>	69	23,28	69	23,28		

Ghi chú: Chi tiết Công trình, dự án Biểu 10/CH

3.1.2. Nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có 1.080 trường hợp xin đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất, với diện tích 382,72 ha. Chia theo các xã, thị trấn và loại đất sau khi chuyển mục đích qua biểu sau:

Biểu 10: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân

Stt	Xã, thị trấn	Trường hợp	Diện tích xin chuyển	Loại đất sau khi chuyển đổi mục đích sử dụng						
				CLN	NKH	SKC	TMD	ONT	ODT	PNK
	CỘNG	1.080	382,72	175,89	179,15	0,35	1,20	19,04	2,40	4,69
1	Thị trấn Hai Riêng	136	2,65			0,25			2,40	
2	Xã Ea Lâm	18	0,36					0,36		
3	Xã Đức Bình Tây	49	1,37					1,37		
4	Xã Ea Bá	28	36,23	16,95	18,66			0,62		
5	Xã Sơn Giang	58	1,42					1,42		
6	Xã Đức Bình Đông	177	3,14					3,14		
7	Xã Ea Bar	204	79,82	51,40	24,54		0,02	3,86		
8	Xã Ea Trol	41	1,87				0,71	1,16		
9	Xã Sông Hinh	103	2,53					2,53		
10	Xã Ea Ly	176	250,97	107,54	135,70		0,47	2,57		4,69
11	Xã Ea Bia	90	2,36		0,25	0,10		2,01		

Chi chú: Chi tiết số tờ số thửa, diện tích xin chuyển mục đích xem phụ biểu 1.

Hồ sơ chuyển mục đích các thửa đất được tiếp nhận và thực hiện theo trình tự thủ tục hành chính quy định; thửa đất chỉ được xem xét cho phép chuyển mục đích sau khi được thẩm định nhu cầu sử dụng đất và đủ điều kiện chuyển mục đích

sử dụng đất theo quy định hiện hành.

3.2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Chỉ tiêu sử dụng các loại đất năm 2024 của huyện như sau:

Biểu 11: Kế hoạch sử dụng các loại đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2023	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024		
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-) so với 2023
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)*100	(7)=(5)-(4)
A.	TỔNG DT TỰ NHIÊN		89.262,01	89.262,01	100,00	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	76.320,06	76.143,36	85,30	-176,70
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.055,48	2.053,08	2,30	-2,40
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.447,23</i>	<i>1.446,62</i>	<i>1,62</i>	<i>-0,61</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	26.198,51	26.026,83	29,16	-171,68
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	13.087,04	12.794,94	14,33	-292,10
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	20.948,29	20.948,29	23,47	0,00
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	13.777,61	13.776,91	15,43	-0,70
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>6.616,57</i>	<i>4.840,49</i>	<i>5,42</i>	
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	112,74	112,61	0,13	-0,13
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	140,39	430,70	0,48	290,31
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	12.340,91	12.527,49	14,03	186,58
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.029,13	1.051,02	1,18	21,89
2.2	Đất an ninh	CAN	2,40	4,83	0,01	2,43
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	3,52	3,52	0,00	0,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,34	10,33	0,01	3,99
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	58,85	70,04	0,08	11,19
2.6	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	22,03	21,53	0,02	-0,50
2.7	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	6,44	42,55	0,05	36,11
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	8.375,40	8.444,05	9,46	68,65
-	Đất giao thông	DGT	975,05	1.038,19	1,16	63,13
-	Đất thủy lợi	DTL	540,56	542,75	0,61	2,19
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,57	2,03	0,00	-0,54
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,65	4,65	0,01	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	64,90	63,49	0,07	-1,41
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	15,16	14,93	0,02	-0,23
-	Đất công trình năng lượng	DNL	6.678,32	6.679,26	7,48	0,94
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,93	0,93	0,00	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,13	4,13	0,00	0,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,62	3,72	0,00	0,10
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	80,74	85,51	0,10	4,77
-	Đất chợ	DCH	4,77	4,47	0,01	-0,30
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	17,62	17,95	0,02	0,33
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí	DKV	9,14	17,62	0,02	8,48

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2023	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024		
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-) so với 2023
	công cộng					
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	358,37	381,95	0,43	23,58
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	67,48	86,15	0,10	18,67
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,56	17,59	0,02	-0,97
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,57	1,57	0,00	0,00
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,63	0,63	0,00	0,00
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.310,17	2.298,51	2,58	-11,66
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,15	48,85	0,05	-0,30
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,11	8,80	0,01	4,69
3	Đất chưa sử dụng	CSD	601,04	591,16	0,66	-9,88

Ghi chú: - Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 06/CH.

Các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 đều nằm trong chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện được phê duyệt (QĐ 213/QĐ-UBND ngày 29/01/2022).

- Đất nông nghiệp 76.143,36 ha/74.299,42 ha cao hơn 1.843,94 ha, do chưa chuyển hết chỉ tiêu đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện.

- Đất phi nông nghiệp 12.527,49 ha/14.855,40 ha thấp hơn 2.327,91 ha, do chưa thực hiện các công trình, dự án theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện.

- Đất chưa sử dụng 591,16 ha/107,19 ha cao hơn 483,97 ha, do chưa thực hiện hết chỉ tiêu đất chưa sử dụng để khai thác vào mục đích sử dụng đất nông nghiệp và chuyển sang phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện.

(Chi tiết xem phụ biểu 03).

Phân tích nguyên nhân tăng, giảm diện tích các loại đất trong năm kế hoạch 2024:

3.2.1. Đất nông nghiệp

- Diện tích năm 2023: 76.320,06 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 76.141,76 ha, giảm 178,30 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp (xem biểu 13/CH).

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 1,60 ha. Do mở rộng diện tích đất trồng cây lâu năm chuyển từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại xã Ea Bar (chi tiết xem biểu 13/CH).

- Diện tích kế hoạch năm 2024: 76.143,36 ha, giảm 176,70 ha so với năm 2023. Do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện xây dựng các công trình, dự án về quốc phòng; phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện.

Diện tích đất nông nghiệp tập trung nhiều ở các xã Sông Hình, Ea Trol, Ea Bar, Ea Ly,...(chi tiết xem biểu 06/CH).

3.2.1.1. Đất trồng lúa

- Diện tích năm 2023 có 2.055,48 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2.053,08 ha, giảm 2,40 ha, do chuyển sang Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,10 ha, đất giao thông 0,99 ha, đất năng lượng 0,03 ha, đất ở nông thôn 0,28 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 2.053,08 ha, giảm 2,40 ha so với năm 2023.

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước

- Diện tích năm 2023 có 1.447,23 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1.446,62 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 1.446,62 ha, giảm 0,61 ha so với năm 2023.

- Diện tích đất chuyên trồng lúa nước tập trung nhiều ở các xã Sơn Giang, Ea Bar, Ea Trol và Ea Ly (chi tiết xem biểu 06/CH).

3.2.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác

- Diện tích năm 2023 có 26.198,51 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 26.026,83 ha, giảm 171,68 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 44,93 ha tại các xã; đất quốc phòng 16,39 ha tại xã Ea Bar và thị trấn; đất thương mại dịch vụ 2,42 ha tại xã thị trấn, Ea Trol, Đức Bình Tây và Ea Bar; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 10,69 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng 11,99 ha; đất phát triển hạ tầng 44,69 ha; đất ở nông thôn 16,52 ha tại tất cả các xã; đất ở tại đô thị 17,05 ha và các loại đất khác,...

- Năm 2024, không mở rộng đất trồng cây hàng năm khác.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 26.026,83 ha, giảm 171,68 ha so với năm 2023.

- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác tập trung ở các xã Ea Ly, Đức Bình Đông, Ea Bar, Ea Bá, Ea Trol,... (chi tiết xem biểu 06/CH).

3.2.1.3. Đất trồng cây lâu năm

- Diện tích năm 2023 có 13.087,04 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 12.793,34 ha, giảm 293,70 ha; do chuyển sang nông nghiệp khác 245,38 ha; đất quân sự 0,5 ha; đất thương mại dịch vụ 1,39 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 6,64 ha; đất phát triển hạ tầng 19,36 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,30 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 2,22 ha, đất ở tại nông thôn 6,75 ha, đất ở tại đô thị 0,97 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 1,60 ha, chuyển từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại Ea Bar (đất thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê Ea Bá)

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 12.794,94 ha, giảm 292,10 ha so với năm 2023.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm tập trung nhiều ở các xã Ea Bar, Ea Trol, Ea Ly, Ea Bá,... (chi tiết xem biểu 06/CH).

3.2.1.4. Đất rừng phòng hộ

- Diện tích năm 2023 có 20.948,28 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 20.948,28 ha, không thay đổi so với năm 2023.

- Đất rừng phòng hộ phân bố chủ yếu ở 03 xã Sông Hinh, Ea Trol và Ea Bar (chi tiết xem biểu 06/CH).

3.2.1.5. Đất rừng sản xuất

- Diện tích năm 2023 có 13.777,61 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 13.776,91 ha, giảm 0,70 ha, do chuyển sang đất giao thông tại xã Sơn Giang.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 13.776,91 ha, giảm 0,70 ha so với năm 2023.

Đất rừng sản xuất phân bố chủ yếu ở xã Sông Hinh, Ea Trol, Ea Ly, Sơn Giang,... xã Đức Bình Tây và thị trấn Hai Riêng không có rừng sản xuất (chi tiết xem biểu 06/CH).

3.2.1.6. Đất nuôi trồng thủy sản

- Diện tích năm 2023 có 112,74 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 112,61 ha, giảm 0,13 ha, do chuyển sang đất ở nông thôn.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 112,61 ha, giảm 0,13 ha so với năm 2023.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản phân bố rải rác ở tất cả các xã và thị trấn.

3.2.1.7. Đất nông nghiệp khác

- Diện tích năm 2023 có 140,39 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 140,39 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất nông nghiệp khác: 290,31 ha; chuyển từ đất cây hàng năm 44,93 ha, từ cây trồng lâu năm 245,38 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 430,70 ha, tăng 290,31 ha so với năm 2023.

Đất nông nghiệp khác phân bố ở hầu hết tại các xã, thị trấn (trừ xã Sơn Giang); tập trung nhiều tại các xã: Ea Ly, Ea Bá, Ea Bar, Đức Bình Đông,...

3.2.2. Đất phi nông nghiệp

- Diện tích năm 2023 có 12.340,91 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 12.339,31 ha, giảm 1,60 ha do chuyển sang đất trồng cây lâu năm tại từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại Ea Bar (đất thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê

Ea Bá)

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 188,18 ha; chuyển từ đất nông nghiệp sang 178,30 ha (từ đất trồng lúa 2,40 ha, đất trồng cây hàng năm 126,75 ha, đất trồng cây lâu năm 48,32 ha, đất rừng sản xuất 0,70 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,13 ha), đất chưa sử dụng sang 9,88 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 12.527,49 ha, tăng 186,58 ha so với năm 2023.

Trong đó:

3.2.2.1. Đất quốc phòng

- Diện tích năm 2023 có 1.029,13 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 1.029,13 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất quốc phòng: 21,89 ha; chuyển từ đất nông nghiệp.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 1.051,02 ha, tăng 21,89 ha so với năm 2023.

Trong năm kế hoạch 2024, xây dựng các công trình quốc phòng sau:

+ Thao trường bắn cụm tại Buôn Trinh xã Ea Bar 4,21 ha.

+ Trận địa 12,7mm tại thị trấn Hai Riêng 2,68 ha.

+ Trường bắn, thao trường huấn luyện cấp huyện, 15,0 ha.

Ngoài ra, công trình Căn cứ hậu phương 3 xã Ea Trol 25,0 ha đã xây dựng, nhưng chưa làm thủ tục đất đai. Năm 2024, thông kê vào danh mục công trình, dự án để hoàn thành thủ tục đất đai (*thực tế công trình trên đã được kiểm kê thống kê đất đai thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ năm 2010 là đất quốc phòng tuy nhiên hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng công trình trên đất*).

- Diện tích đất quốc phòng tập trung chủ yếu ở các xã Ea Trol, Đức Bình Đông, Sông Hinh, thị trấn.

3.2.2.2. Đất an ninh

- Diện tích năm 2023 có 2,40 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2,4 ha

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất an ninh: 2,43 ha; chuyển từ đất trụ sở cơ quan, đất trồng cây hàng năm khác, đất giáo dục, đất chợ.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 4,83 ha, tăng 2,43 ha so với năm 2023.

Trong năm kế hoạch 2024, xây dựng các công trình an ninh sau: Trụ sở công an xã Ea Lâm; Trụ sở công an xã Đức Bình Tây; Trụ sở công an xã Ea Bar; Trụ sở công an xã Ea Trol; Trụ sở công an xã Ea Ly; Trụ sở công an xã Ea Bia; Trụ sở công an xã Ea Bá; Trụ sở công an xã Sơn Giang; Trụ sở công an xã Sông Hinh; Trụ sở công an xã Đức Bình Đông; Cơ sở làm việc Đội Cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Sông Hinh.

- Đất an ninh phân bố ở thị trấn Hai Riêng và tất cả các xã trên địa bàn huyện.

3.2.2.3. Đất cụm công nghiệp

- Diện tích năm 2023 có 3,52 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 3,52 ha, không thay đổi so với năm 2023.

3.2.2.4. Đất thương mại, dịch vụ

- Diện tích năm 2023 có 6,34 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 6,34 ha.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất đất thương mại, dịch vụ nghiệp: 3,99 ha, trong đó: chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 2,42 ha, đất trồng cây lâu năm 1,39 ha, đất cơ sở văn hóa 0,18 ha. Trong năm 2024 sẽ triển khai Bán đấu giá thuê đất TMDV thửa số 42 tờ bản đồ số 102, Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Dương Nam, đất thương mại dịch vụ trong Khu đô thị Hồ trung tâm tại thị trấn Hai Riêng, nhu cầu chuyển đất thương mại dịch vụ của hộ gia đình cá nhân,...

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 10,33 ha, tăng 3,99 ha so với năm 2023.

3.2.2.5. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

- Diện tích năm 2023 có 58,85 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 57,25 ha, giảm 1,60 ha, do chuyển sang đất trồng cây lâu năm tại xã Ea Bar.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 12,79 ha, chuyển từ đất đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm. Trong năm 2024 thực hiện các hạng mục: xây dựng khu chế biến đá vật liệu xây dựng thông thường- công ty cổ phần 3/2 xã Sơn Giang; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại xã Đức Bình Đông và xã Ea Trô.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 70,04 ha, tăng 11,19 ha so với năm 2023.

3.2.2.6. Đất cho hoạt động khoáng sản

- Diện tích năm 2023 có 22,03 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 21,53 ha, giảm 0,5 ha do chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp để xây dựng Khu chế biến đá VLXD thông thường - mỏ đá Suối Biều (Cty cổ phần 3-2).

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 21,53 ha, giảm 0,5 ha so với năm 2023.

3.2.2.7. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

- Diện tích năm 2023 có 6,44 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 6,44 ha, giảm ha do chuyển sang đất trồng cây lâu năm tại xã Sơn Giang.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 36,11 ha, chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 11,99 ha; đất trồng cây lâu năm 6,64 ha; đất sông, suối 11,66 ha và đất bằng chưa sử dụng 5,82 ha. Gồm các công trình: mỏ đá Độc Ma Xanh 1 tại thị trấn, Mỏ đá chẻ Buôn Trinh, xã Ea Bar, khai thác cát tại xã Đức Bình Đông và Sơn Giang; đất san lấp xã Ea Ly, Ea Bá.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 42,55 ha, tăng 36,11 ha so với năm 2023.

3.2.2.8. Đất phát triển hạ tầng

- Diện tích năm 2023 có 8.375,40 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 8.372,60 ha, giảm 2,80 ha do chuyển sang đất an ninh 0,21 ha, đất ở nông thôn 0,99 ha, đất ở đô thị 1,06 ha, đất thương mại dịch vụ 0,18 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,36 ha và đất sinh hoạt cộng đồng ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 71,45 ha; từ đất nông nghiệp 70,25 ha, đất ở nông thôn 0,83 ha, đất ở đô thị 0,32 ha, đất chưa sử dụng 1,10 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 8.444,05 ha, tăng 68,65 ha so với năm 2023.

Cụ thể các loại đất phát triển hạ tầng như sau:

a. Đất giao thông

- Diện tích năm 2023 có 975,05 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 975,05 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 63,13 ha; từ đất nông nghiệp 94,87 ha; đất thủy lợi 0,05 ha, đất chợ 0,68 ha; đất nghĩa trang 0,13 ha; đất ở nông thôn 0,90 ha, đất ở đô thị 0,43 ha, đất có mặt nước chuyên dùng 0,30 ha, đất chưa sử dụng 4,00 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 1.038,19 ha, tăng 63,13 ha so với năm 2023; trong đó:

- Các công trình giao thông chính nâng cấp, mở rộng và làm mới trong kế hoạch năm 2024 như sau:

+ Nâng cấp tuyến đường từ buôn Chung xã Ea Bar đến buôn Chao xã Ea Bá (17,00ha).

+ Nâng cấp tuyến đường từ buôn Thứ xã Ea Bar đi buôn Bách (Tân Bình) xã Ea Ly (11,0 ha).

+ Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông (19,0 ha).

+ Nâng cấp tuyến đường xã Ea Bia đi Đức Bình Tây (13,0 ha)

+ Đường vành đai khép kín quanh hồ Trung tâm thị trấn Hai Riêng (4,54 ha)

+ Đường Nguyễn Du (1,66 ha)

+ Đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đến giáp đường nội đồng 75 (1,28 ha)

+ Đường Nguyễn Công Trứ nối dài

+ Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn Nguyễn Du đến Nguyễn Văn Cừ)

+ Đường nội đồng từ QL 19C đi đồng ruộng buôn Đức Mùi

+ Mở rộng tuyến đường buôn Thu đi buôn Ly

- + Mở rộng đường nội đồng từ hồ Buôn Đức đi QL 19C
- + Đường từ khu giãn dân buôn Bung A đi đò 75
- + Và các công trình khác xem biểu 10/CH

b. Đất thuỷ lợi

- Diện tích năm 2023 có 540,56 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 540,51 ha, giảm 0,05 ha do chuyển sang đất giao thông.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất thuỷ lợi: 2,24 ha, từ đất trồng lúa ha, đất trồng cây hàng năm khác 2,14 ha, đất trồng cây lâu năm 0,07 ha, đất giao thông ha và đất ở nông thôn 0,03 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 542,75 ha, tăng 2,19 ha so với năm 2023.

- Trong năm 2024 các công trình nâng cấp và làm mới như sau:

- + Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Ea Bar.
- + Kênh tưới hồ chứa nước La Bách.
- + Trạm bơm Ea Lâm 2.

c. Đất cơ sở văn hoá

- Diện tích năm 2023 có 2,57 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2,03 ha, giảm 0,54 ha, do chuyển sang đất thương mại dịch vụ và đất khu vui chơi, giải trí công cộng tại thị trấn Hai Riêng.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 2,03 ha, giảm 0,54 ha so với năm 2023.

d. Đất cơ sở y tế

- Diện tích năm 2023 có 4,65 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 4,6 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 4,6 ha, không biến động so với năm 2023.

e. Đất cơ sở giáo dục - đào tạo

- Diện tích năm 2023 có 64,90 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 62,99 ha, giảm 1,91 ha, do chuyển sang đất ở nông thôn 0,99 ha (điểm trường tiểu học và màn non buôn Quang Dù, điểm trường tiểu học và màn non Thôn Tuy Bình; phân trường tiểu học Nam Giang cũ; điểm trường mẫu giáo Ea Bar tại buôn Chung; phân trường tiểu học thôn Đức Hiệp cũ, xã Đức Bình Đông), đất ở đô thị 0,83 ha (phân trường tiểu học Hai Riêng số 1 tại khu phố 8, điểm trường mẫu giáo của buôn Suối Mây cũ).

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 63,49 ha, giảm 1,41 ha so với năm 2023.

f. Đất cơ sở thể dục - thể thao

- Diện tích năm 2023 có 14,30 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 14,07 ha, giảm 0,23 ha do chuyển sang đất ở đô thị.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 14,93 ha, giảm 0,23 ha so với năm 2023.

h. Đất công trình năng lượng

- Diện tích năm 2023 có 6.678,32 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng: 6.678,32 ha,.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 0,94 ha, từ đất lúa 0,03 ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,71 ha, đất trồng cây lâu năm 0,20 ha;

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 6.679,26 ha, tăng 0,94 ha so với năm 2023.

- Trong năm 2024, các công trình năng lượng có: Trạm điện 110 kV Sông Hinh và đầu nối; Tiểu dự án Cải tạo và Phát triển lưới điện phân phối tỉnh Phú Yên (vốn vay JICA).

i. Đất bưu chính viễn thông

- Diện tích năm 2023 có 0,93 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 0,93 ha, không biến động so với năm 2023.

j. Đất bãi thải, xử lý chất thải

- Diện tích năm 2023 có 4,13 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 4,13 ha, không thay đổi so với năm 2023.

k. Đất cơ sở tôn giáo

- Diện tích năm 2023 có 3,62 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 3,72 ha, tăng 0,1 so với năm 2023 (Mở rộng nhà nguyện Sơn Giang - Giáo xứ Sơn Giang).

l. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

- Diện tích năm 2023 có 80,74 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 80,61 ha, giảm 0,13 ha, do chuyển sang đất giao thông.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 4,90 ha, chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 4,00 ha, đất trồng cây lâu năm 0,90 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 85,51 ha, tăng 4,77 ha so với năm 2023.

Trong năm 2024, Mở rộng nghĩa địa buôn Thu (xã Ea Trol); Mở rộng nghĩa địa buôn Nhum, Mở rộng nghĩa địa buôn Ma Sung (xã Ea Bia); Nghĩa địa buôn Zô (xã Ea Ly); Mở rộng nghĩa địa thôn Hòa Sơn, Mở rộng nghĩa địa thôn Hà Roi, Mở rộng nghĩa địa buôn Kít (xã Sông Hinh).

m. Đất chợ

- Diện tích năm 2023 có 4,77 ha.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 4,09 ha, giảm 0,68 ha do chuyển sang đất giao thông.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 0,50 ha, chuyển từ đất đất

trồng cây lâu năm 0,50 ha (Xây dựng chợ xã Sông Hinh)

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 4,47 ha, giảm 0,30 ha so với năm 2023.

3.2.2.9. Đất sinh hoạt cộng đồng

- Diện tích năm 2023 có 17,53 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 17,62 ha.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất sinh hoạt cộng đồng: 0,33 ha; chuyển từ đất hàng năm 0,03 ha, đất cây lâu năm 0,30 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 17,95 ha, tăng 0,33 ha so với năm 2023.
- Trong kế hoạch năm 2024 xây dựng mới các nhà văn hóa thôn Chư Blôi xã Ea Bar; Nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố Ngô Quyền tại thị trấn Hai Riêng; Nhà SHCD, khu thể thao thôn Vĩnh Sơn, xã Ea Trol.

3.2.2.10. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

- Diện tích năm 2023 có 9,14 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 9,14 ha.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 8,48 ha; chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 5,72 ha, đất trồng cây lâu năm 2,22 ha, đất văn hóa 0,36 ha, đất ở nông thôn 0,12 ha, đất chưa sử dụng 0,06 ha.

Thực hiện các hạng mục công trình: nâng cấp khép kín khu đồi thông xã Ea Bia; đất công viên, cây xanh trong Khu đô thị Hồ trung Tâm, thị trấn Hai Riêng, công viên xã Ea Ly, Công viên đường Lương Văn Chánh (Nhà hát cũ).

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 17,62 ha, tăng 8,48 ha so với năm 2023.

3.2.2.11. Đất ở tại nông thôn

- Diện tích năm 2023 có 358,37 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 357,32 ha, giảm 1,05 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất ở tại nông thôn: 24,63 ha, do chuyển từ đất trồng lúa 0,28 ha, đất trồng cây hàng năm khác 16,52 ha, đất trồng cây lâu năm 6,75 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,09 ha, đất cơ sở giáo dục - đào tạo 0,99 ha (*chuyển các điểm trường không còn sử dụng sang đất ở để bán đấu giá*).

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 381,95 ha, tăng 23,58 ha so với năm 2023.

Diện tích đất ở tại nông thôn mở rộng theo các dự án quy hoạch xây dựng nông thôn mới ở các xã; bố trí khép kín và mở rộng các khu dân cư nông thôn,... Năm 2024, huyện sẽ tập trung xây dựng các khu dân cư nông thôn, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư sau:

+ Mở rộng điểm giãn dân Buôn Bưng A, xã Ea Lâm. (San lấp mặt bằng, xây dựng kết cấu hạ tầng, giao đất) (0,87 ha).

+ Mở rộng khu dân cư buôn Bá (Bố trí đất ở cho đồng bào đặc biệt khó khăn), xã Ea Bá (1,18 ha)

+ Mở rộng khu dân cư buôn Quang Dù, Đức Bình Tây (1,83 ha).

+ Giao đất, bán đấu giá các lô còn lại trong khu dân cư buôn Trinh, Ea Bar (1,5 ha).

+ Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn thửa 42, 68 tờ 104 (khu QH dân cư gần chợ Ea Ly), Ea Ly (0,49 ha).

+ Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn (điểm trường tiểu học và mần non Thôn Tuy Bình, buôn Quang Dù, xã Đức Bình Tây (0,75 ha).

+ Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn dự án QH KDC thôn Bình Giang (trước cây xăng Bình Giang), xã Đức Bình Đông, Đức Bình Đông (1,6 ha).

+ Bán đấu giá QSD đất phân trường Nam Giang (cũ), Sơn giang (0,2 ha).

+ Bán Đấu giá QSD đất ở nông thôn tại thửa đất 230, tờ bản đồ số 36, Ea Bar (0,03 ha).

Ngoài ra, còn các hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích đất ở theo số thửa, tờ bản đồ, diện tích kèm theo (chi tiết danh sách các xã xem phụ biểu).

3.2.2.12. Đất ở tại đô thị

- Diện tích năm 2023 có 67,48 ha.

- Diện tích đất ở đô thị không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 67,05 ha; giảm 0,43 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất ở tại đô thị: 19,10 ha; từ đất trồng cây hàng năm khác 17,05 ha, đất trồng cây lâu năm 0,97 ha, đất cơ sở giáo dục - đào tạo 0,83 ha (*Bán đấu giá QSD đất, đất ở đô thị tại KP 8 (phân trường tiểu học Hai Riêng số 1 tại KP 8), mần non buôn Suối Mây sang đất ở bán đấu giá*), đất thể thao 0,23 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 86,15 ha, tăng 18,67 ha so với năm 2023.

Diện tích đất ở tại đô thị mở rộng theo các dự án quy hoạch chi tiết xây dựng chỉnh trang đô thị; bố trí khép kín và mở rộng các khu dân cư đô thị... Năm 2024, huyện xây dựng Khu dân cư 5 tuyến đường nội thị (giai đoạn 1), Dự án Khu đô thị Hồ trung tâm; Bán đấu giá QSD đất, đất ở đô thị tại KP 8 (phân trường tiểu học Hai Riêng số 1 tại KP 8); Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị trường Mần non, khu vui chơi thể thao (Sân bóng chày) buôn Suối Mây (thửa 65 tờ bản đồ số 4 và thửa số 5, tờ bản đồ số 12).

Ngoài các khu đô thị, khu dân cư còn có hộ gia đình, cá nhân đăng ký được thống kê số tờ bản đồ, số thửa bản đồ, diện tích và tọa độ kèm theo (*chi tiết phụ biểu 01*).

Đối với những khu dân cư quy hoạch chỉnh trang và quy hoạch mới nhỏ lẻ khép kín trong khu dân cư thì cho phép nhân dân được quyền chuyển mục đích sử dụng đất, vốn ngân sách chỉ đầu tư xây dựng đường giao thông và các công trình công cộng; còn lại cho phép nhân dân tự chuyển mục đích sử dụng đất và nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất theo qui định; nhà nước không thu hồi đất và đền bù đất, hoa màu trên đất để giảm vốn đầu tư từ ngân sách và tiến độ thực hiện quy hoạch sẽ nhanh hơn, tính khả thi của quy hoạch sẽ cao hơn. Nhà nước chỉ thu hồi đất khi thực hiện xây dựng các khu dân cư tập trung quy mô lớn để bán đấu giá quyền sử dụng đất.

3.2.2.13. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

- Diện tích năm 2023 có 18,56 ha.
- Diện tích đất trụ sở cơ quan không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 17,59 ha, giảm 0,97 ha do chuyển sang đất xây dựng trụ sở công an tại các xã: Ea Lâm, Đức Bình Tây, Ea Bá, Sơn Giang, Ea Bar, Sông Hinh, Ea Lý và Ea Bia.

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 17,59 ha, giảm 0,97 ha so với năm 2023.

3.2.2.14. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

- Diện tích năm 2023 có 1,57 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 1,57 ha, không thay đổi so với năm 2023.

3.2.2.15. Đất cơ sở tín ngưỡng

- Diện tích năm 2023 có 0,63 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 0,63 ha, ổn định so với năm 2023.

3.2.2.16. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

- Diện tích năm 2023 có 2.310,17 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 2.298,51 ha, giảm 11,66 ha, do chuyển sang đất sản xuất vật liệu xây dựng (*Khai thác cát vật liệu xây dựng tại xã Sơn Giang và Đức Bình Đông*).

- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 2.298,51 ha, giảm 11,66 ha so với năm 2023.

3.2.2.17. Đất có mặt nước chuyên dùng

- Diện tích năm 2023 có 49,15 ha.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 48,85 ha, giảm 0,30 ha, do chuyển sang đất giao thông.
- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 48,85 ha, giảm 0,30 ha so với năm 2023.

3.2.2.18. Đất phi nông nghiệp khác

- Diện tích năm 2023 có 4,11 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 8,80 ha, tăng 4,69 ha so với năm 2023. Diện tích tăng là do nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã Ea Ly.

3.2.3. Đất chưa sử dụng

- Diện tích năm 2023 có 601,04 ha.
- Năm 2024, khai thác đưa vào sử dụng 9,88 ha cho mục đích đất phi nông nghiệp (đất phát triển hạ tầng, đất sản xuất vật liệu xây dựng)
- Diện tích kế hoạch năm 2024 có 591,16 ha, giảm 9,88 ha so với năm 2023.

3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Để thực hiện được các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng thì ngoài khai thác quỹ đất chưa sử dụng, phải lấy thêm từ các loại đất đang sử dụng. Năm 2024, sẽ chuyển 178,30 ha đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp để xây dựng cơ sở hạ tầng, sản xuất kinh doanh, đất ở,...

Biểu 12: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông	NNP/PNN	178,30
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	2,40
	<i>Tr. đó: đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>0,61</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	126,75
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	48,32
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	0,70
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,13
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	2,05

Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 07/CH.

3.4. Diện tích đất cần thu hồi

Trên cơ sở xác định các công trình, dự án thực hiện trong năm 2024 có nhu cầu sử dụng đất và phải thu hồi, chuyển mục đích theo quy định. Diện tích đất cần phải thu hồi trong năm kế hoạch 2024 khoảng 111,11 ha đất nông nghiệp và phi nông nghiệp:

Biểu 13: Kế hoạch thu hồi đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng cộng		111,11
1	Đất nông nghiệp	NNP	107,09
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,73
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>0,61</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	79,76
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	25,88
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	0,70
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4,02
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2,77
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,02
2.3	Đất ở tại đô thị	ODT	0,23

Ghi chú: -Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu 08/CH.

- Chi tiết Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất xem biểu 10/CH.

3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Để khai thác triệt để và có hiệu quả tiềm năng đất đai, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất các ngành. Năm 2024, tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng: 9,88 ha, khai thác vào mục đích đất nông nghiệp khác, đất phi nông nghiệp (sử dụng

vào đất sản xuất vật liệu xây dựng, đất phát triển hạ tầng).

BIỂU 14: Diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Tổng diện tích (ha)
	Tổng cộng		9,88
1	Đất phi nông nghiệp	PNN	9,88
1.1	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	5,82
1.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4,00
1.3	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,06

Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu 09/CH.

3.6. Chỉ tiêu khu chức năng

Căn cứ phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2024 và bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 toàn huyện, tỷ lệ 1/25.000; tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất theo các khu chức năng như sau:

a. Đất đô thị (KDT)

Đất đô thị được tính theo tổng diện tích tự nhiên của thị trấn Hai Riêng với diện tích 3.161,58 ha, chiếm 3,54% diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó: Đất ở tại đô thị có 86,15 ha, chiếm 2,72 % đất đô thị.

b. Khu sản xuất nông nghiệp - KNN (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)

- Tổng diện tích khu vực sản xuất nông nghiệp toàn huyện năm 2024 có 7.004,64 ha, chiếm 7,85 % tổng DTTN toàn huyện. Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước có 1.229,63 ha, chiếm 17,55 % diện tích khu sản xuất nông nghiệp và đất chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm có 4.556,54 ha, chiếm 65,05 % diện tích khu sản xuất nông nghiệp. Diện tích còn lại chủ yếu là đất trồng cây hàng năm khác và đất phi nông nghiệp (chủ yếu là cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất như đất giao thông, thủy lợi).

- Khu vực chuyên trồng lúa nước: tập trung chủ yếu tại xã Ea Trol, Sơn Giang, Ea Bar, Đức Bình Tây và Ea Bia.

- Khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm: diện tích cây công nghiệp lâu năm tập trung chủ yếu tại các xã Ea Bar, Ea Ly, Sông Hình, Ea Trol và Ea Bá.

c. Khu lâm nghiệp (KLN):

- Tổng diện tích khu lâm nghiệp toàn huyện đến năm 2024 có 37.503,22 ha, chiếm 42,01 % tổng DTTN toàn huyện. Trong đó: Đất rừng phòng hộ có 20.948,28 ha, chiếm 55,86 % diện tích khu lâm nghiệp và đất rừng sản xuất có 13.776,91 ha, chiếm 36,74 % khu lâm nghiệp. Diện tích còn lại chủ yếu là đất thủy lợi, đất giao thông, sông suối nằm trong ranh giới đất lâm nghiệp.

Khu lâm nghiệp tập trung chủ yếu ở các xã Sông Hình, Ea Trol, Ea Bar, Sơn Giang, Đức Bình Đông,...

d. Khu du lịch (KDL):

- Tổng diện tích khu du lịch toàn huyện đến năm 2024 có 2,80 ha, chiếm

diện tích rất nhỏ so với tổng DTTN toàn huyện.

Tận dụng diện tích mặt nước các hồ thủy lợi, thủy điện, hồ trung tâm, danh thắng hiện có, để kêu gọi đầu tư phát triển du lịch như: Phát triển du lịch văn hóa cộng đồng buôn Lê Diêm, du lịch sinh thái thác H'Ly, thác Draï Tang, thác Draï Thur, thác Ma Re, hồ thủy điện Sông Hinh,...

e. Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp) - KPC:

Năm 2024, tổng diện tích khu phát triển công nghiệp có 4,52 ha, chiếm 0,01 % tổng DTTN toàn huyện (Cum công nghiệp Ea Bia).

f. Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới) - DTC

Tổng diện tích khu đô thị toàn huyện năm 2024 có 288,99 ha, chiếm 0,32 % tổng DTTN toàn huyện. Khu đô thị hiện nay, chủ yếu là khu đô thị hiện có: Khu phố Ngô Quyền, Khu phố 5,...

g. Khu thương mại - dịch vụ (KTM)

Phát triển các khu đô thị kết hợp với thương mại, dịch vụ. Tổng diện tích khu đô thị - thương mại- dịch vụ toàn huyện năm 2024 có 67,03 ha, chiếm 0,08% tổng DTTN toàn huyện.

h. Khu dân cư nông thôn (DNT)

Phát triển tập trung ở khu trung tâm 10 xã; mở rộng đất ở và cơ sở hạ tầng như y tế, giáo dục, thể dục thể thao kết hợp xây dựng nông thôn mới. Tổng diện tích khu dân cư nông thôn toàn huyện đến năm 2024 có 943,29 ha, chiếm 1,06 % tổng DTTN toàn huyện.

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2024

Tổng số công trình năm 2024: 98 công trình, trong đó: chuyển tiếp năm 2023 sang 68 hạng mục công trình, dự án và đăng ký mới 30 công trình.

Ngoài ra, năm 2024 thông kê đưa vào KHSD đất 69 công trình đã hoàn thành xây dựng nhưng chưa hoàn thiện thủ tục đất đai để làm căn cứ hoàn thiện thủ tục đất đai (Những công trình làm thủ tục đất đai được chuyển từ các năm trước sang), chi tiết qua biểu sau:

Biểu 15: Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2024

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
I.	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh				
a1.	Đất quốc phòng				
1	Căn cứ hậu phương 3 (Khu vực giáp lòng hồ thủy điện, xã Ea Trol)	Chuyển tiếp	Ea Trol	BCHQS tỉnh	25,00
2	Thao trường bán cụm xã tại Buôn Trinh	Chuyển tiếp	Ea Bar	BCHQS huyện	4,21

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
3	Trận địa 12,7mm tại khu phố 3 (Công trình chiến đấu 1 tại khu phố 3)	Chuyển tiếp	Hai Riêng	BCHQS huyện	2,68
4	Trường bắn, thao trường huấn luyện cấp huyện	Đăng ký mới	Ea Trol	BCH Quân sự huyện	15,00
a2.	Đất an ninh				
1	Trụ sở công an xã Ea Lâm	Chuyển tiếp	Ea Lâm	Công an tỉnh	0,08
2	Trụ sở công an xã Đức Bình Tây	Chuyển tiếp	Đức Bình Tây	Công an tỉnh	0,15
3	Trụ sở công an xã Ea Bar	Chuyển tiếp	Ea Bar	Công an tỉnh	0,13
4	Trụ sở công an xã Ea Trol	Chuyển tiếp	Ea Trol	Công an tỉnh	0,09
5	Trụ sở công an xã Ea Ly	Chuyển tiếp	Ea Ly	Công an tỉnh	0,09
6	Trụ sở công an xã Ea Bia	Chuyển tiếp	Ea Bia	Công an tỉnh	0,10
7	Trụ sở công an xã Ea Bá	Chuyển tiếp	Ea Bá	Công an tỉnh	0,12
8	Trụ sở công an xã Sơn Giang	Chuyển tiếp	Sơn Giang	Công an tỉnh	0,20
9	Trụ sở công an xã Sông Hinh	Đăng ký mới	Sông Hinh	Công an tỉnh	0,10
10	Trụ sở công an xã Đức Bình Đông	Đăng ký mới	Đức Bình Đông	Công an tỉnh	0,12
11	Cơ sở làm việc Đội Cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Sông Hinh		Hai Riêng	Công an tỉnh	1,25
II.	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất				
a.	Công trình, dự án cấp tỉnh trên địa bàn huyện				
a.1.	Công trình, dự án do: BQL các dự án ĐTXD tỉnh phú Yên làm chủ đầu tư				
1	Nâng cấp tuyến đường từ buôn Chung (Ea Bar) đến buôn Chao (Ea Bá)	Chuyển tiếp	Ea Bá, Ea Bar	BQL các dự án ĐTXD tỉnh phú Yên	17,00
2	Nâng cấp tuyến đường từ buôn Thứ xã Ea Bar đi buôn Bách (Tân Bình) xã Ea Ly	Chuyển tiếp	Ea Bar, Ea Ly	BQL các dự án ĐTXD tỉnh phú Yên	11,00

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
3	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Sơn Giang - Đức Bình Đông	Chuyển tiếp	Sơn Giang, Đức Bình Đông	BQL các dự án ĐTXD tỉnh Phú Yên	19,00
4	Nâng cấp tuyến đường xã Ea Bia đi xã Đức Bình Tây	Chuyển tiếp	Ea Bia, Đức Bình Tây	BQL các dự án ĐTXD tỉnh Phú Yên	13,00
a.2.	Công trình, dự án do: BQL điện nông thôn miền Trung làm chủ đầu tư				
1	Trạm điện 110 kV Sông Hinh và đấu nối	Chuyển tiếp	Hai Riêng, Ea Bia, Đức Bình Tây	BQL điện nông thôn miền Trung	0,78
2	Tiểu dự án Cải tạo và Phát triển lưới điện phân phối tỉnh Phú Yên (vốn vay JICA)	Chuyển tiếp	Ea Bar, Ea Bia, TT Hai Riêng	BQL điện nông thôn miền Trung	0,16
a.3.	Công trình, dự án do Ban Tôn giáo quản lý, theo dõi				
1	Mở rộng nhà nguyện Sơn Giang (Giáo xứ Sơn Giang)	Chuyển tiếp	Sơn Giang	Giáo xứ Sơn Giang	0,10
a.4.	Công trình, dự án do: Kêu gọi, thu hút đầu tư				
1	Dự án Khu đô thị Hồ trung tâm	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Đầu thầu dự án đầu tư	23,90
b	Công trình, dự án của huyện:				
b1.	Công trình, dự án do: Ban QLDAXD huyện làm chủ đầu tư				
1	Tuyến đường từ QL29 đi buôn Diêm	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	1,60
2	Đường Nguyễn Công Trứ nối dài	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	0,073
3	Đường Nguyễn Du	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	1,66
4	Đường vành đai khép kín quanh hồ Trung tâm thị trấn Hai Riêng	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	4,54
5	Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn Nguyễn Du đến Nguyễn Văn Cừ)	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD	0,25

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
				huyện	
6	Kênh tưới Hồ chứa nước La Bách	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	0,68
7	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Ea Bar	Chuyển tiếp	Ea Bar	Ban QLDAXD huyện	0,16
8	Trạm bơm Ea Lâm 2	Chuyển tiếp	Ea Lâm	Ban QLDAXD huyện	1,40
9	Công viên cây xanh xã Ea Ly	Chuyển tiếp	Ea Ly	Ban QLDAXD huyện	2,22
10	Nâng cấp, cải tạo khép kín khu Đồi thông	Chuyển tiếp	Ea Bia	Ban QLDAXD huyện	1,00
11	Khu dân cư 05 tuyến đường nội thị, thị trấn Hai Riêng (giai đoạn 1)	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	2,30
13	Chợ xã Sông Hinh	Đăng ký mới	Sông Hinh	Ban QLDAXD huyện	0,50
14	Mở rộng trường tiểu học xã Đức Bình Tây	Đăng ký mới	Đức Bình Tây	Ban QLDAXD huyện	0,50
b2.	Công trình, dự án do: phòng Tài chính KH huyện làm chủ đầu tư				
1	Đầu giá bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở nhà, đất của điểm trường MN thôn Tuy Bình.	Đăng ký mới	Đức Bình Tây	Phòng TCKH	0,290
2	Đầu giá bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở nhà, đất của phân Trường TH thôn Tuy Bình	Đăng ký mới	Đức Bình Tây	Phòng TCKH	0,287
3	Đầu giá chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở của phân Trường MN Buôn Quang Dù	Đăng ký mới	Đức Bình Tây	Phòng TCKH	0,060
4	Đầu giá chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở của phân Trường TH Buôn Quang Dù	Đăng ký mới	Đức Bình Tây	Phòng TCKH	0,120
b3.	Công trình, dự án do: UBND thị trấn Hai Riêng làm chủ đầu tư				
1	DA cơ sở hạ tầng QH dân cư và công trình công cộng khu phố 7	Chuyển tiếp	Hai Riêng	UBND thị trấn Hai Riêng	0,83
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng khu phố	Chuyển	Hai	UBND thị	0,03

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
	Ngô Quyền	tiếp	Riêng	trần Hai Riêng	
b4.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Trol làm chủ đầu tư				
1	Đường nội đồng từ QL 19C đi đồng ruộng buôn Đức Mùi	Chuyển tiếp	Ea Trol	UBND xã Ea Trol	0,80
2	Mở rộng tuyến đường buôn Thu đi buôn Ly	Chuyển tiếp	Ea Trol	UBND xã Ea Trol	0,40
3	Mở rộng đường nội đồng từ hồ Buôn Đức đi QL 19C	Đăng ký mới	Ea Trol	UBND xã Ea Trol	0,80
4	Mở rộng nghĩa địa buôn Thu	Đăng ký mới	Ea Trol	UBND xã Ea Trol	0,70
5	Nhà SHCD, khu thể thao thôn Vĩnh Sơn	Đăng ký mới	Ea Trol	UBND xã Ea Trol	0,10
b5.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Bia làm chủ đầu tư				
1	Mở rộng nghĩa địa buôn Nhum	Chuyển tiếp	Ea Bia	UBND xã Ea Bia	0,60
2	Mở rộng nghĩa địa buôn Ma Sung	Đăng ký mới	Ea Bia	UBND xã Ea Bia	0,50
b6.	Công trình, dự án do: UBND xã Đức Bình Đông làm chủ đầu tư				
1	Bán đấu giá QSD đất dự án quy hoạch khu dân cư thôn Bình Giang, trước cây xăng Bình Giang (Thuộc dự án QH dân cư Bình Giang, bao gồm: xây dựng CSHT, bán đấu giá, giao đất).	Chuyển tiếp	Đức Bình Đông	UBND xã Đức Bình Đông	1,60
b7.	Công trình, dự án do: UBND xã Đức Bình Tây làm chủ đầu tư				
1	Mở rộng khu dân cư buôn Quang Dù	Chuyển tiếp	Đức Bình Tây	UBND xã Đức Bình Tây	1,83
b8.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Lâm làm chủ đầu tư				
1	Đường nội đồng đoạn từ đường liên xã Ea Bá - Ea Lâm đến giáp đường nội đồng 75	Chuyển tiếp	Ea Lâm	UBND xã Ea Lâm	1,28
2	Đường từ khu giãn dân buôn Bung A đi đôi 75	Đăng ký mới	Ea Lâm	UBND xã Ea Lâm	0,40
b9.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Bá làm chủ đầu tư				
1	Mở rộng khu dân cư buôn Bá (Bố trí đất ở cho đồng bào đặc biệt khó khăn)	Đăng ký mới	Ea Bá	UBND xã Ea Bá	1,18
b10.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Ly làm chủ đầu tư				

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
1	Nghĩa địa buôn Zô	Đăng ký mới	Ea Ly	UBND xã Ea Ly	1,80
b11.	Công trình, dự án do: UBND xã Sông Hinh làm chủ đầu tư				
1	Mở rộng nghĩa địa thôn Hòa Sơn	Đăng ký mới	Sông Hinh	UBND xã Sông Hinh	0,50
2	Mở rộng nghĩa địa thôn Hà Roi	Đăng ký mới	Sông Hinh	UBND xã Sông Hinh	0,40
3	Mở rộng nghĩa địa buôn Kít	Đăng ký mới	Sông Hinh	UBND xã Sông Hinh	0,30
III.	Chuyển mục đích, giao đất, định giá đất, đấu giá đất, cho thuê đất				
a.	Công trình, dự án do cấp trên quản lý, theo dõi hoặc quyết định chủ trương đầu tư,...				
a1.	Công trình, dự án do Sở Tài chính làm chủ đầu tư				
1	Bán đấu giá thuê đất TMDV thửa số 42 tờ bản đồ số 102	Chuyên tiếp	Hai Riêng	Sở Tài chính	0,18
a2.	Hạng mục do Ban QL rừng phòng hộ Sông Hinh quản lý, theo dõi				
1	Bàn giao diện tích rừng tự nhiên cho Ban Quản lý Rừng phòng hộ Sông Hinh quản lý	Đăng ký mới	Xã Sông Hinh, Ea Trol, Ea Bar và Ea Ly	Ban QL rừng phòng hộ Sông Hinh	476,94
a3.	Công trình, dự án do Doanh nghiệp làm chủ đầu tư				
1	Trang trại chăn nuôi Tổ Hợp Xanh	Chuyên tiếp	Ea Ly	Cty TNHH Tổ Hợp Xanh	26,27
2	Trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao khép kín DLH Farm - Ea Bar	Chuyên tiếp	Ea Đin-Ea Bar	Cty TNHH DLH FARM	31,01
3	Trang trại chăn nuôi heo Ea Trol	Chuyên tiếp	Buôn Bàu, Ea Trol	Công ty TNHH TM An Gia Long	21,14
4	Trang trại chăn nuôi heo Ea Bar 1	Chuyên tiếp	Buôn Ken, Ea Bá, Buôn Trinh xã Ea Bar	CT CP chăn nuôi Phú Yên	23,18
5	Trang trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp hữu cơ Ea Bar 2	Chuyên tiếp	Buôn Trinh,	CT TNHH Chăn nuôi	21,49

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
			Ea Bar	DST Miền Trung	
6	Trang trại chăn nuôi kết hợp nông nghiệp hữu cơ Ea Ly 1	Chuyển tiếp	Tân Yên - Ea Ly	CT CP chăn nuôi Phú Yên	20,24
7	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Dương Nam	Chuyển tiếp	thôn 2/4, xã Ea Ly	Công ty TNHH MTV Dương Nam	0,23
8	Khu chế biến đá VLXD thông thường - mỏ đá Suối Biểu (Cty cổ phần 3-2)	Chuyển tiếp	Sơn Giang	Công ty cổ phần 3-2	0,50
9	Xưởng chế biến rừng trồng Sông Hinh (thuộc Khu sản xuất kinh doanh dọc trục đường QL 19C tại buôn Thu)	Đăng ký mới	Ea Trol	Thu hút đầu tư	2,91
10	Nhà máy sản xuất dăm gỗ và viên nén	Đăng ký mới	Đức Bình Đông	Thu hút đầu tư	8,10
11	Dự án khai thác VLXD thông thường mỏ đá Dốc Ma Xanh 1 (tổng diện tích dự án 7,4 ha được cấp phép). (Mỏ đá VLXDĐT thị trấn Hai Riêng)	Chuyển tiếp	Hai Riêng	Doanh nghiệp tư nhân Lý Tấn Phát	6,00
12	Mỏ đất đồi Hòn 1 thôn Tân Yên (Mỏ đất sản lập thôn Tân Yên, xã Ea Ly)	Chuyển tiếp	Ea Ly	Công ty TNHH Tô Gia	3,59
13	Mỏ cát VLXD thông thường sông Ba, thôn Hà Giang, xã Sơn Giang.	Chuyển tiếp	Sơn Giang	DNTN Sỹ Hòa	4,00
14	Mỏ cát thôn Chí Thán, xã Đức Bình Đông.	Chuyển tiếp	Đức Bình Đông	Công ty cổ phần Khoáng sản Sa Linh	5,48
15	Đất san lấp tại đồi Chư Búk, buôn Bàu (mỏ đất đồi Chư Búk, buôn Bàu, xã Ea Bá)	Chuyển tiếp	Ea Bá	Công ty TNHH Nhất Lam	2,39
16	Mỏ đá chẻ Buôn Trinh, xã Ea Bar	Đăng ký mới	Ea Bar	Công ty TNHH Long Thâm	5,32
17	Mỏ cát thôn Chí Thán, xã Đức Bình Đông	Đăng ký mới	Đức Bình Đông	Công ty TNHH SX-XD&TM Huy Phương	8,00
18	Đất san lấp Đồi 75, buôn Bung A	Đăng ký mới	Ea Lâm	Thu hút đầu tư	1,33
b	Công trình, dự án của huyện:				
b1.	Công trình, dự án do: phòng Tài chính KH huyện làm chủ đầu tư				
1	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn	Chuyển	Sơn	Phòng TCKH	0,20

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
	phân trường tiểu học Nam Giang, xã Sơn Giang	tiếp	giang		
b2.	Công trình, dự án do: phòng Tài nguyên và Môi trường quản lý, theo dõi, thực hiện				
1	Giao, cho thuê đất nông nghiệp khu vực đã đưa ra khỏi ĐCQH 3 loại rừng	Chuyển tiếp	Các xã	Phòng TNMT	200,0
2	Giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp theo ĐCQH 3 loại rừng	Chuyển tiếp	Các xã	Phòng TNMT	150,0
3	Giao đất, cho thuê đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá giao cho TT PTQĐ huyện Sông Hinh quản lý	Chuyển tiếp	Ea Bar	Phòng TNMT	475,44
4	Giao đất, cho thuê đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá giao lại UBND xã Ea Bar quản lý	Chuyển tiếp	Ea Bar	Phòng TNMT	100,00
5	Giao đất, cho thuê đất diện tích của Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Bá đã bán giá trị vườn cây	Chuyển tiếp	Ea Bar	Phòng TNMT	91,80
b3.	Công trình, dự án do: Trung tâm PTQĐ huyện quản lý, theo dõi, thực hiện				
1	Giao đất, Bán đấu giá QSD đất, đất ở đô thị tại KP 8 (dự án Hạ Tầng khu dân cư khu phố 8, TT Hai Riêng)	Chuyển tiếp	Hai Riêng	TTPT quỹ đất huyện	0,73
2	Đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất đất trồng cây lâu năm (diện tích thu hồi của Công ty TNHH MTV Ea Bá)	Chuyển tiếp	Ea Bar	TTPT quỹ đất huyện	1,60
3	Bán Đấu giá QSD đất ở nông thôn tại thửa đất 230, tờ bản đồ số 36	Chuyển tiếp	Buôn Chung, Ea Bar	TTPT quỹ đất huyện	0,03
4	Giao đất, bán đấu giá các lô còn lại trong khu dân cư buôn Trinh	Chuyển tiếp	Ea Bar	TTPT quỹ đất huyện	1,50
5	Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị một phần diện tích thửa đất số 47, tờ bản đồ số 122 (diện tích đất hành lang lưới điện gần nhà ông Trần Đình Pháp).	Đăng ký mới	Hai Riêng	Trung tâm PTQĐ	0,011
6	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn dự án Quy hoạch lô 2, khu dân cư thôn Tân Lập, xã Đức Bình Đông	Đăng ký mới	Đức Bình Đông	Trung tâm PTQĐ	0,32
b3.	Công trình, dự án do: Ban QLDAXD huyện làm chủ đầu tư				

TT	Hạng mục	Công trình, dự án chuyển tiếp/đăng ký mới	Địa điểm	Chủ đầu tư	Diện tích năm kế hoạch (ha)
1	Công viên đường Lương Văn Chánh (Nhà hát cũ)	Đăng ký mới	Hai Riêng	Ban QLDAXD huyện	0,36
b4.	Công trình, dự án do: UBND thị trấn Hai Riêng làm chủ đầu tư				
1	Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị trường Mầm non, khu vui chơi thể thao (Sân bóng chuyên) buôn Suối Mây.	Chuyển tiếp	Hai Riêng	UBND thị trấn Hai Riêng	0,33
2	Giao đất ở cho ông Phùng Kim Lang (bồi thường bằng đất)	Chuyển tiếp	Hai Riêng	UBND thị trấn Hai Riêng	0,04
b5.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Bar làm chủ đầu tư				
1	Trường mẫu giáo thôn Chư Blôi	Chuyển tiếp	Ea Bar	UBND xã Ea Bar	0,04
2	Nhà văn hóa khu thể thao thôn Chư Blôi	Chuyển tiếp	Ea Bar	UBND xã Ea Bar	0,20
b6.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Ly làm chủ đầu tư				
1	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn thửa 42, 68 tờ 104 (khu QH dân cư gần chợ Ea Ly)	Chuyển tiếp	Ea Ly	UBND xã Ea Ly	0,49
b7.	Công trình, dự án do: UBND xã Đức Bình Đông làm chủ đầu tư				
1	Giao đất cho hộ gia đình, cá nhân thôn Bình Giang	Chuyển tiếp	Đức Bình Đông	UBND xã Đức Bình Đông	1,20
b8.	Công trình, dự án do: UBND xã Ea Lâm làm chủ đầu tư				
1	Mở rộng điểm giãn dân Buôn Bưng A, xã Ea Lâm. (San lấp mặt bằng, xây dựng kết cấu hạ tầng, giao đất)	Đăng ký mới	Ea Lâm	UBND xã Ea Lâm	0,87

chi tiết xem biểu 10/CH:

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2024

3.8.1. Cơ sở tính toán

- Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013.
- Nghị định 43/2014/NĐ - CP, ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 37/2014/TT- BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu

hồi đất;

- Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2020-2024);

- Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Phê duyệt Phương án và Kế hoạch thực hiện Phương án khai thác quỹ đất các dự án để ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, tổ chức bán đấu giá (đấu thầu) tạo nguồn thu ngân sách tiền sử dụng đất, giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ bảng giá bồi thường thiệt hại về hoa màu, vật kiến trúc,... trên địa bàn tỉnh khi nhà nước thu hồi đất; căn cứ những chính sách ưu đãi của Nhà nước, của tỉnh đối với những doanh nghiệp thuê đất để đầu tư sản xuất kinh doanh,...

- Căn cứ diện tích các loại đất chuyển đổi mục đích sử dụng đất và diện tích đất sẽ thu hồi trong năm 2024.

Theo đó dự kiến nguồn thu, chi từ đất như sau:

3.8.2. Dự tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai năm 2024

- Tổng nguồn thu từ việc giao đất, đấu giá, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: 57,152 tỷ đồng.

- Tổng chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư,...: 39,268 tỷ đồng.

- Cân đối: 17,884 tỷ đồng (*thu vượt chi*).

Để phương án thu các khoản liên quan đến đất đai đạt được chỉ tiêu, kế hoạch giao năm 2024, cần tập trung thực hiện các hạng mục bán đấu giá ở các khu đô thị, khu dân cư nông thôn, khu đất do nhà nước quản lý,... như sau:

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Dự án Khu đô thị Hồ trung tâm	Hai Riêng	23,90
2	Khu dân cư 05 tuyến đường nội thị, thị trấn Hai Riêng (giai đoạn 1)	Hai Riêng	2,30
3	Đấu giá bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở nhà, đất của điểm trường MN thôn Tuy Bình.	Đức Bình Tây	0,290
4	Đấu giá bán tài sản trên đất, chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở nhà, đất của phân Trường TH thôn Tuy Bình	Đức Bình Tây	0,287
5	Đấu giá chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở của phân Trường MN Buôn Quang Dù	Đức Bình Tây	0,060
6	Đấu giá chuyển nhượng QSDĐ đối với cơ sở của phân Trường TH Buôn Quang Dù	Đức Bình Tây	0,120
7	Bán đấu giá QSD đất dự án quy hoạch khu dân cư thôn Bình Giang, trước cây xăng Bình Giang (Thuộc dự án QH dân cư Bình Giang, bao gồm: xây dựng CSHT, bán đấu giá, giao đất).	Đức Bình Đông	1,60
8	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn phân trường tiểu học Nam Giang, xã Sơn Giang	Sơn giang	0,20
9	Giao đất, Bán đấu giá QSD đất, đất ở đô thị	Hai Riêng	0,73

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích (ha)
	tại KP 8 (dự án Hạ Tầng khu dân cư khu phố 8, TT Hai Riêng)		
10	Bán Đấu giá QSD đất ở nông thôn tại thửa đất 230, tờ bản đồ số 36	Buôn Chung, Ea Bar	0,03
11	Giao đất, bán đấu giá các lô còn lại trong khu dân cư buôn Trinh	Ea Bar	1,50
12	Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị một phần diện tích thửa đất số 47, tờ bản đồ số 122 (diện tích đất hành lang lưới điện gần nhà ông Trần Đình Pháp).	Hai Riêng	0,011
13	Bán đấu giá QSDĐ ở đô thị trường Mầm non, khu vui chơi thể thao (Sân bóng chuyên) buôn Suối Mây.	Hai Riêng	0,33
14	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn thửa 42, 68 tờ 104 (khu QH dân cư gần chợ Ea Ly)	Ea Ly	0,49
15	Bán đấu giá QSD đất ở nông thôn dự án Quy hoạch lô 2, khu dân cư thôn Tân Lập, xã Đức Bình Đông	Đức Bình Đông	0,32

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh trồng rừng phủ xanh đất trống đồi trọc và trồng lại rừng trên đất rừng đã khai thác để tăng độ che phủ cho đất, bảo vệ đất và môi trường sinh thái.

- Trong sản xuất nông nghiệp cần áp dụng các biện pháp canh tác luân canh, đầu tư cân đối các loại phân bón, trong đó chú trọng bón các loại phân hữu cơ, phân vi sinh để cải tạo độ phì nhiêu đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất trong đó chú trọng phát triển các loại giống cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến động thời tiết và khả năng kháng dịch bệnh cao. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác mới, quan tâm nhiều hơn đến môi trường và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên; hướng đến nền nông nghiệp hàng hóa, sạch, đa dạng, phát triển bền vững.

- Tăng cường các biện pháp điều tiết nguồn nước bảo đảm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện; áp dụng công nghệ và phương pháp sản xuất tiết kiệm nước; chủ động phòng chống và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; thực hiện nề nếp công tác cấp phép khai thác tài nguyên nước và cấp phép xả nước thải vào nguồn nước.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng nước sạch, xây dựng và thực hiện chương trình hành động cụ thể để bảo vệ môi trường nhằm xây dựng môi trường sống xanh-sạch-đẹp và đảm bảo phát triển bền vững.

- Cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh phải có phương án xử lý chất thải để tránh ô nhiễm môi trường; thường xuyên thanh tra, kiểm tra và xử phạt các cơ sở gây ô nhiễm môi trường theo quy định.

- Trong quá trình triển khai các dự án cụ thể về xây dựng cụm công nghiệp, các nhà máy chế biến nông, lâm sản, các cơ sở sản xuất công nghiệp, các trang trại, khu chăn nuôi tập trung,... cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường.

- Những vùng đất trồng cây công nghiệp dài ngày, những vườn cây đã già cỗi, mạng lại hiệu quả kinh tế thấp cần tuyên truyền, vận động nhân dân chuyển đổi cây trồng hoặc thay thế cây trồng mới để mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Phát triển thủy điện, khai thác tốt tiềm năng hiện có gắn với bảo vệ môi trường sinh thái cần tiếp tục tập trung thực hiện đồng bộ: xác định đầy đủ, chính xác và thực hiện đúng các tiêu chí về môi trường, xem nó như là cơ sở cứng để đánh giá tiêu chí môi trường dự án và là một điều kiện đủ để đầu tư dự án. Từ yêu cầu đặt ra là các dự án thủy điện cần đảm bảo được sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững và ổn định; bảo vệ được các hệ sinh thái tự nhiên; cung cấp nước cho các hoạt động kinh tế - xã hội ở vùng hạ lưu; đảm bảo cho nhân dân ở vùng xây dựng các nhà máy thủy điện có đời sống vật chất, tinh thần ổn định cần thiết.

4.2. Các giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phải bố trí đủ nguồn vốn và nhân lực để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ, tập trung, không dàn trải, có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Thực hiện huy động nguồn lực đất đai, đầu tư bán đấu giá quỹ đất ở các vị trí có lợi thế, khu vực các trục giao thông, trung tâm thị trấn,... để tăng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm, phát triển thương mại dịch vụ,...

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh để thu hút đầu tư.

- Kêu gọi nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp để khai thác khu du lịch, khu thương mại dịch vụ tại trung tâm huyện.

- Tiếp tục thực hiện hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, phục vụ dân sinh, nhất là các hệ thống giao thông, thủy lợi,... Đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

4.3. Giải pháp về khoa học - công nghệ

- Đầu tư hệ thống thông tin về đất đai, ứng dụng công nghệ viễn thám trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế.

- Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu đất nông nghiệp để doanh nghiệp, HTX, nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân khai thác thông tin đầu tư sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương.

- Ứng dụng các loại giống cây trồng chịu hạn, giống ngắn ngày vào sản xuất để tiết kiệm nước tưới trong sản xuất nông nghiệp.
- Ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản;
- Trong sản xuất công nghiệp-TTCN; chế biến nông, lâm, thủy sản phải áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để hạn chế tác hại của chất thải gây ô nhiễm đất canh tác, nguồn nước và môi trường xung quanh.
- Ưu tiên đầu tư công nghệ tiên tiến về xử lý nước thải, rác thải; tái chế rác thải cho cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu ứng dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng, nước trong sinh hoạt và hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại,...

4.4. Các giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Thực hiện việc công bố công khai kế hoạch sử dụng đất toàn huyện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; kế hoạch của các ngành, địa phương có sử dụng đất phải dựa trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất toàn huyện được UBND tỉnh phê duyệt.
- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển cụm công nghiệp; đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả. Có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút các nhà đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển du lịch-dịch vụ, sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện việc quản lý đất đai theo kế hoạch: Bao gồm việc thẩm định dự án, xét duyệt dự án, thu hồi đất và giao đất phải theo đúng kế hoạch.
- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, để nâng cao đời sống nhân dân, đáp ứng mục tiêu đô thị hóa.
- Thực hiện những chính sách ưu đãi những hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, hết đất sản xuất, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, phải tốt hơn nơi ở cũ và hỗ trợ đào tạo nghề, ưu tiên thu hút vào làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh đã thu hồi đất.
- Khuyến khích nhân dân được chuyển mục đích sử dụng đất những thửa đất đan xen, có diện tích nhỏ phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt để thuận lợi trong quản lý và có nguồn thu ngân sách.
- Phát huy chính sách liên kết đầu tư giữa các doanh nghiệp và nhân dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất.
- UBND các xã, thị trấn căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được phê duyệt, tổ chức triển khai, hướng dẫn nhân dân đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất các năm tiếp theo đúng phạm vi, ranh giới quy hoạch.
- Hàng năm, phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất cho UBND huyện, để làm cơ sở điều chỉnh lập kế hoạch sử dụng đất cho năm sau.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện được xây dựng trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội toàn huyện và các ngành năm 2024. Dự án đã đánh giá khái quát về điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội toàn huyện, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và xác định những tồn tại, nguyên nhân để làm cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cho các ngành nhằm đạt được mục tiêu đề ra và có tính khả thi cao hơn.

Kết quả lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã xác định được ranh giới sử dụng các loại đất: đất nông nghiệp (đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác,...); đất phi nông nghiệp (đất trụ sở cơ quan, đất quốc phòng, an ninh, đất thương mại dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sản xuất vật liệu xây dựng, đất ở tại khu vực nông thôn, đô thị, đất phát triển hạ tầng (*đất giao thông, thủy lợi, đất cơ sở văn hóa, y tế, giáo dục-đào tạo, đất thể dục-thể thao,...*); xác định quỹ đất đáp ứng chỉ tiêu tinh phân bổ cho huyện và nhu cầu sử dụng đất phát triển các ngành kinh tế-xã hội trên địa bàn huyện, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2024.

Thực hiện dự án kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sẽ góp phần đạt được các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội toàn huyện và bố trí đủ đất để thực hiện các dự án, công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Kiến nghị

Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm phụ thuộc vào nguồn vốn thực hiện các công trình, dự án. Vì vậy, hàng năm các cơ quan, ban ngành, các doanh nghiệp,... cần sớm đăng ký danh mục các công trình, dự án thực hiện trên địa bàn để việc lập KHSD đất được đầy đủ, chính xác.

Đề nghị UBND huyện tập trung chỉ đạo các ngành chức năng của huyện và UBND các xã, thị trấn hoàn thiện các thủ tục đất đai đối với các công trình, dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa tiến hành làm thủ tục đất đai đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, trên địa bàn huyện có một số công trình, dự án đã triển khai thực hiện và được kiểm kê, thống kê diện tích, thể hiện trên bản đồ trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019, nhưng chưa có quyết định giao đất. Năm kế hoạch 2024 đã thống kê các công trình, dự án vào phương án kế hoạch sử dụng đất của huyện để làm căn cứ giao đất cho các đối tượng sử dụng và quản lý khi có nhu cầu.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHẦN BIỂU

KÈM THEO BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÁC CÔNG TRÌNH,
DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN VẼ TRÍCH LỤC CÁC THỬA ĐẤT
ĐĂNG KÝ CHUYÊN MỤC ĐÍCH HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN,
DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN